

1975

MAGAZINE



số 4. tháng 2 năm 2026



*Xuân
Bình Ngô*

1975

MAGAZINE



số 4. tháng 2 năm 2026

NĂM THỨ HAI * SỐ 4 * THÁNG 2 NĂM 2026

Chủ Nhiệm

Nguyễn Quang Dũng

Tòa soạn:

5113 Bradford Dr
Annandale VA 22003

Ban Biên Tập:

Lê Văn Bình - Lưu Nguyễn Đạt - Mai Thanh Tuyết
Uyên Thao - Nguyễn Bá Lộc - Phạm Thành Châu
Nguyễn Minh Nữ - Phó Thường Dân - Nguyễn Quang Dũng

Email:

focusdigitalpublishing@gmail.com

Website (coming soon)

1975magazine.com

*Xuân
Bình Ngõ*



THE
YEAR
OF
THE
HORSE
2026 *Binh*

Artwork by Đinh Trường Giang

Chúc Mừng Năm Mới
Đinh Ngọ 2026

Mục Lục

Lá Thư Đầu Năm Mới	Ban Biên Tập	3
Tết- Di Sản Tinh Thần của Dân Tộc Việt Nam	Lưu Nguyễn Đạt	4
Một Mùa Xuân Mới Trên Những Dòng Sông Cũ	Mai Thanh Tuyết	8
Hồi Ức và Ước Mong	Uyên Thao	14
Sài Gòn – Biểu Tượng của Tự Do	Trần Nhật Kim	41
Hành Trình Đi Bộ Vì Hòa Bình	Tuệ Quang	53
Từ “Xếp Ngàn Cánh Hạc” đến “Xóa Chiến Tranh, Mở Hòa Bình” và “Tôi Muốn Bay”	Đình Trường Giang	60
Vui Xuân Cùng Rượu và Thơ	Ngô Tăng Giao	65
Năm Ngọ Nói Chuyện Ngựa	Phạm Thành Châu	71
Kinh Nghiệm từ Bốn “Hồ Kinh Tế” Á Châu và Mong Ước Khó Thành của Việt Nam	Nguyễn Bá Lộc	77
Bối Cảnh Cuộc Bầu Cử Giữa Nhiệm Kỳ 2026 và Triển Vọng Kiểm Soát Quốc Hội	Nguyễn Quang Dũng	101
<i>Cộng Đồng:</i> Vai Trò của Cử Tri Người Mỹ Gốc Việt Trong Bầu Cử Giữa Nhiệm Kỳ 2026	Phó Thường Dân	107
Tết Việt ở Hải Ngoại – Sự Dung Hòa giữa Các Thế Hệ	Mai Thanh Tuyết	118
<i>Độc & Giới Thiệu Sách:</i> Ikigai- The Japanese Secret to a Long and Happy Life	BBT Điểm Sách	125
<i>Truyện Ngắn:</i> Thúy Kiều	Phạm Thành Châu	127

English Section

Tết – A Vietnamese Tradition	Phùng Thị Hạnh	136
Vietnamese Tet -The Integration Between Generations	Mai Thanh Tuyết	139
The Lunar Calendar and the Twelve Zodiacs	Lưu Nguyễn Đạt	146
Tết, The Spirit of Renewal	Lưu Nguyễn Đạt	154

Lá Thư Đầu Năm Mới

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà công nghệ phát triển nhanh hơn khả năng gìn giữ ký ức. Trí tuệ nhân tạo, dữ liệu và tự động hoá hứa hẹn hiệu quả và tốc độ - nhưng nếu thiếu ý thức lịch sử, chúng có nguy cơ san phẳng trải nghiệm con người, biến nó thành những bài toán tối ưu khô khan.

Tập san này tồn tại vì một lý do khác.

Chúng tôi tin rằng ký ức - đặc biệt là ký ức về lưu vong, sinh tồn và những giảng cơ đạo đức - phải được mang theo khi bước vào tương lai. Đồng thời, ký ức không thể đứng yên. Nó cần được nhìn lại bằng những câu hỏi, được diễn giải lại và được làm mới; nếu không, chính ký ức cũng sẽ trở nên mong manh.

Định hướng biên tập của chúng tôi ưu tiên chiều sâu hơn tiếng ồn, sự hoàn tất hơn việc chỉnh sửa bất tận, và nhịp độ bền vững hơn cảm giác gấp gáp. Chúng tôi viết cho những độc giả trân trọng sự rõ ràng mà không giản lược, tiến bộ mà không quên nguồn cội.

Trí tuệ nhân tạo là một công cụ mạnh mẽ, nhưng nó không phải là thẩm quyền tối hậu. Phán đoán của con người vẫn giữ vai trò trung tâm.

Công việc liên quan đến văn hoá vốn tiến triển chậm. Nó hiếm khi mang lại phần thưởng tức thì. Nhưng chính nhờ vậy, ý nghĩa của công việc mới có thể tồn tại lâu dài.

Đó là nhịp điệu mà chúng tôi lựa chọn.

Năm Mới Bính Ngọ 2026,
Cầu chúc Quý Độc giả
Sức Khỏe
&
Bình An.



Ban Biên Tập 1975 Magazine

THE
YEAR
OF
THE
HORSE
2026

Tết – Di Sản Tinh Thần Của Dân Tộc Việt Nam

Lưu Nguyễn Đạt



Tết là sự tôn vinh Nhân Sinh và Thiên Nhiên.

Trong dòng chảy lâu dài của lịch sử và tư tưởng Việt Nam, có một chân lý đã được khẳng định qua bao thế hệ: con người chỉ thực sự tìm thấy sự an hòa khi biết đặt mình trong mối tương giao hài hòa với thiên nhiên. Thiên nhiên và nhân sinh không tồn tại như hai thực thể biệt lập; chúng là hai nhánh của cùng một dòng sống, nâng đỡ, soi chiếu và định hình lẫn nhau. Chính từ sự hòa hợp ấy mà hình thành nên khái niệm tinh tế, mong manh nhưng vô cùng thiết yếu của hạnh phúc, một giá trị mà dân tộc Việt Nam luôn trân trọng và gìn giữ.

Sự tuần hoàn của bốn mùa - đặc biệt là khoảnh khắc cuối Đông chuyển sang Xuân - không chỉ là quy luật của trời đất, mà còn là nhịp đập của văn minh lúa nước, nơi đời sống vật chất và tinh thần của người Việt gắn bó mật thiết với hơi thở của đất đai. Theo tín niệm cổ truyền, đây là thời điểm vạn vật hồi sinh.

Muôn hòa hợp với thiên nhiên, con người cũng phải tự thanh lọc và tái tạo chính mình: gỡ bỏ những phiền muộn cũ, rũ sạch những ý nghĩ bất thiện, trả hết nợ nần để bước vào năm mới với tâm hồn thanh thản, trong sáng và xứng đáng với sự khởi đầu của trời đất.

Trong những ngày đầu Xuân, người Việt chú ý giữ trong lòng những điều thiện lành, nói lời hiền hòa, ngay cả với những ai từng đối nghịch. Bởi chính sự hòa ái ấy góp phần duy trì trật tự điều hòa của vũ trụ, đồng thời nuôi dưỡng hạnh phúc cho mình và cho người. Từ niềm tin ấy, người Việt cho rằng những hành động trong những ngày đầu năm có thể ảnh hưởng đến vận mệnh của cả năm. Vì vậy, người “xông đất” đầu tiên được xem như mang theo điềm lành hay rủi ro cho gia chủ. Để tránh điều bất trắc, nhiều gia đình chủ động mời một người “hợp tuổi, hợp vía” đến thăm nhà, với hy vọng đem lại an khang và thịnh vượng cho cả năm.

Tết – Trụ cột tinh thần của văn hóa Việt



Tết không chỉ là một thời điểm trong năm; Tết là một định chế văn hóa, là một nghi lễ tinh thần mang tính nền tảng của dân tộc Việt Nam. Tết là lời khẳng định mạnh mẽ của dân tộc trước sự tái sinh của thiên nhiên, là sự tái khẳng định niềm tin vào sự sống, vào đạo lý, và vào khát vọng hạnh phúc.

Tết là sự tôn vinh Gia đình và Đạo thờ Tổ tiên.



Trong ba ngày Tết, mọi thành viên - ông bà, cha mẹ, con cháu, họ hàng xa gần- dù ở đâu cũng cố gắng trở về sum họp dưới một mái nhà. Trên bàn thờ tổ tiên, di ảnh của những người đã khuất được trang trọng bày biện, chung quanh là hoa trái, lễ vật, hương đèn nghi ngút, như một lời mời kính cẩn gửi đến các bậc tiền nhân.

Tết không chỉ dành cho người sống; đó còn là những ngày tưởng niệm và tri ân người đã khuất.

Ngày cuối năm, gia đình dâng mâm cơm rước ông bà về ăn Tết. Trong hai ngày đầu năm, bữa cơm cúng được dâng lên đều đặn. Đến ngày thứ ba, một mâm cơm tiễn đưa được chuẩn bị để tiễn tổ tiên trở lại cõi thiêng, khép lại một chu kỳ giao cảm thiêng liêng giữa hai thế giới - một truyền thống vừa nhân bản, vừa thâm đắm triết lý Á Đông.



Tết như một lời hứa của dân tộc



Tết là thời khắc mà người Việt khắp nơi - giàu hay nghèo, trẻ hay già - đều tự thanh lọc tâm hồn, gác lại muộn phiền, để sống trọn vẹn trong tình thân và niềm hy vọng.

Điều đẹp đẽ nhất là, mỗi năm, Tết lại trở về, như một lời hứa bất tận của dân tộc Việt Nam - lời hứa về sự tái sinh, về tình thân, về đạo lý, và về niềm tin vào tương lai.

Tết là minh chứng rằng, dù thời gian trôi qua, dù thế giới đổi thay, có những giá trị vẫn trường tồn, nâng đỡ tâm hồn Việt và làm nên bản sắc Việt.

LƯU NGUYỄN ĐẠT, PhD, LLB/LLM
Michigan State University

Một Mùa Xuân Mới Trên Những Dòng Sông Cũ

TS Mai Thanh Truyết



Trong tôi, năm nay, 2026, Xuân Bình Ngô là một mùa Xuân đến từ những điều *rất nhẹ*... Xuân không đến bằng tiếng động. Xuân đến bằng một đổi thay rất nhỏ trong không khí, bằng mùi đất vừa thức dậy sau cơn mưa đêm, bằng ánh sáng bớt gắt trên một mái nhà cũ có đâu trên 80 năm. Có khi Xuân trong tôi chỉ là một buổi sáng, chợt nhận ra mình thở chậm hơn, và ký ức, vốn im lìm như con gấu ngủ suốt mùa đông, bỗng mở cửa... tiếp nhận những tia nắng Xuân hiện về.

Những lúc như vậy, tôi thường tìm đến một dòng sông không tên. Không phải để tìm câu trả lời, mà để đặt câu hỏi. Dòng sông ấy đã ở đó từ trước khi tôi sinh ra, và sẽ còn ở đó sau khi tôi rời đi. Nó mang một vẻ trầm mặc khiến người ta không dám có một cử chỉ vội vàng.

Tôi đứng nhìn nước trôi và nghĩ, có lẽ, lịch sử của một dân tộc cũng giống như thế, sông Gianh, sông Bến Hải, và biết bao dòng sông chưa kịp đặt tên... chảy qua ký ức, **không ồn ào khi đi qua, nhưng để lại dấu vết hằn sâu trong tim...**

Có thể nói, những dòng sông này đã đi qua nhiều mùa Xuân trong tôi hơn bất cứ con người nào. Có những mùa Xuân, nước sông đục, mang theo phù sa và cả những mảnh vỡ của đời sống. Có những mùa Xuân nước cạn, để lộ lòng sông nứt nẻ, như một cơ thể từng chịu quá nhiều vết thương quá khứ.

Nhưng mà lạ thay, chưa bao giờ tôi thấy một dòng sông nào ngừng chảy. Nó không chống lại những khúc quanh, không oán trách những bờ kè dựng lên bởi những bàn tay nôn nóng. Nó chỉ lặng lẽ tìm đường khác, chậm rãi, bèn bĩ, như thể hiểu rằng **tồn tại đã là một hình thức của sự chiến thắng.** Có lẽ, những điều bền vững nhất luôn đi chậm từ từ.

Lịch sử dân tộc của tôi cũng vậy. Không phải lúc nào cũng hiển hách, không phải lúc nào cũng sáng rõ, nhưng luôn biết cách **đi tiếp**, bằng một trí nhớ dài và một sức chịu đựng bèn bĩ.

Có một mùa xuân rất xa, dòng sông từng chia làm hai nhánh. Một nhánh trôi về phía những chân trời chưa từng gọi tên hay biết tên, mang theo những **con người phải học lại cách phát âm tên quê hương trong nỗi nhớ.** Nhánh kia ở lại, chảy qua những bến cũ, giữ lại tiếng gọi quen, nhưng cũng giữ lại nhiều oan khiên còn dang dở.

Những mùa Xuân trên đất lạ không làm Nước cô đơn. Trái lại, chúng dạy Nước rằng: **có thể hòa vào nhiều dòng chảy mà vẫn không đánh mất bản sắc.**

Người ta tưởng rằng chia ly là mất mát. Nhưng Nước thì không nghĩ như con người. Nước đi xa để học thêm cách chảy, học thêm cách làm rộng lòng sông hơn. Mỗi giọt nước, dù hòa vào dòng nào, vẫn mang trong mình **ký ức và dấu vết của nguồn cội.**

*Những mùa Xuân trên đất lạ không làm Nước quên đường về, làm Nước quên mình đến từ đâu. Trái lại, chúng dạy nước cách **hội nhập mà không tan biến, cách mở rộng lòng mình để chứa được nhiều hơn mà vẫn không đánh mất bản chất.***

Xuân, trong nghĩa ấy, không chỉ là đoàn tụ. Xuân còn là **sự chấp nhận chia ly như một phần của sự trưởng thành.**

Tuổi trẻ đang học cách gọi tên mùa Xuân. Mỗi độ xuân về, tôi lại thấy nhiều người trẻ ngồi bên bờ sông.

Họ mang theo những thế giới nhỏ phát sáng trong tay, mang theo những câu hỏi mà thế hệ trước ít khi dám đặt ra.

Họ không hỏi làm sao để dòng sông mạnh hơn, mà hỏi làm sao để dòng sông **đừng chết.**

Có người cúi xuống nhặt một mảnh rác.

Có người ngồi xuống vớt một bao plastic.

Có người trồng một hàng cây non.

Có người chỉ im lặng, nhìn Nước trôi, như thể đang học cách lắng nghe...

Những việc ấy không đủ để làm nên kỳ tích. Nhưng Xuân không bao giờ bắt đầu bằng những kỳ tích. Xuân bắt đầu bằng **một mầm cây rất yếu**, nhưng biết tìm ánh sáng để ...đồng hóa diệp lục tố...

Lá non, biểu tượng cho mùa Xuân.

Tôi tin rằng tương lai của đất nước này cũng được nuôi dưỡng từ những cử chỉ như thế: Nhỏ, âm thầm, liên tục không ngừng nghỉ. Rồi mùa Xuân từ từ thư thả ...đến.



Qua các nhận định về tuổi trẻ ở hải ngoại và tuổi trẻ trong nước, (chiếm hơn 60% tổng số dân ở Việt Nam), chúng ta thấy gì? Tôi vẫn lạc quan tin tưởng vào tuổi trẻ ở cả hai nơi. Tin tưởng vì dù có bùng bít, có kìm kẹp như thế nào đi nữa cũng không thể khóa lấp hết những nghịch lý của những người mang đến cho mọi tầng lớp dân tộc suốt hơn 50 năm qua. Các mạng lưới toàn cầu còn đó, một phương tiện hữu hiệu nhứt khiến cho tuổi trẻ sẽ so sánh hai hình ảnh tương phản giữa ***Thế giới tự do điều hành Đất Nước đặt trên căn bản Dân tộc – Nhân bản – Khai phóng – Khoa học.*** Trong lúc đó, ngược lại, Quê hương hiện tại đang chịu một sự ***quản lý bằng bạo lực, bằng bóc lột, và bằng biết bao đàn áp người dân tàn khốc*** mà không dựa trên một căn bản pháp lý nào cả, nghĩa là luật của rừng xanh, luật của con người thời Trung cổ.

Nhưng dòng sông Xuân vẫn tiếp tục chảy,

Đất cũng là nơi sinh sống của cả dân tộc.

Nước cũng là nguồn sống nuôi dưỡng dân tộc.

Những ngày đầu đời, tôi được nuôi lớn bằng nước sông Vàm Cỏ, sống trên vùng đất cồn, và phải rời nơi chôn nhau cắt rốn khi chưa đầy 3 tuổi. Do đó, tôi hầu như không có một kỷ niệm nào về quê tôi dù chỉ là trong ký ức.

Ngược lại, trong hơn 40 năm qua, tôi chỉ nói về ***Đất và Nước*** của Nước tôi với một nhà ***cầm quyền đang nằm dưới ách thống trị bởi “ngoại bang”***. Đất tôi và Nước tôi đã và đang bị dày xéo vì những quyết định ***“vô cảm, vô hồn và vô trách nhiệm”*** với những công cuộc xây cất các đặc khu “giải trí” cho du khách quốc tế, những công trình cốt chỉ để thu lợi và mang lại lợi ích cá nhân cho một thiểu số cầm quyền.

Đất đang bị đem rao bán cho ngoại bang!

Nước đang bị ngoại bang làm vẩn đục!

Và... ***Những chiếc lá sau cùng đang dần dần rơi về cội, trở về với cát bụi và đem theo những nỗi niềm tha hương buồn thảm thẳm của đời người. Có lẽ chẳng có dân tộc nào chịu nhiều đau thương và hận thù như dân tộc tôi.***

Nhưng... Dòng sông không vội ra biển

Đã có lúc Người ta muốn dòng sông chảy thật nhanh, thật thẳng, để sớm ra biển lớn. Nhưng đứng giữa mùa Xuân, tôi hiểu rằng ***không phải mọi dòng sông đều cần trở thành đại dương.***

Nếu đi quá nhanh, phù sa sẽ trôi đi hết. Nếu bị ép thẳng, dòng sông sẽ mất khả năng nuôi dưỡng. *Dòng sông này chọn cách chảy vừa đủ, để còn bồi đắp hai bên bờ, để còn phân*

chiều bầu trời mỗi khi Xuân đến.

Tương lai của Việt Nam, có lẽ, cũng không nằm ở sự rực rỡ tức thì, mà ở ***sự bền bỉ biết giữ mình***, biết cách chọn để ***chờ*** mùa Xuân tới.

Có những buổi sáng Xuân, mặt sông, Nước sông ... phẳng lặng đến mức tôi thấy trong đó không chỉ mây trời, mà ***cả những gương mặt chưa kịp sinh ra***. Họ nhìn tôi bằng ánh mắt không đòi hỏi. ***Họ chỉ mong còn một dòng sông để soi, còn một bờ đất để đứng, còn một mùa Xuân để tin.***

Tôi hiểu ra rằng trách nhiệm của hôm nay không phải là dựng lên những tượng đài, mà là giữ cho ngày mai còn chỗ để thở.

Tôi hiểu ra rằng trách nhiệm của hiện tại không phải là viết nên những trang sử chói lọi, mà là ***đừng làm nghèo đi khả năng hy vọng của tương lai.***

Một niềm hy vọng Nước tuôn về nguồn.

Tôi tin ... Xuân vẫn còn, và sẽ còn

Dân tộc này đã đi qua nhiều mùa đông hơn người ta tưởng. Nhưng điều đáng nói không phải là cái lạnh đã từng sâu đến đâu, lạnh cóng đến đâu, mà là ***Xuân chưa bao giờ vắng mặt.***

Xuân trở lại không phải vì mọi vết thương đã lành, mà vì sự sống có một bản năng rất bướng bỉnh: ***không chịu biến mất.*** Tuổi trẻ là mạch nước mới của bản năng ấy. Họ không cần làm dậy sóng. ***Chỉ cần họ trong hơn, chậm hơn, và tử tế hơn, thì dòng sông sẽ tự biết cách điều chỉnh dòng chảy!***

Mùa xuân của Việt Nam, vì thế, không phải là một khoảnh khắc bừng sáng, mà là ***một tiến trình hồi sinh âm thầm không thể đảo ngược.***

Và khi Xuân năm sau lại về, nếu dòng sông vẫn còn chảy, nếu con người vẫn còn biết dừng lại để lắng nghe, thì ta có thể tin rất nhẹ nhẹ, nhưng rất chắc, rằng... ***tương lai vẫn đang nảy mầm.***

Dân tộc này, rồi cũng như dòng sông kia, đã nhiều lần đi qua những mùa đông rất dài. Nhưng điều kỳ lạ là, ***mỗi mùa đông đều kết thúc bằng một mùa Xuân.*** Không phải mùa

Xuân nào cũng rực rỡ, nhưng *mùa Xuân nào cũng mang theo một lời hứa.*
Lời hứa ấy không nằm ở những biển cô lớn, mà ở *sự tiếp tục của sự sống.*

Ở những người trẻ vẫn cúi xuống trông cây.

Ở những dòng sông chưa chịu cạn.

Ở những con người, dù đã mỏi mệt, vẫn chọn tử tế.

Và,

Mùa Xuân của Việt Nam không phải là một đích đến.

Mà nó là một hướng đi.

Một hướng đi về phía ánh sáng dịu dịu, về phía sự hòa hợp, về phía con người biết sống chậm lại để sống lắng đọng hơn.



Và khi đứng trước dòng sông, trước mùa Xuân, ta còn nhận ra điều thật giản dị nhưng sâu sắc: *“con người vô thường, thân phận chỉ như những giọt nước thoáng qua trên dòng chảy dài của thời gian. Mọi niềm vui, nỗi buồn, mọi chia ly và hội ngộ, đều trôi đi, để lại phù sa cho thế hệ tiếp nối.”*

Và chính sự vô thường ấy mới làm cho sự sống trở nên quý giá, từng phút giây trở nên đáng trân trọng.

Chừng nào dòng sông còn chảy, chừng nào con người còn biết lắng nghe, thì Xuân không chỉ ở sau lưng, mà Xuân đang ở phía trước.

Và trong dòng chảy vô thường ấy, chúng ta nhận ra: *“Một là tất cả, tất cả là Một.”*

Mai Thanh Tuyết

Khai bút Mùa Xuân - 2026

Hồi Ức và Ước Mong

Uyên Thao

Cuối năm 1956, tôi bỗng nảy ra ý định viết về tiến trình thi ca Việt Nam thế kỷ 20 khởi từ năm 1900. Dù chỉ vừa sinh hoạt giấy bút 5, 6 năm và đang ở độ tuổi mong manh kiến thức, tôi đã lao vào công việc trước không ít trở ngại, trong đó khó nhất là việc thu gom tài liệu và thời giờ đọc, viết. Hầu hết tài liệu đều tập trung ở Sài Gòn là nơi tôi chỉ thập thoảng ghé qua do địa bàn của tôi thuở đó gói gọn tại vùng biên giới Việt - Miên từ Hồng Ngự, Châu Đốc tới An Giang, Kiên Giang trong khi cuộc sống lật đật thất thường khiến thời giờ luôn hạn chế.



Cuối cùng, tôi đã vượt qua nhiều trở ngại nhờ thiện cảm thân thương giúp đỡ từ rất nhiều người. Tại Sài Gòn, không chỉ các bạn đồng trang lứa mà một số đàn anh trong giới cầm bút đã giúp lo thu gom sách báo cần thiết rồi đóng gói trao cho tôi mỗi khi tôi có cơ hội về thành phố.

Riêng bạn bè quây quần tại vùng biên giới đều luôn giúp đem theo vài tập sách, báo để bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu, tôi vẫn có thể đọc khi điều kiện cho phép. Đặc biệt tại hai thị xã Long Xuyên, Rạch Giá, có hai người bạn đã dành cho tôi hai căn phòng trống để cất tài liệu và nghỉ ngơi khi có điều kiện về các nơi này. Tại hai căn phòng nhỏ ấy, tôi đã qua nhiều đêm thức trắng để viết, chỉ chớp mắt khoảnh khắc lúc sáng sớm khi mọi người trở dậy lo cho một ngày mới.

Sau hơn 4 năm, tôi hoàn tất bức chân dung phác họa dòng thơ tiếp nối dòng Thơ Việt Cổ Điển mà tôi định danh là *Thơ Việt Hiện Đại* qua 4 thời kỳ theo các biến cố lịch sử:

- Giai đoạn Sơ Khai 1900-1930
- Giai đoạn Nền Móng 1930-1945
- Giai đoạn Phân Hóa 1945-1956
- Giai đoạn Chuyển Tiếp 1956-1960

Qua năm 1960, tôi chỉ còn một việc nhẹ là hoàn tất phần thi tuyển gồm 1000 bài thơ của gần 300 tác giả tiêu biểu trong 4 giai đoạn.

Từ giữa năm 1959, cuộc sống thay đổi dần giúp tôi có mặt thường xuyên hơn ở Sài Gòn.

Do đó, tôi đã có cơ hội gần gũi bốn vị đàn anh từng giúp tôi là các anh Triều Đầu, Nguyễn Đức Quỳnh, Lê Văn Siêu, Nguyễn Hiến Lê. Anh Triều Đầu tặng tôi mấy chữ “*le critique des critiques*”, nhưng nhắc tôi cần nêu rõ cơ sở định hướng cách nhìn, cách hiểu về thơ cùng cách định vị các thi gia để tránh gây thắc mắc do nhiều



kết luận đưa ra. Không dám coi nhẹ nhắc nhở của vị đàn anh mà tôi mến phục, tôi suy nghĩ và quyết định viết thêm một tập tóm lược toàn bộ nội dung 4 tập sách đã hoàn tất, ghi lại các luận cứ nền tảng khi tôi nhận định về tiến trình dòng thơ Việt từ 1900 tới 1960.

Gần 2 tháng sau, tôi thảo xong bản nháp tập sách. Để bớt sai lầm, tôi thuê in ronéo 20 bản, trao cho một số bạn thân cùng các vị đàn anh để xin ý kiến trước khi bắt tay hoàn tất bản thảo. Trong số ý kiến nhận được, tôi vẫn nhớ lời nhắc của anh Nguyễn Hiến Lê qua mấy dòng cuối trên lá thư dài bốn trang giấy. Anh Lê cho biết một số điều anh không đồng ý với tôi, nhưng nhắc tôi nên giữ nguyên, vì theo anh, đó là cách hay nhất để thúc đẩy nỗ lực tiến gần đến sự thật do sẽ khơi gợi các ý kiến trái chiều rất cần có. Tất nhiên tôi còn nhận thêm ý kiến của vài người khác và ba tháng sau, tôi hoàn thành bộ *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* với 6 tập:

01– *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960, nhận định*

02– *Thi gia giai đoạn Sơ Khai 1900-1930*

03– *Thi gia giai đoạn Nền Móng 1930-1945*

04– *Thi gia giai đoạn Phân Hóa 1945-1956*

05– *Thi gia giai đoạn Chuyển Tiếp 1956-1960*

06– *Tuyển tập 1000 thi bản của 300 tác giả.*

Tôi đạt dự tính vào cuối năm 1960 cũng là thời điểm mở đầu đưa tôi tới khúc quanh đổi hẳn cuộc đời. Lúc đó, tôi đã có mặt ở miền Nam 7 năm với cảnh sống bấp bênh.

Mức bấp bênh bất chợt gia tăng do vụ đảo chánh của đại tá Nguyễn Chánh Thi cuối năm 1960.

Bởi dù đi bên lề xã hội, tôi vẫn khó tránh tác động thời thế. Lý do là tôi đang dạy môn Toán-Lý-Hóa tại mấy lớp đệ nhất cấp của trường Thái Đức mà hiệu trưởng Nguyễn Thành Vinh là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng bị bắt vì dính líu với đại tá Nguyễn Chánh Thi. Hậu quả hiển nhiên là bất kỳ ai liên hệ với trường Thái Đức đều rơi vào tầm nhìn của giới an ninh trong khi tôi đang sống nhờ mấy tờ giấy giả và chui lủi dưới các mái chùa.

Một cơ duyên hết sức tình cờ đã giúp tôi đặt chân lên đoạn đường êm ả ngoài tưởng tượng.

Cụ thể là anh Paul Hiếu tức Ngô Trọng Hiếu, bộ trưởng Bộ Công Dân Vụ lúc đó hàng tuần vẫn tới dự các buổi họp mặt văn nghệ tại nhà anh Nguyễn Đức Quỳnh, đột nhiên một đêm bỗng nhắc tôi hôm sau tới đài phát thanh Sài Gòn gặp giám đốc Nha Vô Tuyền Truyền Thanh.

Thấy tôi ngỡ ngác, anh giải thích tôi sẽ trở thành nhân viên đài Sài Gòn do anh đã sắp đặt xong. Tôi càng ngỡ ngác hơn, vì suốt 7 năm qua, tôi chưa hề có mảnh giấy tùy thân nên luôn phải che giấu tung tích. Trước vẻ sững sờ tột độ của tôi, anh nhắc lại như ra lệnh: “*Sáng mai tới ngay đài Sài Gòn, xin gặp giám đốc. Khởi nói gì thêm nữa. Moa biết hết về toa rồi.*”

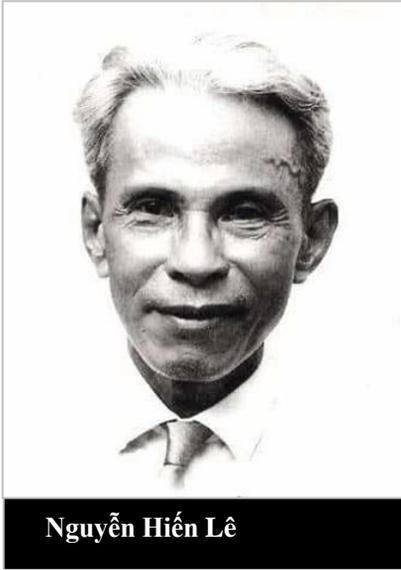
Giám đốc Nha Vô Tuyền Truyền Thanh lúc đó là thiếu tá Phạm Xuân Ninh tức nhà thơ Hà Thượng Nhân mà tôi đã gặp qua nhiều sinh hoạt giấy bút mỗi khi có dịp ghé Sài Gòn.

Anh Ninh hơn tôi hơn mười tuổi nhưng luôn coi tôi như một bạn trẻ thân thiết.

Sáng hôm sau, tôi tới đài, được đưa vào phòng giám đốc.

Anh Ninh nhắc tôi ngồi xuống và nói ngay: “*Lát nữa xuống phòng hành chánh, nói là moa đã tuyển toa làm nhân viên của đài rồi để họ làm thủ tục.*” Rồi anh thêm một câu ngoài hẳn tưởng tượng của tôi: “*Cứ nghĩ ra cái tên gọi gì cũng được cho nhân viên làm giấy tờ và hẹn sẽ nộp chứng từ sau.*”

Sáng hôm đó là buổi sáng thần kỳ vì mọi sự xảy ra với tôi đều như phép lạ. Tôi vừa có việc làm vững vàng, vừa chấm dứt cảnh sống bên lề xã hội do đã nắm trong tay tấm thẻ “*nhân viên Nha Vô Tuyền*” có thể dùng bất cứ khi nào cần thay cho tấm thẻ căn cước mà tôi chưa từng có và chưa bao giờ tưởng tượng sẽ có, dù cái tên ghi trên “*thẻ nhân viên*” vẫn là tên giả do tôi nghĩ ra khi bước trên mấy bậc cầu thang từ



phòng giám đốc xuống phòng hành chánh. Sau khi hoàn tất mọi thủ tục và nhận các giấy tờ, tôi lên lầu gặp lại anh Ninh. Anh cười thoải mái cho biết tôi chỉ còn đúng một tuần lễ ở Sài Gòn để lo mọi thứ cần thiết. Vì tuần tới tôi phải có mặt tại Ban Mê Thuột với vai trò phụ trách chương trình của đài Tiếng Nói Cao Nguyên Trung Phần vừa dựng xong tại đây.

Việc làm ngay lúc đó của tôi là mỗi buổi sáng phải tới đài Sài Gòn nghe các chuyên viên chỉ dẫn về mọi chi tiết công việc cùng cách thực hiện ra sao. dịp này, tôi được giới thiệu một bạn trẻ sẽ cùng tôi đi Ban Mê Thuột là Nguyễn Nghiệp Nhượng vừa gia nhập làng thơ. Tôi chưa từng gặp Nhượng nhưng chúng tôi gắn bó ngay như anh em một nhà. Thơ văn với tôi không còn là vấn đề, tương tự cảnh ngộ bấp bênh lận đận kể như đã lùi hẳn vào dĩ vãng.

*

Đặt chân tới Ban Mê Thuột, ngoài Nhượng, tôi chỉ quanh quẩn với 4 người miền núi là Y Phò, Cil Đinh, Nay Ju, Pierre Lem thuộc các sắc tộc Bahnar, Koho, Jarai, Êđê. Năm đó Y Phò ở tuổi ngũ tuần biết nhiều thứ tiếng Thượng nên tôi đặt ông vào vai phụ tá lo các chương trình Thượng ngữ kiêm thêm việc dạy tôi tiếng Thượng, khởi đầu là tiếng Êđê.

Công việc không nặng nhọc, nhưng chiếm hết thời giờ, nhất là tôi luôn nghĩ về sự tin cậy và tình thương mà hai anh Ngô Trọng Hiếu, Hà Thượng Nhân dành cho. Tôi thấy mãi mãi vô phương báo đáp tình thương đã nhận nên chỉ tự nhủ cố gắng tối đa trong công việc để khỏi phụ lòng tin của các anh ấy.

Mấy ngày cuối ở Sài Gòn, tôi được biết đài Ban Mê Thuột có mức phát sóng lớn chỉ thua đài Sài Gòn và mục tiêu quan trọng là chinh phục các sắc tộc miền núi do vùng cao nguyên đang là địa đầu xâm nhập của chế độ Hà Nội. Nhưng lúc đó với tôi, trước mắt luôn dày đặc đám sương mù về cách sống và suy tư của toàn bộ người Thượng. Hiểu biết của tôi chỉ là con số không cực lớn nên tôi khó rời mỗi ám ảnh khi ngồi trước máy phát thanh, các nhân viên có thể thoải mái đọc khác với bài do Y Phò đã kiểm tra. Bởi giả dụ tôi hiểu nổi tiếng Êđê thì vẫn điếc đặc trước các chương trình Koho, Sedang, Bahnar, Jarai.

Tuy nhiên chỉ ít lâu sau, ám ảnh này được giải tỏa khi các nhân viên Thượng đều thành bạn và tôi có dịp biết thêm về cách ứng xử của người miền núi. Hôm đó, sau

buổi phát thanh, tôi rủ Y Phò về thị xã Ban Mê Thuật uống cà phê. Tôi chỉ rủ Y Phò vì đã biết nếu rủ hết bốn người, tôi sẽ phải uống 4 ly do mỗi người được rủ đều tức khắc “*trả nợ*.” Dù vậy, buổi uống cà phê cũng kéo dài hơn một giờ, sau phần “*trả nợ*” của Y Phò. Suốt thời gian đó, tôi không thể rời mắt khỏi bà già Thượng ngồi bệt trên vỉa hè ngay trước quán cà phê với bó trái cây lớn đặt trước mặt. Tôi đã biết người miền núi vẫn mang đồ ra bán tại thị xã nhưng lạ lùng thấy bà luôn lắc đầu với người dừng lại chỉ bó trái cây hỏi mua. Khi bà lắc đầu với người thứ năm thì tôi phải nêu thắc mắc với Y Phò sao bà đem hàng ra mà không chịu bán?

Y Phò bảo đó là chuyện thường vì bà đem hàng ra chắc để trao cho người đã hẹn từ nhiều ngày trước nên ngồi chờ. Y Phò nói thêm bây giờ có ai trả giá gấp nhiều lần bà cũng không bán, vì làm thế là “*sai lời hứa, phạm tội với thần linh*.” Sự “*sợ mắc nợ*” của các bạn Thượng từng khiến tôi cười thích thú, nhưng tôi phải cúi đầu kính nể bà già tả tơi kiên trì giữ đúng lời hứa.

Mỗi ngày vực luôn ám ảnh kẻ như xóa hẳn, vì các bạn Thượng đều đã hứa làm đúng ý tôi nên tôi có thể yên tâm khỏi học thêm các ngôn ngữ Koho, Jarai, Bahnar, Sedang. Ngay lúc đó tôi bỗng nhớ về hình ảnh bà mẹ trong lời một bài ca của Phạm Duy mà tôi từng nhắc khoảng 5, 6 năm trước vào một đêm tại Câu Lạc Bộ Văn Nghệ ở đường Phan Đình Phùng, Sài Gòn. Đêm đó, tôi từ Châu Đốc về Sài Gòn tới đây và được đây ngồi chung bàn cùng mấy văn nghệ sĩ lớn tuổi trong số có Phạm Duy. Mọi người đang nói về bài *Những Nẻo Đường Việt Nam* của Thanh Bình và Phạm Duy phát biểu: “*Thằng này mà tiếp tục làm nhạc thì moa sẽ thua nó cả về nhạc lẫn về lời*.” Phát biểu của Phạm Duy khiến tôi vô cùng hứng thú vì Thanh Bình là anh họ tôi.

Thuở ở Hà Nội, tại căn gác nhỏ ngôi nhà số 15 hay 35 phố hàng Bè (1), tôi đã qua nhiều đêm mài mê ngắm Thanh Bình ngồi bên ngọn đèn dầu, miệt mài viết và ít lâu sau trở thành cây bút được mến mộ với hai tập truyện dài *Gió Dập Mưa Vùi* và *Mình Còn Trẻ Lắm* do nhà xuất bản Tia Sáng ấn hành. Tôi càng phục Thanh Bình hơn khi anh sáng tác nhạc, nhưng tôi khó chịu vì lời ca *Những Nẻo Đường Việt Nam* có hai từ “*cộng quân*” mà tôi cứ thấy sẽ hạ thấp bài ca:

... *Yêu là yêu, là yêu không bờ bến rồi*

Sao Cộng quân đành tâm chia đường cách đôi?

Tôi tự nhủ phải nói với Thanh Bình điều này nhưng chưa có dịp gặp lại nhau.

(1) Tôi không nhớ chắc số nhà nhưng nhớ rõ là nhà riêng của bà Nhất Linh Nguyễn Tường Tam cho gia đình một người thân của tôi mượn phần trên lầu nên ban đêm tôi thường qua đó ngủ.

Vì thế, khi Phạm Duy vừa nói dứt, tôi lập tức nêu sự khó chịu về hai từ “*cộng quân*” có thể gây hiểu lầm bài ca chỉ là sản phẩm tâm lý chiến, nặng tình thần tranh giành phe phái, sẽ hạ giảm tác động gợi nhắc tình yêu quê hương đất nước. Ký giả kiêm kịch sĩ Lê Văn phản đối tôi, cho rằng hai từ “*cộng quân*” kích thích tinh thần chống Cộng Sản trong quần chúng sẽ góp phần tạo điều kiện giành thắng lợi cho lực lượng quốc gia miền Nam.

Lê Văn còn có bút hiệu Vũ Bắc Tiến luôn cố võ định hướng nghệ thuật một chiều y hệt chủ trương của chế độ Hà Nội. Trước sự im lặng của mọi người, tôi nêu hai điều mà tôi nghĩ là người cầm bút nào cũng cần lưu ý.

Thứ nhất, mục tiêu đấu tranh chính xác mà người Việt đang theo đuổi là giành lại cuộc sống bị cướp đoạt từ thế kỷ 19 và đang bị đày đọa bởi chủ trương độc chiếm quyền lực của chế độ Hà Nội. Thắng lợi mà miền Nam phải giành chỉ là điều kiện để đạt mục tiêu đó. Từ đây, việc cần làm với người cầm bút là góp phần thúc đẩy tinh thần yêu nước thay vì phân biệt phe phái, bởi mục tiêu giành lại cuộc sống dân tộc rõ ràng không cho riêng người miền Nam mà cho mọi người đang sống trên đất nước Việt Nam, kể cả kẻ u mê bị lừa gạt hoặc hèn mạt bị sai khiến đang chĩa họng súng vào chúng ta. Tóm lại, cần tránh nhìn lệch chính nghĩa của mục tiêu để hạ thấp cuộc đấu tranh đang theo đuổi xuống hàng giành giật quyền lực giữa phe này với phe nọ.

Thứ hai là về lời ca, tôi nghĩ các hình ảnh sống sẽ có tác dụng nhiều hơn mọi lời lẽ khẩu hiệu. Tôi nêu thí dụ cụ thể là tôi từng xúc động trước hình ảnh bà mẹ Việt Nam, một bà mẹ quê trong lời ca của Phạm Duy qua lời ca giản dị “*miệng khô, miệng khô nhớ bát nước đây, nhớ bà mẹ quê xưa ấy.*” Từ hình ảnh này, tôi luôn thấy một bà mẹ đầy lòng nhân hậu kèm theo là lòng nhớ ơn của người đã nhận chỉ một bát nước.

Tôi vừa dứt lời, Phạm Duy lập tức đập vai tôi nói lớn:

– *Đúng rồi. Kể từ lúc này, tụi mình là bạn.*

Rồi anh tiếp: “*Nhớ là phải **mày - tao**. Không **mày - tao**, đéo chơi!*”

Đây là lần đầu gặp Phạm Duy nên tôi sững người về lời nói và hành xử của anh ấy. Tôi càng sững hơn khi chính Lê Văn tán trợ Phạm Duy, nắm tay tôi lắc mạnh. Nói sau là đạo diễn Thiếu Lang cũng bắt tay tôi. Cả Lê Văn và Thiếu Lang đều lớn tuổi hơn Phạm Duy nên tôi đề nghị “*Các anh xưng hô sao cũng được, riêng tôi xin chỉ tutoyer thôi.*”

Lạ lùng là mấy ngày sau khi tôi nhớ về buổi tối đó, Phạm Duy bất ngờ xuất hiện tại đài Ban Mê Thuật. Anh được xe của Ty Thông Tin Darlac đưa tới cùng hơn hai mươi nhạc công miền núi mang theo đủ loại nhạc cụ. Phạm Duy bảo đang tìm hiểu âm nhạc

miền núi nên cần trực tiếp nghe nghệ sĩ miền núi trình diễn. Anh nhắc tôi dành cho một phòng vi âm và giúp ghi âm các buổi trình diễn có thể kéo dài một, hai tuần. Anh cũng cần một người biết tiếng Thượng luôn ở bên cạnh để hỏi han đám nhạc công miền núi các điều cần thiết.

Sự có mặt của Phạm Duy và đám nghệ sĩ miền núi vừa gây xáo trộn thời biểu của tôi vừa đẩy tôi trở lại cảnh mù mịt về cuộc sống miền núi. Những lúc ngắm Phạm Duy ôm cây đàn ghi-ta diễn lại từng đoạn nhạc mà đám nghệ sĩ miền núi vừa trình tấu, rồi hỏi họ điều này, điều nọ, tôi không ngăn nổi thắc mắc về các chương trình phát thanh tôi đang thực hiện được phổ biến ra sao, tiếp nhận thế nào tại các vùng đất mà tôi chưa hề đặt chân tới, thậm chí còn không biết ở đâu. Trong khi đó, tôi đoán chắc hầu hết người miền núi đều chưa biết đến chiếc máy thu thanh và toàn vùng cao nguyên chưa thể có điện. Như vậy, sự thực hiện một nhiệm vụ quan trọng như tôi từng được nhắc có vẻ chỉ là ảo tưởng.

Chúng tôi đang hướng họng súng lên trời và say sưa nhả đạn vào không trung!

Tôi nêu ngay ý nghĩ này với anh Hà Thượng Nhân, và qua điện thoại, đã nhận một câu trả lời đầy tự tin pha lẫn hài hước: *“Mọi việc đã có người khác lo. Các toa cứ tiếp tục bắn lên trời đi.”* Câu trả lời không giúp tôi hết thắc mắc nhưng tự hiểu về giới hạn vai trò của mình và thoải mái nghĩ về một thắc mắc mà Phạm Duy bất chợt đưa ra. Lúc rời Ban Mê Thuật, Phạm Duy bỗng hỏi tôi: *“Moa đúng là thi sĩ, sao sách của toa không nhắc đến?”*

Gần hai năm trước tôi đã trao bản nháp tập nhận định về *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* cho Phạm Duy để xin ý kiến, nhưng anh vẫn nín thinh. Khi nghe hỏi, tôi nói anh đúng là thi sĩ nhưng chỉ làm nhạc thôi. Lập tức anh hỏi: *“Vậy sao không viết về nhạc?”* Câu hỏi ném ra theo lối nói khơi khơi của Phạm Duy cứ lớn vồn trong đầu tôi và ít ngày sau trở thành nghiêm túc, khi tôi nhận cuộn băng ghi một số sáng tác mới của Phạm Duy do đài Sài Gòn gửi tới.

Tôi nghe nhạc Phạm Duy từ tuổi thiếu niên trong vùng kháng chiến và trước khi rời Hà Nội đi Sài Gòn gần như luôn bị hút hồn bởi bản *Tình Ca* qua giọng hát Thái Thanh.

Lúc mở cuộn băng vừa nhận, tôi ngỡ như mình đang ngồi bên ánh lửa bập bùng giữa đêm đen dày đặc ở một buôn bản nào đó với âm vang dồn dập ngàn ngút bốc lên xua tan bóng tối tràn ngập núi rừng. Phạm Duy không chuyển hóa mà chỉ tái tạo các âm điệu đang quen dần với tôi cùng lời ca mộc mạc nhưng chứa một sức mạnh kinh hồn đập thẳng vào tim người nghe.

Cả bốn bạn Thượng đều buông bút, chống tay lên bàn nhìn cuộn băng khi lời ca cất lên:

Anh em ta... cùng mẹ cha... theo chuyện cũ

Trong tích xưa... khi núi non... còn mịt mờ

Xưa khi xưa... Mẹ đẻ ra... trăm cái trứng

Trăm đứa con... chung máu Tiên... cùng một giọng...

Một đề nghị được đồng loạt đưa ra là cho phát ngay các bài ca này trên mọi chương trình.

Với riêng tôi lúc đó, câu hỏi của Phạm Duy từ mấy tháng trước bừng sáng dậy:

– *Vậy sao không viết về nhạc?*

Rất nhanh, tôi thấy bên cạnh bộ *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* mà tôi vừa hoàn tất cần thêm hai bộ sách về văn và nhạc để lưu lại các chứng tích gợi nhắc sự cần thiết có mặt trong cuộc sống của hai bộ môn này. Thật lạ là giữa lúc tôi đang suy nghĩ tìm cách hình thành dự tính về 2 bộ môn Văn và Nhạc thì nhận được lệnh trở về Sài Gòn. Một tin vui cực lớn!

Tới lúc đó tôi đã xa Sài Gòn hơn một năm và vẫn nghĩ việc tôi lên Ban Mê Thuật chỉ do hai anh Ngô Trọng Hiếu và Hà Thượng Nhân muốn giúp đưa tôi tới một địa bàn an toàn. Như vậy, được trở về Sài Gòn, tôi không chỉ có cơ may trở lại với sinh hoạt giấy bút mà cảnh bấp bênh nguy hiểm của tôi có thể cũng qua rồi. Nhưng niềm vui của tôi không kéo dài.

Chỉ ba ngày sau, khi gặp anh Hà Thượng Nhân tại Sài Gòn, tôi lại nhận chỉ thị ra ngay Quảng Ngãi lo một đài phát thanh mới vừa dựng xong.

Thế là tôi chỉ có mặt tại Sài Gòn vồn vện một tuần. Mấy ngày ngắn ngủi này, tôi chỉ làm được một việc nhỏ là về căn phòng tại ngôi nhà của anh bạn Nguyễn Sỹ Hưng ở đường Nguyễn Huệ, Phú Nhuận, lôi hết đống bản thảo trong chiếc thùng thiếc ra phủi bụi, đặt trên góc bàn.

Lúc ngắm tập bản thảo là lúc tôi nhủ thầm sẽ cố gắng tăng thêm độ dày bằng hai bộ sách về Văn và Nhạc.

Trên đường ra Quảng Ngãi, lần đầu tôi được biết về xe lửa và có dịp ghi nhận thêm nhiều hình ảnh Việt Nam khác hẳn các dòng sông luôn vang vọng giọng hò từ các thôn xóm ven bờ tại miền Tây với những ngõ đất mịn màng dưới bóng dừa mát rượi.

Đài Quảng Ngãi đã có bộ phận lo về chương trình và có thêm hai giọng nữ xướng ngôn kinh nghiệm từ Sài Gòn là Minh Tần, Song Hạnh ra tăng cường nên công việc của tôi khá nhàn. Tôi đã có thời giờ lên chùa Thiên Ân tìm hiểu về lịch sử cùng con người đất Quảng và luôn ghé vùng Sông Vệ để biết về lai lịch cùng đặc trưng món Mì Quảng, đồng thời tiếp xúc với nhiều giới địa phương. Do đó, một ngày có cô bé cỡ mười bốn, mười lăm tuổi níu tay tôi đề nghị giúp cô được hát trên đài. Cô bé có giọng ca đặc biệt, nhất là cô chào đời tại Huế và sống tại Quảng Ngãi nhưng phát âm chuẩn cả ba giọng Bắc - Trung - Nam nên tôi nhắc anh em giúp cô đạt mơ ước. Không ngờ mấy năm sau tôi lại gặp cô ở Sài Gòn với tư cách bạn đời của Nguyễn Nghiệp Nhượng và là nữ ca sĩ Hồng Vân tên tuổi lẫy lừng trong ban Tam Ca Đông Phương cùng giọng ngâm thơ nổi bật trên chương trình Tao Đàn của Đinh Hùng.

Tôi ở Quảng Ngãi hơn nửa năm thì được lệnh ra Đà Nẵng. Đài Đà Nẵng hoạt động từ lâu, đã có nề nếp nên hai tháng sau, tôi nhận một tin làm sống lại niềm vui đã bị dập tắt.

Đó là chỉ thị trở về Sài Gòn.



Cảnh lên đèn của tôi thực sự chấm dứt khi anh Hà Thượng Nhân cho biết tôi sẽ về phòng Bình Luận, lo phần *Thời Sự Cuối Ngày* phát thanh vào đêm khuya nên tôi chỉ cần có mặt từ 6 giờ chiều và trao bài thẳng cho xướng ngôn viên thay vì đưa qua ban kiểm duyệt như các bạn làm theo giờ hành chính. Lúc này là mùa Xuân 1963, tính ra tôi đã rời Sài Gòn hai năm. Dù vẫn thiếu tấm thẻ căn cước và hồ sơ hành chính chưa có mảnh chứng từ nào, tôi không bận tâm về chuyện đó. Thêm nữa, tôi đã có một phòng riêng tại nhà anh bạn Nguyễn Sỹ Hưng để thực sự an cư và có thể thoải mái theo đuổi mọi dự tính vì không cần đến đài vào giờ hành chính.

Hàng ngày tôi đi quanh mấy tiệm sách tìm các tác phẩm chưa đọc hoặc chưa hề biết, đồng thời ghé mấy tạp chí từng tương quan từ lâu để trao bài viết hoặc gặp gỡ bạn bè.

Nhân đó, tại tòa soạn *Giáo Dục Phổ Thông* lại xảy ra một chuyện dính tới bộ *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* đã trở thành kỷ niệm khó quên. Tại đây, mấy bữa trước tôi đã gặp Bùi Giáng và nghe anh hỏi “*viết về thơ Xuân Diệu chưa?*” Bùi Giáng biết tôi viết về thơ từ mấy năm trước nhưng anh luôn nghĩ tôi đang viết và luôn chỉ nghĩ tới thơ Xuân Diệu.

Tôi trả lời cho qua là “*sắp viết.*” Anh lập tức dặn “*khi viết về thơ Xuân Diệu cần tuyệt thực để tịnh khẩu tịnh tâm*” rồi dặn thêm “*nếu viết vào ban đêm không được mở đèn*

điện mà phải đốt đèn cây.” Tôi gật đầu do đã hiểu bạn, vì giữa hai chúng tôi từng xảy ra các bất đồng kỳ cục.

Bùi Giáng biết nhiều ngoại ngữ, ham đọc sách và viết bài thường trích các điều đã đọc. Anh trích mà không dịch nên có lần đọc một bài của anh kèm nhiều đoạn tiếng Đức, tôi khó chịu nhắc phải dịch. Anh bảo “*dịch là phản*” nên tùy người đọc.

Tôi nói người đọc như tôi còn không hiểu thì đa số người khác làm sao hiểu.

Anh liền đập bàn nạt lớn: “*Mày ngu mà làm biếng. Chẳng con nít Phạm Công Thiện học được, sao mày không chịu học?*”

Tôi cũng như bạn bè đều hiểu không thể bàn cãi điều gì với Bùi Giáng nên chỉ cười tỏ vẻ sẽ theo ý anh. Lần gặp lại này, anh lại nhắc về thơ Xuân Diệu và hỏi đúng câu hỏi mấy ngày trước. Tôi đáp viết xong rồi. Anh hỏi tiếp: “*Có làm đúng lời tao dặn không?*”

Tự nhiên tôi bỗng muốn nói ngược lại coi ra sao nên trả lời: “*Tao quên bém hết nên vẫn ăn uống và bật đèn điện như thường.*”

Lập tức anh vùng bật dậy, hét lớn, chụp chiếc máy chữ trên bàn liệng thẳng vào người tôi. Tôi né kịp thì chiếc máy chữ rớt xuống sàn xi măng bẻ nát. Tổng thư ký tòa soạn Vũ Anh Tuấn vội lao ra đứng chắn trước tôi giữa lúc Bùi Giáng xông tới.

May là Bùi Giáng kịp nhận ra Vũ Anh Tuấn nên chỉ la hét rồi bước ra đường.

Sự vụ ngưng tại đó nhưng sống mãi nơi ký ức tôi. Việc viết lách quần quanh tôi từng ngày qua các chuyện vụn vặt như vậy, nhưng tôi lại không dễ đạt điều kiện cầm bút theo dự tính, dù đã có mặt ở Sài Gòn. Vì đúng lúc tôi đang cân nhắc nội dung bộ sách về môn văn thì nổ ra vụ Phật Giáo biểu tình đổ máu tại Huế.

Từng có nhiều ngày nương tựa dưới các mái chùa nên tôi vội lên chùa Sùng Đức ở Thủ Đức thăm hòa thượng Thích Đức Tuệ, đồng thời để hỏi rõ về tình hình. Tại đây, tôi thấy đang có mặt hầu hết môn đệ của hòa thượng gồm các thượng tọa Tuệ Hải, Tâm Châu, Độ Lượng, Thanh Long ... Thượng tọa Tâm Châu kéo tôi ra một góc, nhắc rời chùa ngay và dặn “*từ nay tuyệt đối không được bén mảng tới chùa nào.*”

Tôi vốn đã biết thời khoảng 1948-1950, thượng tọa Tâm Châu từng cùng giám mục Lê Hữu Từ lập Lực Lượng Liên Tôn Võ Trang Chống Cộng tại vùng Bùi Chu - Phát Diệm nên hiểu ngay thời gian tới sẽ khó khăn và thấy cần phải theo lời dặn.

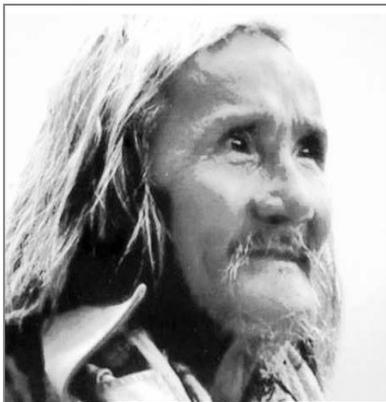
Dù chưa gặp hòa thượng Thích Đức Tuệ, tôi vẫn rời chùa Sùng Đức và suốt thời gian sau đó, không ghé chùa nào, kể cả chùa Quán Thế Âm kế cận nhà Nguyễn Sỹ Hưng

mà tôi đang ở. Hàng ngày, tôi tới đài Sài Gòn vào giờ hành chính loanh quanh tại phòng thư viện. Tôi cố gạt thời thế ra xa, vùi đầu vào sách vở giữa lúc Sài Gòn biểu tình căng thẳng và bốc lửa khi vị trụ trì chùa Quán Thế Âm là hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu.

Một đêm khuya, giữa lúc tôi đang ngồi trước bàn viết thì phía ngoài đột ngột vang lên tiếng đập cửa liên tục. Nguyễn Sỹ Hưng choàng dậy, bật đèn, ra mở cửa. Tôi vừa nghe tiếng ồn ào dội vào thì ngay phòng tôi đã hiện ra một đám đông. Một người mặc sắc phục cảnh sát tới hỏi giấy tôi. Anh ta chỉ liếc sơ tầm thẻ nhân viên Nha Vô Tuyến do tôi trao, rồi ra lệnh: “*Đứng lên! Đi theo tôi!*” Anh dẫn tôi ra cửa, chỉ chiếc xe đậu sẵn nói tiếp: “*Lên xe!*”

Dưới ánh đèn điện, tôi đọc ngay được bản số xe và nhận ra chiếc xe tôi đã thấy nhiều lần vào các dịp ghé gặp Nguyễn Tường Bá ở văn phòng luật sư Trịnh Đình Thảo. Tôi không tương quan gì với luật sư Thảo, nhưng bạn tôi Nguyễn Tường Bá tập sự ở phòng luật của ông. Do đó, đã vài lần ông ngoắc tôi vào phòng hỏi vu vơ về thời thế.

Lập tức tôi nghĩ ông đã bị bắt và có thể tôi đang bị nghi dính líu với ông. Khoảng một giờ sau, tôi bị đưa tới một phòng giam bên đường Cộng Hòa đang có một người tù chính là luật sư Thảo. Ông nhìn tôi trân trân lúc cai tù mở cửa, nhưng khi tôi bước vào phòng thì ông lặng lẽ quay đi như không hề quen biết rồi nằm xuống ngủ. Tôi dựa lưng vào vách, ngồi nghĩ quẩn quanh và thấy mình không bị bắt vì dính với luật sư Thảo. Kinh nghiệm tù cho biết không thể giam các tù nhân cùng vụ chung một phòng. Một nghi vấn nổi lên: “*Tại sao mình bị bắt?*” Tôi lập lại câu hỏi này nhiều



Bùi Giáng — SG 1992

lần với thẩm tra viên vào các dịp bị hỏi cung. Lời đáp tôi nhận được chỉ là các tiếng chửi tục tằn kèm theo các cú đấm đá hung bạo đã trở thành nguồn vui cho những kẻ óc heo, tim sói. Các lời đáp chỉ lưu lại thân xác tôi các vết đòn thù và không bao giờ giúp tôi hiểu tại sao mình bị bắt.

Sau những ngày hỏi cung tằm tôi đó, tôi luôn bị đỏi phòng do lượng tù tăng dồn dập. Đã nhiều đêm, ngoài số ít người may mắn được tựa lưng vào vách, chúng tôi đều phải dựa lưng vào nhau để ngủ ngồi vì hết chỗ nằm.

Đây là lúc tôi gặp lại nhiều bạn quen trong giới cầm bút như Hư Chu, Trần Việt Hoài, Vũ Tài Lục, Lý Đại Nguyên... và một số sinh viên như Trần Đình Thọ, Vũ Văn Lê, Vũ Hà Anh, Đào Vũ Anh Hùng, Nguyễn Trọng Cảnh... đồng thời biết thêm vài điều về tình hình ở ngoài bốn bức vách nhà tù.

Rồi tôi lại đổi phòng và được đẩy vào căn phòng sát cửa ra vào.

Phòng nhỏ nhưng chúng tôi được nằm vì chỉ có 12 người. Một bạn tù thì thậm nhắc có thể chúng tôi sắp bị chuyển trại và không biết sẽ bị đưa tới đâu. Chỉ mấy ngày sau, thắc mắc được giải đáp do một cai tù nói thẳng là chúng tôi “*sẽ đi Côn Đảo vào tuần lễ tới.*”

Chúng tôi đều xám mặt vì thấy đang đối diện với một tương lai mù mịt kéo dài vô thời hạn.

Nhưng chỉ vài ngày sau, tất cả lại vỡ òa niềm vui đắm mình giữa vùng ánh sáng chói chang. Hôm đó chúng tôi bị mất phần ăn sáng do không thấy ai mang cơm tới và cũng không thấy cai tù xuất hiện. Tất cả ngỡ ngác nhìn nhau. Càng hoang mang hơn khi bữa ăn trưa mất luôn và phía ngoài vẫn vắng lặng. Đột nhiên mảnh sân trước cửa ra vào lộ nhô binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến, rồi một tiếng súng nổ chát chúa.

Cánh cửa mở toang và toán binh sĩ tràn vào hành lang.

Một binh sĩ nói lớn là chúng tôi sẽ được tự do khi họ tìm thấy cai tù để có chìa khóa mở cửa các phòng giam. Chúng tôi mất hai bữa ăn nhưng không còn nghĩ đến ăn. Tối đó là một đêm không ngủ và sáng hôm sau, cửa phòng giam chúng tôi mở ra trước nhất.

Tôi được đặt chân trên đường phố và nghĩ ngay tới sự trở lại với chiếc máy chữ điện ít ai thêm ngó tại đài Sài Gòn. Bóng dáng gian truân ám ảnh tôi suốt 10 năm hoàn toàn tan biến. Vùng sáng càng bừng sáng hơn khi phía trước tôi luôn hiện ra trên đường phố nhiều đám đông nhảy múa reo hò. Nhưng vùng sáng đó vụt tắt ngay khi tôi bước vào căn phòng nhỏ ở đường Nguyễn Huệ, Phú Nhuận.

Trước mắt tôi là chiếc bàn gỗ trống trơn. Nguyễn Sỹ Hưng cho biết công an đã ôm đi toàn bộ bản thảo từ buổi tối bắt tôi. Không chỉ bộ *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* mà tất cả bản thảo đem theo khi rời Hà Nội cuối năm 1953 cùng những gì đã viết tới năm 1963 đều bay hết.

Ngày trở về bỗng trống vắng mênh mông vì hết thấy hình bóng thân yêu từng gắn bó đều biến thành sương khói.



Dù vậy, tôi vẫn may được trở về với chiếc máy chữ điện quen thuộc tại đài Sài Gòn. Và càng may hơn khi thượng tọa Tâm Châu giúp chúng tôi có giấy phép xuất bản nhật báo *Tin Sáng* do Lý Đại Nguyên đứng tên chủ nhiệm. Tôi thực sự được sinh hoạt giấy bút nhưng xa với dự tính về hai bộ sách nối theo bộ *Thơ Việt Hiện Đại 1900-*

1960 đã không còn dấu vết. Rồi tai họa nối tiếp do thời thế luôn đẩy chúng tôi vào cảnh đối đầu với tập thể nắm quyền.

Báo *Tin Sáng* thấy phải chống lại sự lạm dụng pháp luật chỉ nhằm vỗ về một tâm lý hận thù vô cớ qua các phiên xử Ngô Đình Cẩn cùng vài viên chức an ninh cũ tại Huế. Tờ báo cũng không thể câm nín trước mưu toan đẩy tập thể Công Giáo vào thế đối kháng với tập thể Phật Giáo, kích động phân ly giữa các tôn giáo vào lúc nhu cầu đoàn kết toàn dân đang trở nên khẩn thiết trước hiểm họa mà chế độ Hà Nội mở ra. Tờ báo trở thành cái gai trước mắt những người chỉ thấy quyền lực của riêng họ mới cần bảo vệ. Cuối cùng, giọt nước tràn ly trút xuống khi tờ báo phản đối việc chính quyền yêu cầu Mỹ đưa quân vào Việt Nam, vì mục tiêu đấu tranh giành thống nhất đất nước và sự sống cho dân tộc đã bị biến dạng thành hơn thua phe phái trong khi chính nghĩa yêu nước bỗng được trao cho kẻ thù khai thác.

Tờ báo bị đóng cửa và nhóm chủ trương đối mặt với nhà tù. Riêng tôi còn bị sa thải khỏi Nha Vô Tuyến với lý do “*hoạt động chính trị.*”

Nhưng hoạn nạn không kéo dài nên chỉ vài tháng sau, tôi lại ung dung đặt chân trên đường phố và có việc làm mới là điều hành tuần báo *Sài Thành*. Một buổi trưa, cựu đại úy phi công Nhã Điền đang là biên tập viên tin tức đài Sài Gòn đột ngột xuất hiện tại tòa báo *Sài Thành*.

Nha Vô Tuyến lúc này đã đổi thành Cục Vô Tuyến và có tổng giám đốc là thiếu tá Vũ Đức Vinh tức nhà văn Huy Quang, tác giả tiểu thuyết *Đôi Ngả* xuất bản tại Hà Nội đầu thập niên 1950. Nhã Điền nói thiếu tá Vinh thắc mắc về sự vắng mặt của tôi tại đài và khi được cho biết lý do, đã nhắc Nhã Điền đi gọi tôi về tiếp tục công việc ngay.

Phép lạ ngày nào đưa tôi vào đài Sài Gòn lại tái hiện.

Trước đó, anh Vũ Đức Vinh chưa hề gặp tôi nên tôi nghĩ đã may mắn cùng cực khi các cơ duyên bất ngờ luôn đưa tôi tới bên những con tim nồng ấm tình người.

Nhưng tôi không được ngồi lâu tại phòng Bình Luận mà còn phải từ bỏ công việc tại báo *Sài Thành*. Bởi chỉ vài tháng sau, tôi bỗng được gọi lên gặp gấp gấp tổng giám đốc.

Không úp mở, anh Vũ Đức Vinh cho biết Cục Vô Tuyến vừa chịu một tổn thất tại Vùng 2: “*Đặc phái viên mặt trận Khuất Duy Hải mới tử nạn tại mặt trận Đức Cơ!*”

Theo anh Vinh, cao nguyên đang là đầu cầu để chế độ Hà Nội đưa quân xâm nhập miền Nam nên cần nắm tin tức từng ngày từng giờ. Anh kết luận: “*Moa đã cân nhắc và thấy không có ai thích hợp thay Khuất Duy Hải, ngoài toa. Bây giờ toa tính sao?*”

Nét bản khoản của anh Vũ Đức Vinh trước cảnh nan giải khiến tôi thấy phải chia xẻ cùng anh. Anh hơn tôi 2 tuổi và chúng tôi cùng một họ mà theo cách nghĩ tôi luôn được nhắc gần như hàng ngày từ tuổi ấu thơ là “*ba trăm năm trước cùng chung một mái nhà, có cùng một người cha*” nên trong thâm lặng, tôi vẫn coi anh như một người anh. Để anh hết ưu tư, tôi nói đã quen với vùng cao nguyên và gần súng đạn từ lâu nên không thấy có gì trở ngại.

Thế là lúc Cục Vô Tuyến lo tang lễ cho Khuất Duy Hải cũng là lúc tôi bay lên Pleiku thay người vừa khuất. Theo công việc đòi hỏi, mái ấm gia đình của tôi lúc này là các tiền đồn khắp cao nguyên từ Ban Mê Thuột, Phú Bổn, Pleiku, Kontum tới duyên hải Trung Phần, nhưng lại đưa tôi về gần sinh hoạt văn thơ và gần Sài Gòn hơn bao giờ.

Bởi ngay tại Pleiku, tôi luôn có ở bên cạnh các bạn thơ Diên Nghị, Tô Mặc Giang, Anh Hoa, Kim Tuấn... và tại Đà Lạt là những Hoàng Anh Tuấn, Châu Trị, Châu Liêm... Đồng thời, tôi có thể về Sài Gòn bất kỳ lúc nào vì có tấm thẻ của Bộ Tổng Tham Mưu dành cho quyền ưu tiên dùng máy bay quân sự. Tấm thẻ còn ghi rõ tôi được mặc đồng phục mọi binh chủng ở mọi nơi, mọi lúc nên đã gạt hết nghi ngại trước các vụ cảnh sát hoặc quân cảnh xét giấy tờ.

Nhờ vậy, một buổi chiều cuối năm 1965, tôi có dịp về Sài Gòn, ghé chùa Giác Minh gặp thượng tọa Thích Đức Nhuận. Thượng tọa Đức Nhuận luôn lưu tâm đến sinh hoạt văn thơ nên vừa thấy tôi, liền báo tin đã tìm lại được bản nháp tập nhận định *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* in ronéo mà tôi trao cho thượng tọa năm 1960. Thượng tọa nói chỉ cần chỉnh ít đoạn viết theo cách nói cùng các chữ sai chính tả là đã có một tác phẩm. Do biết tôi bận việc ở xa nên thượng tọa bảo sẽ tìm người lo và cho ấn hành để giữ lại một tài liệu về sinh hoạt thi ca Việt Nam.

Buổi gặp gỡ không chỉ cho tôi niềm vui thấy lại một chút hình ảnh cũ đã hoàn toàn mất dấu mà còn tạo cho tôi một kỷ niệm khó quên. Đó là thượng tọa Đức Nhuận tháo chiếc đồng hồ đang đeo trên tay trao cho tôi, nhắc phải đeo để biết giờ giấc, tránh sinh hoạt thất thường tổn hại sức khỏe. Nhưng chiếc đồng hồ chỉ nằm trên tay tôi không quá 20 tiếng đồng hồ. Vì ngay đêm đó tôi có mặt tại Pleiku và 3 giờ sáng hôm sau phải theo một đơn vị hành quân.

Đơn vị tôi theo đụng trận lúc 9 giờ sáng. Trận đánh kéo dài tới 11 giờ trưa.

Khi đơn vị lo kiểm tra tổn thất, băng bó thương tích, tôi phát hiện chiếc đồng hồ không còn trên tay tôi nữa. Nó biến đi ra sao, vì một mảnh pháo, một viên đạn xốt qua hay một va chạm gì đó, vào lúc nào và ở đâu tôi không hay. Nhìn mấy bó *poncho* đặt bên nhóm binh sĩ đang chờ tải thương với các mảnh băng nhem nhuốc máu còn

đỏ tươi, tôi bỗng tự hỏi phải chăng chiếc đồng hồ đến với tôi chỉ để hoàn tất vai trò che chở cho tôi qua khỏi trận đánh?

Câu hỏi vô căn cứ này tới nay vẫn chưa rời đầu óc tôi.

Đầu năm 1966, khi cuộc hành quân Thần Phong giải tỏa Bồng Sơn – Tam Quan vừa chấm dứt, tôi lại đột ngột nhận lệnh gọi tức khắc về Sài Gòn. Nhưng tôi về Sài Gòn chỉ để nhận lệnh có mặt ngay tại Đà Nẵng với nhiệm vụ dựng một đài phát thanh dã chiến trong Không Đoàn 41 thay cho đài Đà Nẵng đang bị phe chống đối chiếm giữ.

Mấy tháng sau, cuộc nổi loạn ở Vùng I còn khiến tôi phải dựng tiếp bên bờ sông Hương một đài phát thanh dã chiến tại Phú Văn Lâu thay cho đài Huế và giữ tôi tại Huế tới cuối năm 1966. Vòng vây thời thế xóa tan mọi hình ảnh thơ văn và tôi cũng quên hẳn việc thương tọa Đức Nhuận tìm lại được bản nháp tập sách bị mất, kể cả khi tôi đã về lại đài Sài Gòn với vai trò mới là trưởng phòng Kiến Thức.

Việc chữ nghĩa duy nhất mà tôi làm được chỉ là cùng Trần Phong Vũ hoàn thành tập sách *Chủ Nghĩa Anh Hùng Cách Mạng Cộng Sản* do thôi thúc của công việc hàng ngày khởi từ sự kiện Hà Nội dựng tượng đài “*liệt sĩ Nguyễn Văn Bé ôm bom phá nổ xe bọc sắt Mỹ, anh dũng hy sinh vì yêu nước*” và guồng máy tuyên truyền Cộng Sản liên tục loan tin “*Hồ chủ tịch sẽ đích thân khánh thành tượng đài.*” Trên thực tế, Nguyễn Văn Bé ở Bến Tre là một thiếu niên 17 tuổi bị buộc phải gia nhập du kích, đã bỏ trốn, xin về hồi chánh và đang có mặt tại Sài Gòn.

Sự xuất hiện Nguyễn Văn Bé bằng xương bằng thịt trước báo giới quốc tế cùng các chương trình phát thanh từ đài Sài Gòn đã chặn đứt dòng thác suy tôn “*liệt sĩ Nguyễn Văn Bé*” và cái tượng đài đang xây ở Hà Nội để “*Hồ chủ tịch đích thân khánh thành*” cũng rơi vào lãng lẽ.

Gần bốn mươi năm sau, năm 2000 khi tôi tới Mỹ, nhân vật liên hệ trực tiếp vụ này là Đoàn Lương Đông tìm gặp tôi, nhắc chuyện xưa đã tỏ ý tiếc là chúng tôi quá sơ sót, lẽ ra nên chờ Hồ Chí Minh khánh thành xong tượng đài hãy lên tiếng.

Đoàn Lương Đông có thể hữu lý nhưng việc đã qua hẳn từ lâu rồi. Đáng tiếc với tôi chỉ là cuốn sách mà Trần Phong Vũ và tôi mất nhiều ngày sưu tầm tài liệu không những không được gửi tới bạn đọc mà còn mất hết dấu vết dù đã in xong. Vụ này xảy ra chỉ một tuần sau khi tôi được anh Vũ Đức Vinh gật đầu cho rời Cục Vô Tuyến. Việc tôi xin nghỉ chỉ riêng anh Vinh biết nên sau đó tôi vẫn có mặt tại đài Sài Gòn do anh Vinh yêu cầu tôi ráng lo tiếp công việc trong khi chờ anh tìm người thay, vì trận đánh Tết Mậu Thân đang kéo dài. Lý do tôi xin nghỉ việc chỉ đơn giản là tôi đã thực sự trở lại là tôi, tức chấm dứt hẳn việc dùng giấy tờ giả.

Bởi tháng 1-1967 tôi lập gia đình và tháng 11-1967 là thời gian chờ đón đứa con đầu lòng.

Vì vậy, anh Nguyễn Văn Lưu, bạn các anh tôi từ gần 30 năm trước ở Hà Nội nên tôi vẫn coi như anh mình, đã nhắc tôi phải lấy lại tên gọi do cha mẹ đặt. Hôm đó, anh Lưu chỉ tấm Chương Mỹ Bội Tinh mà tổng thống Thiệu trao tặng sau thời gian tôi có mặt tại Đà Nẵng - Huế năm 1966 và hỏi “*Bộ em tiếc cái này lắm sao?*” Tôi cho biết không tiếc điều gì mà chỉ không biết cách nào xin cấp thẻ căn cước. Anh bảo tôi lục lại giấy tờ cũ thuở ở Hà Nội coi còn bất cứ thứ gì từ khai sinh, căn cước đến thẻ học sinh hoặc một giấy tờ gì đó đưa cho anh là xong. Tôi về nhà Nguyễn Sỹ Hưng lục đồng giấy tờ cũ, tìm được tờ khai sinh, đem trao cho anh Lưu đúng ngày tôi đưa vợ vào nhà hộ sinh.

Một tuần sau, anh Lưu dắt tôi đến Ty Cảnh Sát Gia Định. Tại đây, qua một buổi sáng tới 12 giờ trưa tôi đã có tấm thẻ căn cước thực sự. Tôi không hiểu anh Lưu gặp ai, làm gì nhưng trước mắt hiện ra hai việc buộc tôi phải giải quyết là tờ khai sinh đưa con vẫn ghi tên cha là cái tên giả tôi đang mang và sự tồn tại cái tên giả đó. Sau khi cân nhắc, tôi thấy tờ khai sinh của con tôi có thể gác lại, nhưng cái tên giả của tôi chỉ có thể xóa bằng cách tôi rời đài Sài Gòn. Do đó vào tuần lễ cuối cùng trước Tết Mậu Thân, tôi đã gặp riêng anh Vũ Đức Vinh, đưa cho anh coi tờ căn cước tôi vừa có để xin anh cho tôi nghỉ việc.

Tôi thực sự rời đài Sài Gòn giữa năm 1968 để trở lại là chính mình với hai bàn tay trắng.

Trong khi đó, báo chí là nghề duy nhất mà tôi có thể tham gia luôn đối đầu với tai họa. Chỉ khoảng hơn mười tháng, tôi phải qua bốn tờ báo do nối nhau bị đóng cửa hoặc thua lỗ.

Mãi mùa hè 1969 nhận được việc điều hành tòa soạn tuần báo *Diễn Đàn*, tôi mới tương đối ổn định. Bởi tờ báo là tiếng nói của Phong Trào Liên Minh Thế Giới Chống Cộng nên không sợ bị bất ngờ đóng cửa và đã sẵn sàng chấp nhận thua lỗ. Chính tại tòa báo *Diễn Đàn*, một ngày Trần Tuấn Kiệt tới gặp tôi. Kiệt là nhà thơ trẻ từng gặp tôi từ nhiều năm trước và có nhiều sáng tác đáng kể. Kiệt cho biết thượng tọa Đức Nhuận vừa trao cho anh tập *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* để lo ấn hành nên anh cần tôi viết thêm phần phụ lục về sinh hoạt thi ca nổi sau năm 1960.

Lúc đó đã qua gần 10 năm tôi không có điều kiện theo dõi thường xuyên sinh hoạt thi ca.

Tuy vậy, tôi rất vui viết ít trang phụ lục cho tập sách và chọn thêm một số thơ, trong đó có các bài tôi hết sức ưng ý của những Nguyễn Bắc Sơn, Lê Thị Tư, Trần Tuấn Kiệt, Nguyễn Thị Tường Hoa, Trần Đức Uyển, Nhã Ca... Kỳ lạ là ngay sau khi gặp Trần Tuấn Kiệt, không khí ổn định mà tôi vừa có lại đảo lộn. Một buổi sáng, anh Mặc Đỗ cho biết quyết định rời tờ báo vì không thể chiều ý “*chủ nhiệm chỉ là công chức không biết gì về báo chí lại cứ muốn tờ báo phải theo ý mình.*” Trên thực tế, Mặc Đỗ với vai trò chủ bút tuần báo *Diễn Đàn* chỉ lo phần biểu hiện lập trường tờ báo còn việc chọn lựa bài vở, sắp đặt nội dung, hình thức là việc của tôi.

Do đó, tôi thấy chính tôi sẽ khó thể ngồi lại nên nói ngay “*nếu anh ra đi, tôi cùng toàn bộ biên tập cũng ra đi.*” Sự việc xảy ra chớp nhoáng và tôi lại mất kế mưu sinh. Cái tin vui về việc sắp có tác phẩm ấn hành vì thế vụt biến, dù chỉ hai tuần sau Chu Tử đã tìm gặp tôi, đề nghị về giúp anh lo tờ tuần báo *Đời* mà anh nói là “*đang lỗ nặng.*”

Khi tờ *Đời* chuẩn bị ra mắt, Chu Tử đã đề nghị tôi phụ trách tòa soạn, nhưng tôi nói thực là giữa tôi và anh ấy có một khác biệt về quan niệm báo chí nên tôi khó thể nhận. Tôi nêu rõ anh là cây bút dọc ngang tùy hứng, nay hoan hô, mai đả đảo thoải mái đến mức có thể hiểu nghề báo đúng như lời anh Vũ Bằng là “*nói láo ăn tiền.*”

Lúc đó, Chu Tử giải thích anh vốn là nhà giáo, chỉ vì cộng tác với giáo hội Cao Đài làm hiệu trưởng trường Lê Văn Trung Nghĩa Thực mà bị chụp mũ “*ăn cắp xe hơi*” đưa ra tòa xử án tù, tội trạng còn ghi trên lý lịch thì đâu cần nghiêm túc với ai. Tất nhiên tôi không đồng ý vì không thể viện cớ bản thân bị bức hiếp, lảng nhục để thản nhiên đổi trắng thành đen.

Lần này, Chu Tử nói ngay nếu tôi đồng ý về lo tờ báo thì tôi có thể vứt bỏ bài viết của bất kỳ ai, kể cả bài của chính anh ấy khi tôi thấy cần vứt bỏ. Vậy là tôi thoát cảnh thất nghiệp nhưng trước mắt lại sừng sững ngọn đèn “*tờ báo đang lỗ nặng.*”

Việc không dễ chút nào đã vây hãm tôi nhiều ngày. Rồi tờ báo cũng đứng vững nhưng đó lại là lúc tôi nhận được cái lệnh mà 17 năm trước, năm 1953, tôi từng nhận để phải xa mái trường, rời Hà Nội: *Lệnh gọi nhập ngũ!*

17 năm trước, dù đã tới Sài Gòn, tôi vẫn không chọn quân trường mà chọn núi Bà Đen, vì tự thấy không chịu nổi cảnh đứng nghiêm nghe lệnh các sĩ quan Pháp, tương tự năm 1949 tôi rời bỏ vùng kháng chiến trốn về Hà Nội chỉ vì luôn muốn nổi điên trước đòi hỏi thần thánh hóa các hành động phi nhân man rợ. Để được là chính mình, tôi đã phải đổi tên che mặt tới cuối năm 1967 mới có tấm thẻ căn cước. Và vì thế, cuối năm 1970, lệnh nhập ngũ lại tái hiện.

Dù đã vượt xa tuổi 20, lần này tôi trình diện. Khoác bộ quân phục, ôm lại cây súng đã rời xa từ cuối năm 1955, tôi thấy mình như chiếc lá lìa cành mặc cho gió cuốn trôi.

Một buổi sáng, khi đang tập bắn tại xạ trường, bỗng có lệnh gọi tôi về trại. Rồi tôi được lệnh trả quân phục, súng đạn... và qua trình diện văn phòng bộ chỉ huy. Tại đây, một sĩ quan cho biết tôi được rời quân trường theo yêu cầu của Cố Vấn Đặc Biệt Phủ Tổng Thống và rời trại ngay, dù tôi chưa qua hết 12 tuần lễ khởi đầu cuộc sống quân ngũ.

Tôi như ngủ mơ dù biết ngay việc do ai. Người đó ở lớp tuổi cha chú nhưng từ lần gặp đầu tiên đã nhắc tôi “*bỏ ngay mấy tiếng chú, bác đi. Chỉ anh, em thôi!*”

Đó là anh Trần Văn Ân tức ký giả Văn Lang!

Năm 1953, khi tôi tới Sài Gòn, anh Ân đang chủ trương tuần báo *Đời Mới*. Tôi từng gửi bài cho báo này nên tìm tới gặp anh, nói thực là bị gọi vào *Thủ Đức khóa 1953 kếp tức khóa 4 kếp*, nhưng tự thấy khó chịu phải đứng nghiêm nhận lệnh từ các sĩ quan Pháp nên tôi không trình diện và đang tìm đường lên núi Bà Đen. Anh im lặng lo ngay cho tôi chỗ tạm trú, rồi kiếm người dắt tôi đi theo con đường đã chọn.

Đầu năm 1955, tôi từ Bà Đen về Sài Gòn trong đoàn quân ủng hộ thủ tướng Ngô Đình Diệm chống Pháp, chống Cộng Sản, nhưng chưa kịp gặp lại anh thì anh cùng anh Hồ Hữu Tường lãnh án tử hình rồi bị đưa đi đày tại Côn Đảo.

Giữa năm 1964, khi chúng tôi đang làm tờ *Tin Sáng*, anh trở về Sài Gòn. Dù bị chế độ cũ kết án tử hình và vừa thoát cảnh đọa đày, anh vẫn lên tiếng cùng chúng tôi phản đối bản án tử hình Ngô Đình Cẩn. Cuối năm 1967, tôi vừa có tấm thẻ căn cước thì anh Ân là tổng trưởng Thông Tin của nền đệ nhị Cộng Hòa. Lúc đó tôi chưa thể rời đài phát thanh Sài Gòn nên chỉ có mặt tại nhà anh hàng đêm để lo bất kỳ việc nào anh cần, nếu có thể lo. Tôi được kề cận bên anh sau 14 năm quen biết nhưng thời gian này chỉ không đầy sáu tháng.

Giữa năm 1968, anh rời bộ Thông Tin, trở thành Cố Vấn Đặc Biệt của tổng thống Thiệu, còn tôi thực sự rời đài Sài Gòn với hai bàn tay trắng, vừa kiếm được chỗ ngồi tại tuần báo *Đời* và lấy lại cái tên cha mẹ đặt thì lại nhận lệnh nhập ngũ cuối năm 1970.

Rời quân trường trở về, tôi tới gặp anh Ân để nghe anh trách: “*Sao không cho anh biết ngay chuyện em bị gọi nhập ngũ?*” Tôi bỗng nhớ lại các đêm ngồi bên anh hai năm trước.

Thuở đó, anh gần như luôn dặn dò “*em phải nhớ đừng quên chuyện nước non*” và lúc này tôi thấy mây tiếng “*chuyện nước non*” gồm cả tấm lòng bao la của anh dành cho tha nhân. Ít lâu sau, tôi còn nhận được từ anh Ân tâm Thẻ Hoãn Dịch của Nha Động Viên với lý do “*chuyên viên bất khả thay thế*” theo thời hạn “*tới khi có lệnh mới.*”

Một phép lạ nữa lại hiện ra giúp tôi rời xa hãn cây súng.

Hơn 30 năm sau khi tôi đã tới Mỹ, năm 2002, ba chữ “*chuyện nước non*” lại hiện ra trước mắt với nguyên văn như sau: “*Anh chỉ còn ngồi được với mấy lời kinh Phật nên nhắc em phải ráng góp phần lo chuyện nước non.*” Đây là các dòng chữ cuối cùng của anh Trần Văn Ân từ Pháp gửi cho tôi chỉ mấy tháng trước ngày anh vĩnh viễn ra đi khi tròn 101 tuổi. Thật buồn là lúc nhận thư của anh cũng là lúc tôi được bệnh viện phát hiện đang mang căn bệnh ung thư đã tới hồi báo động và còn thua anh do chỉ biết thờ dài chứ không biết nhắc với ai về nỗi lòng của người đi trước cũng như của chính mình.

*

Tại tòa báo *Đời* đầu năm 1971, tôi gặp lại nụ cười của anh Chu Tử. Anh không chỉ vui đón tôi trở về mà còn trả trọn số lương 2 tháng tôi vắng mặt, rồi nhắc tôi lo ngay các việc dở dang và trao cho tôi đồng thư dày cộm. Những lá thư từ khắp các miền đất nước đều nhắc về điều mà Phạm Văn Lương từng nhắc tôi là “*không thể bỏ qua cái chết của Hà Thúc Nhơn.*”

Đòi hỏi này khiến tôi hết còn thời giờ lo việc gì, kể cả mở cuốn *Thơ Việt Hiện Đại 1900 - 1960* mà Trần Tuấn Kiệt đã in xong, đem tới trước ngày tôi nhập ngũ. Lúc đó, tôi chỉ kịp nhìn qua tấm hình bìa với con hạc trắng bay giữa trời đêm của Nguyễn Khai.

Mãi cuối năm 1971, qua tuần báo *Đời* với sự tiếp tay tích cực của anh Chu Tử, tôi mới tạm vượt các trở ngại để có nhật báo *Sóng Thần*. Nhưng ngay sau khi nhật báo *Sóng Thần* vừa chào đời thì trận đánh mùa hè 1972 bùng nổ do Hà Nội đưa quân vượt sông Bến Hải.

Báo hiệu một đổi thay đã lộ hình trên bàn cờ quốc tế mà vận mạng miền Nam chỉ còn tùy thuộc ý chí và tinh thần của mọi người dân. Cùng với báo hiệu trên là cảnh đạn bom tàn phá gieo rắc chết chóc, tan hoang.

Sóng Thần là tờ báo có đại diện hầu khắp miền Nam nên từng ngày, từng giờ liên tục chìm trong cơn bão tin tức về những cái chết oan ức, những dòng nước mắt chan hòa, những tiếng than nghẹn ngào phẫn uất... từ vô số nạn nhân bỗng dưng bị đẩy khỏi mái ấm gia đình để vợ vất dưới nắng mưa nơi đầu đường xó chợ, hoặc biến thành các

thân xác bị đạn bom xuyên phá ngón ngang trên đồng hoang, bãi vắng bỏ mặc cho chồn cáo, chuột bọ cào xé... Thực tế đặt tờ báo vào thế không thể chỉ giữ vai trò thông tin thuần túy mà cần góp phần chia gánh oan khiên đè nặng thân phận người dân do tham vọng độc quyền thống trị của chế độ Hà Nội.

Vì thế, tờ báo phát động chiến dịch “*Sống, mái nhà – thác, nắm mồ*” từ tháng 7-1972, kêu gọi tiếp tay giúp đỡ các nạn nhân xấu số đang phải sống trên bờ đường, góc phố



↑ Trần Văn Ân
— 1967 tại Tokyo
← **Nhà tù Côn Đảo 1960**
3 người hàng đầu từ trái:
— Hồ Hữu Tường,
— Trần Văn Ân,
— Nguyễn Văn Thành
thiếu tướng Cao Đài.

có được mái tranh che đỡ, đồng thời kiếm cho hàng ngàn thân xác còn bị bỏ ngón ngang dưới nắng mưa sớm có nắm mồ. Việc làm này là bổn phận cần hoàn tất để gióng lên tiếng gào tố giác cùng công luận năm châu về tội ác sát nhân man rợ đang diễn ra tại Việt Nam và cũng là lời khẩn báo cùng người dân miền Nam về nguy cơ bị cướp đoạt sự sống đang

hiển hiện. Tất nhiên, hình ảnh bi thương của các nạn nhân bị cướp đoạt gia cư, tài sản luôn ngơ ngác thất thần ở khắp nơi đã liên tục xuất hiện trên tờ báo, nhất là hình ảnh nhiều ngàn nạn nhân bị thảm sát trên đoạn đường từ Hải Lăng về Mỹ Chánh với cái tên *Đại Lộ Kinh Hoàng* do tờ báo phổ biến đã lập lại gần như mỗi ngày trên khắp thế giới.

Từ đây, tờ báo liên tục nhận đủ loại tai họa mà qua đó, bản thân tôi lại thành kẻ tử thù cần hủy diệt. Cuối năm 1973, khi việc lượm xác trên Đại Lộ Kinh Hoàng chấm dứt với gần 2000 ngôi mộ, tôi bất ngờ nhận “*một tin vui*” ngoài tưởng tượng. Vốn là cựu tù nhân của Cộng Sản tại trại tù Lý Bá Sơ trước 1954, Nguyễn Sỹ Hưng, anh bạn đã dành cho tôi căn phòng nhỏ tại nhà anh, báo “*tin vui*” cho tôi với giọng đầy lo lắng và dạn dỏ đủ thứ.

Đang là một viên chức Bộ Chiêu Hồi lúc đó, Nguyễn Sỹ Hưng cho biết anh vừa thu nhận 5 đặc công Cộng Sản hồi chánh. Các hồi chánh viên này khai trình họ thuộc một tổ đặc công được cử về Sài Gòn với nhiệm vụ ám sát tôi và nữ nghệ sĩ Bạch Tuyết là người bạn đang hăng say chia xẻ công việc của tờ *Sống Thần*. Điều cực may là sau

hơn hai tuần có mặt tại Sài Gòn để chuẩn bị kế hoạch, cả 5 đặc công lại thấy không thể thi hành lệnh. Vì thực tế trước mắt họ diễn ra khác hẳn điều họ từng nghe, trong khi đọc tờ *Sóng Thần* suốt thời gian đó, cả 5 đều thấy tờ báo không làm gì trái với ý nghĩ của chính họ.

Cuối cùng, cả 5 đồng ý tự nguyện hồi chánh là việc dễ dàng và an toàn nhất cho họ.

Từ tuổi thiếu niên, tôi từng biết nhiều vụ thủ tiêu, ám sát người khác chính kiến của đảng CS. Đây là lý do đã đẩy tôi rời vùng kháng chiến năm 1949. Tôi chỉ biết nhờ Nguyễn Sỹ Hưng chuyển lời cảm ơn tới 5 đặc công đã hồi chánh và nhắc họ yên tâm vì thời gian tới sẽ luôn bình an với họ.

Đồng thời tôi nhớ ngay về ngày 30-12-1965, ký giả Từ Chung báo *Chính Luận* bị bắn chết và người đang ở bên tôi là Chu Tử còn mang dấu tích vụ ám sát ngày 16-4-1966. Dù trúng nhiều phát đạn, Chu Tử đã thoát chết nhưng trở thành bệnh nhân Parkinson với cánh tay lay động liên tục khiến việc viết lách vô cùng khó khăn. Tôi cũng nhớ về nhà văn Nhuận Tống nổi danh khi tôi chưa ra đời và là người chống Pháp mà tôi luôn ngưỡng mộ. Mùa hè 1949, tôi vừa có mặt trở lại tại Hà Nội ít lâu thì nghe tin Nhuận Tống bị đặc công Cộng Sản bắn chết.



Nhuận Tống

(1906 – 1949)

Tôi nghĩ nếu tôi phải nhận hồi kết tương tự Nhuận Tống, Từ Chung hay Chu Tử cũng chẳng có gì ngạc nhiên. Tuy nhiên, tôi không thể không ngạc nhiên trước các tai họa mà Bộ Thông Tin VNCH liên tục gây ra cho tờ báo từ ngày ra mắt cuối năm 1971 tới ngày bị thu hồi giấy phép vào tháng 1-1975. *Sóng Thần* có mặt hơn 3 năm ấn hành hơn 1200 số, nhưng chỉ được bán khoảng 900 số, vì đã phải ra tòa hơn 100 lần và còn gần 200 vụ bị tịch thu đang chờ ra tòa. Nói chung, tờ báo mỗi năm bị tịch thu 60 ngày tức chỉ phát hành được 30 tháng còn 7 tháng biến thành tro. Cùng với lý do tịch thu báo như trò hài hước, Bộ Thông Tin đã lấy lại tên tờ *Tin Sáng* của chúng tôi bị rút giấy phép năm 1964 trao cho một

kẻ ủng hộ Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam làm chủ nhiệm tái hiện.

Sự việc khiến tôi viết thư ngỏ đặt vấn đề với Quốc Hội và Tổng Thống về Bộ Thông Tin gần như công khai hỗ trợ Cộng Sản, nhưng không nhận được hồi đáp nào. Sau ngày bộ Thông Tin cải danh thành Dân Vận Chiêu Hồi, mức ngạo ngược còn trắng trợn hơn khi quyết định đưa tờ *Sóng Thần* ra tòa ngày 31-10-1974 với tội “*mạ ly tổng thống*” chỉ do tổ chức hốt xác nạn nhân tại đại lộ Kinh Hoàng và số báo ngày 21-9-

1974 đã đăng bản cáo trạng tố tham nhũng của linh mục Trần Hữu Thanh. Chuyện không dừng tại đây.

Vì ngay khi *Sóng Thần* từ chối tuân lệnh cấm đăng bản cáo trạng tố tham nhũng của linh mục Thanh còn có tin cho biết Bộ Dân Vận Chiêu Hồi vừa đãi ăn một nhóm côn đồ đâm thuê chém mướn và bỏ nửa triệu đồng thuê chúng hạ sát tôi. Sau khi kiểm chứng, *Sóng Thần* số 983 ngày 25-9-1974 đã in bài viết của Lê Thiệp với vài đoạn báo nguy sau:

“Hoi thờ của Sóng Thần và mạng sống của tổng thư ký Uyên Thao đang như chỉ mảnh treo chuông.... Nhiều nguồn tin cho biết tổng thư ký Uyên Thao có thể bị cướp tính mạng vì trò bắn lén hoặc ít nhất cũng bị chụp mũ.... thành một đặc công Cộng Sản, một tên ăn cắp, một tên ăn cướp, một tên lừa bịp.....”

Công khai nói lên sự kiện này, chúng tôi muốn nói chính quyền sẽ gánh trọn mọi trách nhiệm trong trường hợp Sóng Thần tắt tiếng và ký giả Uyên Thao bị cướp mạng sống hay bị cướp quyền hành nghề bằng những trò xảo trá. Với bạn đọc và anh em khắp nước, chúng tôi xin nhắc lại: Chúng tôi sẵn sàng vào tù, sẵn sàng chịu xử bắn thay vì bẻ cong ngòi bút, phản bội sự thật để chịu mòn quyền thế...”

Suốt một tháng sau khi đăng bài báo trên, tờ báo liên tục bị tịch thu tới mức phải tự đình bản vì hết vốn. Và trong lúc đang quay cuồng kiếm tiền tái bản tờ báo thì một buổi tối, tôi bị công an chặn bắt ngay tại Ngã Sáu Sài Gòn, đưa về Tổng Nha Cảnh Sát. Tại đây, một đại úy gần như năn nỉ tôi ký tên vào bản tự thú đã viết sẵn “*nhận tội ăn cắp xe hơi*” thay vì ký vào bản tự thú khác cũng viết sẵn nhận tội là “*đặc công trí vận cộng sản.*” Vị đại úy cho biết anh chỉ làm theo lệnh thượng cấp và nghĩ tôi ký rồi bỏ đó thôi, vì “*ai cũng biết là sai sự thật.*”

Nhưng tôi không thể ký bản tự thú nào như vậy nên vị đại úy không thể trả tự do cho tôi.

Tuy nhiên tin tôi bị bắt đã lan truyền và lý do nêu ra không thuyết phục nổi dư luận, nhất là có một số dân biểu Quốc Hội công khai bất bình với sự việc. Nhờ vậy, chỉ ít ngày sau tôi được thả ra để về với tờ báo. Nhưng tờ báo sống lại chưa qua một tháng thì nhận quyết định hành chính “*thu hồi giấy phép xuất bản*” từ Bộ Dân Vận Chiêu Hồi.

Nói tiếp quyết định này là một loạt nhân viên tòa báo bị đẩy vào tù như Trương Cam Vĩnh, Chóe, Hải Triều. Riêng tôi lại phải rời xa vợ con để tối nay ở nhà này, ngày mai ở nhà khác rồi trở lại mấy mái chùa vẫn che chở tôi thuở xưa cho tới ngày 29-4-1975.

Sáng 29-4-1975 là buổi sáng đầu tiên sau nhiều ngày lẩn trốn, tôi cảm thấy an lành nên điện thoại cho Nguyễn Văn Hảo hỏi về tình hình. Lúc đó Hảo đang là phó thủ tướng đặc trách Kinh Tế nên cho tôi biết anh vừa ra lệnh giữ lại 16 tấn vàng mà tổng thống Thiệu muốn mang theo nhưng lại nói thẳng với tôi:

– *Moa đang cố gắng trở thành người cộng sản.*

Tôi hết muốn nghe thêm điều gì nên cúp điện thoại.

*

Khoảng 3 tháng sau, tại Ngã Tư Xa Lộ, khi tôi vừa rời tiệm hớt tóc thì một người chặn tôi lại hỏi: “*Có phải Uyên Thao không?*” Người hỏi hoàn toàn xa lạ nhưng tôi vẫn gật đầu. Anh ta lập tức rút súng chĩa vào sườn tôi, ra lệnh:

– *Theo tôi! Có lệnh của an ninh K.9, bắt anh!*

Từ đó tôi lại quay về với các bức vách nhà tù dù chẳng bao giờ biết K.9 là cơ quan nào và cũng chẳng bao giờ biết mình bị bắt nêu tội gì. Gần mười hai năm sau, cuối năm 1986 tôi mới có tờ Giấy Ra Trại để rời trại tù Z.30A trên đó ghi tội danh chỉ bằng hai từ “*phản quốc.*”

Trên thực tế, tôi chỉ được rời trại Z.30A chứ chưa dứt kiếp tù.

Vì theo lệnh Bộ Nội Vụ, tôi vẫn phải thi hành *bản án quản chế* bằng cách bị cô lập tại quận 3 Sài Gòn và chỉ được gặp vợ con khi công an cho phép.

Cảnh sống lúc này của tôi chỉ khác lúc ở trại tù Z.30A là phải tự kiếm ăn và nguồn sống là các bãi rác ở Gò Vấp. Một ngày cuối năm 1988, tôi bỗng bị trục xuất khỏi chùa Pháp Hoa là nơi chỉ định cư trú sau khi rời trại Z.30A. Một công an tới thông báo quyết định và buộc tôi rời chùa trong thời hạn 48 giờ.

Tôi phải tới Công An Thành Phố báo sự việc và được lệnh cho về với gia đình tại quận Bình Thạnh, kèm lời nhắc “*chưa có quyền công dân nên mọi sinh hoạt phải theo lệnh công an khu vực.*” Dù vậy tôi được có mặt bên vợ con, và may mắn hơn, một bạn trẻ vốn là Phật tử chùa Giác Minh quen tôi thuở ở tù cuối năm 1963 bất ngờ gặp lại, đã thu xếp cho tôi một sạp bán sách báo bên lề đường khu Cầu Bông sát trường nữ trung học Lê Văn Duyệt cũ để xa rời các bãi rác. Nhưng cuộc sống “*mất quyền công dân*” vẫn đặt tôi vào cảnh đối mặt đủ loại tai ương, nhất là hàng ngày phải chứng kiến sự tưng đố của vợ con, trong khi ba đứa con vừa hơn mười tuổi đều bị chụp cái mũ “*phản quốc*” của cha, mới qua bậc tiểu học đã luôn bị tẩy chay, miệt thị.

Sinh hoạt chữ nghĩa dù luôn sôi sục nhưng vô phương thực hiện và tôi gần như quên hết những gì đã làm.

Hơn 10 năm sau, cuối năm 1999 bị tổng xuất khỏi VN nên được đặt chân tới Mỹ, mức sôi sục về sinh hoạt chữ nghĩa bùng lên như đám cháy thì tôi lại thấy mình đã tới tuổi xấp xỉ bảy mươi. Không thể chối bỏ giới hạn năng lực bản thân và thời gian còn lại ngắn ngủi, tôi chỉ dám nghĩ đến sự tìm cách phổ biến các tiếng nói đang bị vùi dập tại quê nhà.

Ý nghĩ của tôi lúc đó là tôi đã may mắn hơn rất nhiều người. Vì bỏ qua hơn 11 năm trong tù, tôi đã có 14 năm từ cuối năm 1986 đến 1999 sống kiếp “*không phải con người*” để nghe được tiếng nói từ đáy tim của nhiều người “*mong được chính thực là người.*” Những người này đều xa lạ nhưng do cơ duyên nào đó đã biết đến tôi nên tìm cách lén gặp chỉ phút giây để giúp đỡ hoặc chỉ để nói vài lời họ phải đè nén đến độ biến thành nỗi đau luôn dằng xé tâm tư.

Chẳng hạn một người thường ghé mua sách báo, đôi lúc dừng lại hỏi tôi vài chuyện vu vơ.

Một hôm anh bỗng đưa cho tôi tập *Tôn Tử Binh Pháp* in ở Hong Kong, đề nghị tôi chuyển qua tiếng Việt. Anh tiết lộ anh là thiếu tá bộ đội giải ngũ và đoán biết về cuộc đời tôi nên muốn giúp tôi có một khoản tiền, đồng thời để người đọc “*có một cuốn sách đáng đọc thay cho các cuốn sách tệ hại*” mà tôi đang bán. Anh bảo tôi chỉ cần dịch cuốn sách thôi, còn mọi việc khác, khỏi cần biết. Mấy tháng sau anh đề nghị tôi tìm bộ sách biến thành phim đang thu hút mọi người là bộ hồi ký *Little House On The Prairie* của Laura Ingalls Wilder để dịch.

Qua sắp đặt của anh, tôi gửi được thư cho Hoàng Hải Thủy đang ở Mỹ nhờ mua bộ sách và gửi được về cho tôi. Anh cũng chính là đầu cầu đưa đến cho tôi một số gặp gỡ mà tôi thấy tất cả đều không khác một đại tá từng là cấp chỉ huy quan trọng ngay tại quân khu Sài Gòn thuở đó.

Mấy năm trước, vị đại tá này gặp tôi đang bới rác ở Gò Vấp, đã hỏi tôi mơ ước gì. Tôi nói chỉ mơ mỗi ngày có hai bữa ăn. Rồi tôi hỏi lại ông đang mơ ước gì.

Ông nói thẳng một câu mà tôi không bao giờ quên:

– *Tôi mơ bẻ gãy cái cùm cộng sản này.*

Những gặp gỡ lén lút bất ngờ đó bùng sống lại khi tôi có mặt tại Mỹ và là lực đẩy mạnh vô bờ buộc tôi bằng mọi giá phải hình thành tủ sách Tiếng Quê Hương. Do đó, tôi vẫn chưa thể nhìn tới cuốn *Thor Việt Hiện Đại 1900-1960* tái bản tại Mỹ mà Hoàng

Hải Thủy đưa cho năm 2003 là lúc tôi được bệnh viện Fairfax cho biết căn bệnh ung thư của tôi đã hết cách cứu và tôi chỉ còn có mặt từ 6 tới 8 tháng nữa hoặc may lắm là tới năm 2004. Tôi thấy không thể dành thời gian còn lại quá ngắn này cho điều gì ngoài sự tập trung lo cho Tủ Sách Tiếng Quê Hương vừa hình thành nên vớt cuốn sách vào một góc.

*

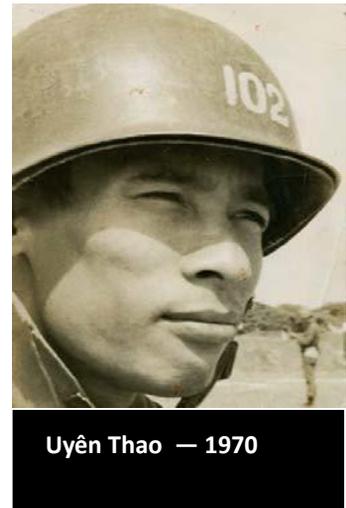
Nhưng cái hẹn gặp tử thần như bác sĩ Romero báo trước không đến. Tôi vẫn có mặt khi thời hạn trôi qua. Nhờ vậy, năm 2009 tôi đã có một ngày mở cuốn *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* do Hoàng Hải Thủy tặng. Đây là lần đầu tôi mở cuốn sách kể từ khi nó chào đời tại Sài Gòn cuối năm 1970, rồi tái bản tại Mỹ. Điều đập vào mắt tôi là Hoàng Hải Thủy gạch xéo nhiều đoạn với những dấu hỏi. Tôi ngưng lại với những dấu hỏi ở trang 42 và thấy một đoạn như sau:

“Cái gì đó ở Vũ Hoàng Chương là nỗi chán chường của người bất đắc chí, lỡ dở yêu đương, công danh lận đận. Ở Xuân Diệu là sự căm hờn của kẻ thất thế, ngồi trong lao tù tiếc nhớ thuở vàng son dĩ vãng...”

Mấy dòng chữ in rõ ràng nhưng như một cú đấm khiến tôi sững sờ. Sao có thể viết về thơ Xuân Diệu như vậy?

Tôi giải tỏa ngay thắc mắc vì thấy chỉ do lỗi ấn loát bỏ mất một số chữ. Bởi tôi nhớ chắc nguyên văn như sau:

*“Cái gì đó ở Vũ Hoàng Chương là nỗi chán chường của người bất đắc chí, lỡ dở yêu đương, công danh lận đận. Ở Xuân Diệu **là cảm xúc của tuổi yêu đương. Ở Thế Lữ** là sự căm hờn của kẻ thất thế, ngồi trong lao tù tiếc nhớ thuở vàng son dĩ vãng...”*



Thợ in chỉ bỏ sót 10 chữ, nhưng đôi hẳn nhận định của tôi và rộng hơn là đôi hẳn nội dung cuốn sách. Các dấu hỏi của Hoàng Hải Thủy buộc tôi phải đọc lại từ dòng đầu tới dòng cuối chứ không thể đọc lướt từng trang và nhận ra không chỉ có nhiều dòng chữ bị bỏ sót mà còn nhiều đoạn bị đảo lộn sai trình tự. Cách sắp chữ thuở đó là xé một trang bản thảo chỉ viết trên một mặt giấy thành 2, 3 mảnh giao cho 2, 3 người thợ sắp chữ xong rồi ráp lại.

Cuốn *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* không phải bản viết trên một mặt giấy mà là bản in ronéo nên mặt sau trang giấy cũng có chữ và trở nên hỗn loạn. Vì người nhận mảnh A1 phải sắp tiếp mảnh B4, người nhận mảnh A2 phải sắp tiếp mảnh B5, người nhận mảnh A3 phải sắp tiếp mảnh B6. Do đó, xếp typo sẽ đứng trước chuỗi chữ sắp xong

theo thứ tự A1-B4, A2-B5, A3-B6 để gom lại đúng thứ tự A1-A2-A3 rồi B4-B5-B6. Dù là chuyên gia cũng khó tránh phạm lỗi do phút giây sao lãng. Hơn nữa khi xé tờ giấy in hai mặt chắc chắn có một số dòng biến đi.

Tôi mất trọn 2 ngày mới đọc xong 400 trang sách và gần như mất hồn về thực tế đã xảy ra.

Bởi sự bất toàn về ấn loát không chỉ đem cho riêng tôi nỗi bực bội mà chắc chắn gây phiền lòng không ít cho bạn đọc đã mua và đọc sách, nhất là bản in tái bản chỉ chụp lại nguyên bản in đầu với các lỗi đã hiện ra trước mắt tôi khiến các bản in không chỉ đổi cuốn sách thành một cuốn sách khác mà thực sự là một mớ chữ hỗn loạn. Nhưng tất cả đều là chuyện đã rồi.

Tôi không biết nói gì hơn ngoài sự chân thành tạ lỗi cùng bạn đọc do đã không thể hoàn tất được tối thiểu trách nhiệm của chính mình. Tôi tạ lỗi không để xin tha thứ mà chỉ mong bạn đọc từng bị cuốn sách gây phiền toái hãy cảm thông xóa bỏ nỗi phiền để tìm lại giây phút nhẹ lòng.

Phần tôi, để cụ thể lời tạ lỗi, chỉ còn biết cố chỉnh lại các lỗi ấn loát qua hai bản in tại Sài Gòn cuối năm 1970, tại Mỹ sau 1975 và phục hồi nguyên bản sơ thảo năm 1960, chính xác là bản nháp cuốn *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* để xin ý kiến bạn bè chứ không phải bản thảo đã hoàn tất. Văn học sử gia Nguyễn Thiên Thụ trong tác phẩm *Lịch Sử Văn Học Việt Nam* từng ghi rõ về bộ *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* như sau:

“Thơ Việt Hiện Đại có khoảng ba ngàn trang, viết từ 1956 đến 1960, là một công trình nghiên cứu và phê bình thi ca Việt Nam từ đầu thế kỷ.

Bộ này có ba phần:

- Nhận định tổng quát*
- Phê bình các tác giả tiêu biểu*
- Tuyển tập.*

Khi chính quyền Ngô Đình Diệm bắt ông thì toàn bộ bản thảo mất hết. Cuốn Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960 in ra chỉ là phần thứ nhất, gồm 400 trang, là phần phác thảo, không hoàn toàn giống với bản thảo đã bị mất. Sau đó, tác giả lại bị tù, không có thì giờ tiếp tục công việc... Đường lối phê bình của ông rất đặc biệt, tiếc rằng các chế độ cả hai bên Quốc-Cộng đã ngăn chặn hoạt động văn hóa của ông.”

Trích lại các dòng trên, tôi xin được gửi tới văn học sử gia Nguyễn Thiên Thụ lời tri ân chân thành và cũng để xác định cùng bạn đọc rằng cuốn *Thơ Việt Hiện Đại 1900-*

1960 từng ấn hành tại Việt Nam rồi tái bản tại Hoa Kỳ và bản hiệu đính mà bạn đang cầm trên tay lúc này chỉ là bản nháp khởi đầu chứ không phải bản thảo hoàn tất cuối năm 1960.

Do chỉ là bản nháp nên chắc chắn vẫn còn không ít sơ sót, chẳng hạn nhiều đoạn trích dẫn không ghi rõ xuất xứ, nhiều nhận định cùng sự liệt kê về các tác giả không nêu đầy đủ mọi chi tiết v.v và v.v... Cho nên, tôi vẫn xin một lần nữa tạ lỗi cùng bạn đọc là ngoài việc chỉnh lại các lỗi ấn loát của 2 bản in, tôi hoàn toàn bó tay trước nhiều lỗi khác vì không thể tìm lại được bản thảo thất lạc từ năm 1963.

Theo thói quen phổ biến vẫn coi tác phẩm văn nghệ như đứa con tinh thần của tác giả thì *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* là đứa trẻ sinh thiếu tháng với hình dạng bất toàn. Dù vậy, thượng tọa Thích Đức Nhuận vẫn coi nó có đủ hình dạng đứa con tinh thần khi bảo nó là một tác phẩm, và do lòng thương yêu, thượng tọa đã lo cho nó có mặt trên đời.

Có thể bảo nó sống lại nhờ trái tim từ ái vô bờ và sau đó trưởng thành nhờ không ít bàn tay nâng đỡ của bạn đọc yêu mến thơ.

Việc duy nhất tôi làm được trong khoảng tháng ngày mỏng manh còn lại hiện nay chỉ là cố phục hồi hình dạng bất toàn của nó đã bị bẻ gãy và bóp nát nhiều phần ở phút sơ sinh thiếu tháng đến mức gần như bị thay hình đổi dạng qua 2 bản đã phát hành. Vì trên thực tế, bản thảo tác phẩm *Thơ Việt Hiện Đại 1900-1960* mà tôi hoàn tất cuối năm 1960 đã thực sự biến mất hẳn từ giữa năm 1963 không còn thấy bóng dáng ở bất kỳ nơi đâu.

Nhìn lại những đoạn đường đã qua, trước mắt tôi lúc này chỉ nổi bật một điều duy nhất từng giúp tôi liên tục vượt khỏi các trở ngại khó khăn là tấm lòng từ ái thân thương mà tôi đã đón nhận từ rất nhiều người.

Cho nên ước mong cuối cùng của tôi chỉ là cùng với mọi người luôn được tiếp nhận và cũng luôn cố gắng tự biểu hiện nổi tấm lòng trân quý đó.

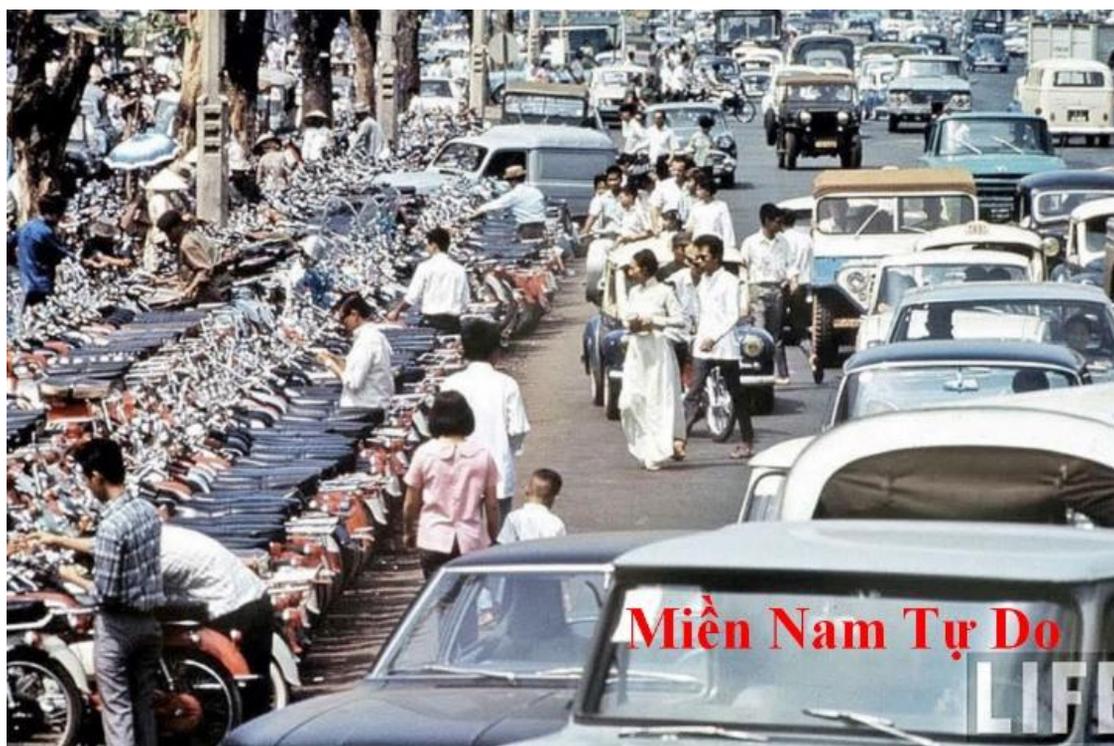
Bởi đó chính là nguồn năng lực vô song sẽ giúp hết thấy chúng ta giữ mãi được sự sống “*đích thực là người.*”

Uyên Thao

● *Virginia, Dec. 18, 2019*

Sài Gòn: Biểu Tượng Của Tự Do

Trần Nhật Kim



*

Gia đình tôi quyết định di cư vào miền Nam khi đời sống ở tỉnh Hải Dương trở lên bất ổn sau ngày tiếp thu, một hành động “bỏ của chạy lấy người” vào giờ phút chót, như phần đông cư dân của thành phố này. Chỉ với một quãng đường ngắn 47 Km từ tỉnh Hải Dương tới Hải Phòng, thành phố tự do cuối cùng do người Quốc gia kiểm soát, chúng tôi không thể đi như trước đây mà phải lấy có về thăm quê Nam Định để tránh sự ngăn cản của chính quyền địa phương khi xin giấy phép đi đường. Lợi dụng có giấy phép chúng tôi ghé Hà Nội, ở đây vài ngày trước khi tìm cách xuống Hải Phòng bằng tàu hỏa.

Chuyến đi thật cam go mặc dù chỉ với đoạn đường từ Hà Nội tới Hải Phòng dài 105Km, mà theo Hiệp Định đình chiến Genève do các bên tham chiến ký kết vào tháng 7-1954, có điều khoản:

“Dân chúng mỗi bên có quyền di cư sang lãnh thổ do bên kia kiểm soát trong thời gian quân đội hai bên đang tập kết...”.

Tôi rời bỏ miền Bắc nơi chôn nhau cắt rốn, mà hiện tại chế độ cộng sản coi chúng tôi, những Người Việt Quốc Gia di cư vào miền Nam, là kẻ thù nguy hiểm nhất mang bí số B-54 (*đi miền Nam năm 1954*), vì cản đường họ Nam tiến hầu nhuộm đỏ các quốc gia thuộc Đông Nam Á châu theo lệnh của Cộng sản Quốc tế. Mà không lâu trước đây tại vùng đất này người Việt đã kề vai sát cánh đổ máu và nước mắt để bảo toàn mảnh giang sơn gấm vóc của tổ tiên để lại trước họa đồng hóa, ngoại xâm “một ngàn năm đô hộ” của kẻ thù phương Bắc.

Sau khi chiếm được chính quyền của Thủ tướng Trần Trọng Kim, một chế độ mới ra đời do Hồ Chí Minh lãnh đạo, mang tên “**Việt Nam Dân chủ Cộng hòa**” với Quốc kỳ “Ngôi sao vàng trên nền cờ đỏ”, một bản sao của các nước theo chủ nghĩa cộng sản. Bài hát “**Tiến quân ca**” được ông Hồ phê duyệt ngày 13-8-1945 trở thành **Quốc ca**, đã đánh dấu một giai đoạn tàn sát, tắm máu người dân miền Bắc qua chính sách “Cải cách ruộng đất” để chia rẽ và chiếm đoạt tài sản. Tiếp đến thiêu hủy văn hóa phẩm và tù đầy người trí thức qua chiến dịch “Trăm hoa đua nở”, hầu dập tắt những tiếng nói đòi hỏi một đời sống tự do no ấm.

Máu và nước mắt hòa lẫn hận thù dân tộc đẫm ướt trên mảnh giang sơn nghèo khó này, đã trở thành phí phạm vì chiêu bài “**Bài Phong- Đả Thực**” khi Thực dân và Phong kiến không còn. Nhưng khẩu hiệu trên vẫn được tận dụng, ngụy trang dưới âm vang của bản Quốc ca đã kích động, lừa gạt lòng yêu nước cuồng nhiệt của người dân Việt:

Đường vinh quang xây xác quân thù... (1)

Đề ròi:

Thê phanh thây uống máu quân thù...

Một hành động man rợ, đuổi cùng giết tận, được đảng CSVN xử dụng như một phương châm hành động: “**Thà giết lầm hơn bỏ sót**” với chính đồng bào ruột thịt của mình, trái ngược với bản chất của một dân tộc nặng về tình cảm yêu thương con người. Lời hiệu triệu trên đã đẩy hàng triệu thanh thiếu niên miền Bắc tuổi đời còn non trẻ rời bỏ gia đình, phí phạm máu xương hy sinh cho tham vọng “**Thê giới đại đồng**”, nhưng đó chỉ là hoang tưởng, là mùi thơm của bánh vẽ, không bao giờ hiện hữu trong xã hội loài người.

o0o

Trở lại chuyện “**Nam Kỳ là Thuộc địa**”...

Theo Hòa ước **Nhâm Tuất** ký ngày 5-6-1862 giữa Đại Nam và Pháp, nhà Nguyễn phải nhượng cho Pháp ba tỉnh **Biên Hòa, Gia Định** và **Định Tường** vốn

thuộc vùng lãnh thổ cực Nam của nước Đại Nam. Hòa ước này mất dần hiệu lực, khi quân Cờ Đen hạ sát Francis Garnier ở Cầu Giấy, ngoại ô thành phố Hà Nội. Philastre đã trực tiếp giải quyết mọi việc tại Bắc Kỳ, hạ lệnh rút quân Pháp khỏi thành phố Hải Dương vào tháng 12-1873 và ký với Nguyễn Văn Tường ngày 5-1-1874 rút khỏi Nam Định, Ninh Bình và trả thành phố Hà Nội cho Đại Nam ngày 6-2-1874.

Triều đình Huế chấp nhận ký với Pháp Hiệp ước mới, còn gọi là **Hiệp ước Giáp Tuất (1874)**, thỏa thuận giữa Đại diện Pháp là Philastre và đại diện Triều đình Huế là Lê Tuấn và Nguyễn Văn Tường cùng Dupre ký tên ngày 15-3-1874 và bổ sung một Hiệp ước thương mại khác ngày 31-8-1874 giữa Thống soái Krantz và Nguyễn Văn Tường.

Ngoài ra, nước Pháp được phép thiết lập cơ sở ngoại giao do một đại biện lâm thời người Pháp đứng đầu tòa Trú sứ đặt tại kinh đô Huế, ngược lại phía Đại Nam cũng đặt một Lãnh sự ở Sài Gòn. Mặt khác, điều khoản về ngoại giao cũng buộc chính sách đối ngoại của Đại Nam phải phù hợp với chính sách ngoại giao của Pháp, tức gián tiếp hủy bỏ quan hệ giữa Triều đình Huế và nhà Thanh, nhằm tách Đại Nam ra khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa.

Trong khoảng thời gian dài gần 2 thập niên, từ năm 1861 đến năm 1879, Nam Kỳ nằm dưới quyền cai trị trực tiếp của giới quân sự Pháp và chỉ kết thúc khi Thống đốc dân sự đầu tiên là Charles Marie Le Myre de Vilers thay thế Thống soái Lafont. Vilers tiến hành cuộc cải cách chính trị là sự ra đời Hội đồng Quản hạt Nam Kỳ theo sắc lệnh ngày 8-2-1880, được Tổng thống Pháp Jules Grévy ký duyệt. **Kể từ thời Thống đốc dân sự Vilers, Nam kỳ lục tỉnh của Đại Nam chính thức trở thành thuộc địa của Pháp.**

o0o

Tôi đã tới Sài Gòn, một vùng đất yên bình với nếp sống tràn đầy yêu thương hạnh phúc. Một nơi mà những người tới trước đây đã tôn vinh là **“Miền Đất Hứa”**, mà quan trọng hơn nữa, là nơi chan hòa ý tưởng với nếp sống **“Tự do”**, một nơi thể hiện ước vọng hướng tới tương lai tốt đẹp của con người. Sự hiện diện của hơn một triệu người di cư vào Nam sau ngày 20-7-1954 để tránh họa cộng sản miền Bắc, là một sự kết hợp kỳ diệu của dân tộc. Một sự hòa hợp giữa văn hóa ba miền Bắc-



Nam-Trung, đã giúp miền Nam trở lên phong phú trong mọi sinh hoạt đời sống, vừa đậm nét văn hóa truyền thống dân tộc vừa mang màu sắc văn minh Tây phương, đã xóa bỏ quan niệm vùng miền để hoàn thiện nếp sống Tự do-Dân chủ cho mọi người hiện diện tại vùng đất thân yêu này.



Phong trào thơ nhạc theo phong cách Tây phương cũng ảnh hưởng tới đời sống người dân, đã trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu của giới trẻ Việt Nam.

Một hình ảnh chứng tỏ miền Nam là vùng đất tự do khi thấy sách báo gồm cả tiếng Việt lẫn ngoại ngữ với mọi khuynh hướng chính trị hay đời sống xã hội, bày bán tự do tại các sạp bán báo (*Kiosk*) rải rác trên khắp các đường phố, giúp người dân hiểu biết về mọi phương diện. Thêm vào đó, người dân tự do nghe tin tức trong và ngoài nước từ các đài thu thanh tư nhân. Với tinh thần ham hiểu biết của người miền Nam, chúng ta không ngạc nhiên khi thấy các bác xe xích-lô không chở khách, ngồi đọc sách báo vào giờ nghỉ trưa cũng như các người bán sách báo nghỉ trưa tại các sạp bán báo, chứng tỏ người miền Nam tôn trọng quyền tự do cá nhân và cũng thể hiện đây là một đất nước phát triển, dư thừa vật chất.

Trong khi tại Hà Nội, phương tiện thông tin bị hạn chế và kiểm soát chặt chẽ, một tờ báo “*Cứu quốc hay Nhân dân*” cho 10 người dân. Đài thu thanh (Radio)



phải có giấy phép với điều kiện “*cấm nghe đài ngoại quốc*”. Đây là một phương tiện xa xỉ chỉ dành cho thành phần cán bộ cao cấp và thân nhân giàu có. Người dân chỉ còn theo dõi tin tức đã gạn lọc do loa phóng thanh tại địa phương.

Tất cả những điều trên đã trả lời câu

hỏi của người miền Bắc vào Nam sau ngày 30-4-1975: “*Tại sao có sự phân biệt đối xử giữa Bắc Kỳ 54 và Bắc Kỳ 75*”, một sự so sánh khi người dân miền Bắc hiện diện tại miền Nam qua hai thời điểm **1954** và **1975**?

Chúng ta nhận ra, sau ngày đình chiến 20-7-1954 chia đôi đất nước, hơn một triệu người miền Bắc di cư vào Nam để tránh họa cộng sản, được người miền Nam đùm bọc yêu thương, nhất là cùng chung một luồng tư tưởng văn hóa theo phong thái Tây phương, đã xóa tan những cách biệt vùng miền, để cùng xây dựng một đời sống, một xã hội tốt đẹp hơn. Chỉ một sớm một chiều, người Bắc di cư năm 1954 đã hòa nhập với nếp sống miền Nam và cảm nhận mình là “**người Sài Gòn**” trong một xã hội tự do dân chủ.

Trái lại, sau khi xâm lăng miền Nam ngày 30-4-1975, người miền Bắc luôn kiêu hãnh tự nhận là “**Bên Thắng cuộc**”, hành động cao ngạo coi rẻ người miền Nam. Cộng sản miền Bắc đẩy hàng triệu quân cán chính miền Nam vào trại tù cải tạo, để chiếm đoạt tài sản cũng như phá bỏ văn hóa miền Nam, gây ra một mối hận khó quên trong lòng người miền Nam. Người miền Nam được “sáng mắt” về một thế giới đại đồng, dư thừa vật chất với “TV & Radio chạy đầy đường”, để rơi chiếc mặt nạ “Giải phóng miền Nam” thường được tuyên truyền, nêu cao như một nghĩa cử cao đẹp, đã hiện nguyên hình là một băng đảng cướp của giết người. Nhất là sau 20 năm dưới danh xưng XHCN, tinh tự dân tộc bị xóa bỏ, đi theo chủ nghĩa Tam Vô (*Vô Gia đình, Vô Tổ Quốc, Vô Tôn Giáo*), xa dần bản sắc dân tộc. Một loại văn hóa ích kỷ đang tràn ngập xã hội. Tất cả những điều trên khiến lòng người Nam-Bắc khó hòa hợp sau ngày 30-4-1975.

o0o



Trở lại vùng đất miền Nam chằng chịt kinh rạch là cơ hội để miền Nam phát triển, như biểu tượng (Logo) của Sài Gòn đã nói lên ước vọng của dân tộc này sẽ vươn ra ngoài, vừa mang tính cạnh tranh vừa thể hiện sự sống chung hòa bình với các dân tộc Năm châu bốn biển. Logo do người Pháp thiết kế năm 1870 làm biểu tượng cho Sài Gòn với hình ảnh đơn sơ

nhưng có nhiều tiềm năng phát triển mang ý nghĩa:

“Hình ảnh hai con cọp thể hiện đây là vùng đất hoang sơ. Dòng chữ Latinh Paulatim Screscam có ý nghĩa: Cứ từ từ, tôi sẽ phát triển. Hình ảnh con tàu chạy bằng hơi nước cho biết đây là vùng đất có nhiều kinh rạch. Phía trên có vương miện năm cánh cho hay Sài Gòn sẽ giao thương với năm châu bốn biển.”

Có nhiều nhận định về danh xưng của thành phố Sài Gòn là **“Hòn ngọc Viễn Đông”** (*La perle de l'Extrême Orient*), một nơi được tôn vinh là thủ phủ của miền Viễn Đông (Gồm các quốc gia: Việt Nam, Campuchia, Lào, Malaysia, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Philippines, Hàn Quốc, Trung Hoa và Nhật Bản). Vào cuối thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20, hầu hết các quốc gia này trở thành thuộc địa hoặc chịu ảnh hưởng của các cường quốc Tây phương trong đó có nước Anh và Pháp.

Từ những năm 1895, Pháp xây dựng các cơ sở của thành phố Sài Gòn nhằm đưa vùng đất này thành nơi phát triển về kinh tế. Dưới sự chỉ huy của Trung tá Công binh Coffyn, Sài Gòn được xây dựng theo phong cách phương Tây. Mô hình thành phố Sài Gòn là một Paris thu nhỏ, một kinh đô ánh sáng ở phương Đông. Trong giai đoạn này khu trung tâm thành phố xuất hiện một số công trình còn tồn tại đến hôm nay như Nhà thờ Đức Bà, Nhà Hát thành phố, Dinh Thống Đốc, Phủ Toàn Quyền... Hàng loạt nhà hàng, khách sạn mọc lên đã trở thành một địa điểm vui chơi, nghỉ dưỡng, giải trí sau chuyến hải trình trao đổi, buôn bán của giới thương nhân của các quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc, châu Âu, châu Mỹ... Danh xưng Sài Gòn là **“Hòn ngọc Viễn Đông”** đã được các thương nhân truyền miệng ghi nhận sau mỗi lần viếng thăm vùng đất **“trên bến dưới thuyền”** này, mặc dù đây không phải là một hải cảng vì Sài Gòn là một thành phố. Nhưng Sài Gòn được xem là thủ phủ của Đông Dương về Kinh tế, giải trí để cạnh tranh với Singapore của nước Anh.

Với cái nhìn khách quan hơn về thành phố Sài Gòn, vào tháng 10 năm 1819, Trung Úy John White, thuộc Hải quân Hoa Kỳ trên tàu Franklin khởi hành từ cảng Salem thuộc tiểu bang Massachusetts (Mỹ) đã tới Sài Gòn. Dưới sự quan sát của mình, John White có nhiều thiện cảm với vùng đất này và ông ghi lại trong tác phẩm “Voyage to Cochinchina”. Ông rất ca tụng Sài Gòn có tiềm năng về giao thương Quốc tế, cũng như khả năng đóng tàu có thể cạnh tranh với các hãng đóng tàu tốt nhất của Âu châu. Ông cũng nhận định Sài Gòn là nơi dễ sống với một thị trường phong phú về mọi loại hàng hóa, đã hấp dẫn những thương nhân từ các quốc gia như Trung Hoa cách xa hàng ngàn hải lý. Sài Gòn là nơi có nhiều sản phẩm kỹ nghệ như gỗ quý để phát triển ngành hàng hải.

Ông John White cũng nhận định ưu điểm về thủy lộ của vùng đất Sài Gòn với sông rạch chằng chịt, ghe thuyền tấp nập qua lại, một ưu điểm để đất nước này phát triển, vươn xa ra tới các quốc gia thuộc Đông Nam Á châu.

Sau Trung Úy John White, Năm 1822, Bác sĩ người Anh George Finlayson (1790-1823), thành viên trong phái bộ Anh do John Crawford dẫn đầu đến Sài Gòn, với mục đích tìm kiếm giao kết thương mại. Ông có nhận định Sài Gòn là một trong những đô thị có nhiều tiềm năng phát triển thương mại. Các cửa hàng rộng rãi, trưng bày ngăn nắp, tràn ngập các loại sản phẩm. Nhất là bản chất thực thà hiếu khách của người dân địa phương, khiến du khách thỏa mãn tất cả những gì đã mắt thấy tai nghe, nhất là về phong tục và bản chất tình cảm của người dân địa phương.

Để cạnh tranh với thành phố Singapore của Anh, người Pháp muốn biến Hà Nội thành Thủ đô văn hóa của Đông Dương, nên các cơ sở văn hóa đều tập trung ở Hà Nội. Sinh viên Đại học thuộc các xứ Đông Dương đều phải tới học tại Hà Nội kể cả con Vua cháu Chúa của các xứ này. Các sinh viên Sài Gòn muốn học Luật Khoa và Y khoa đều phải ra Hà Nội hay sang Pháp. Ngoài dấu ấn người Pháp để lại là cầu Paul Doumer (Cầu Long Biên: 1898-1902) còn có một số cơ hạ tầng được xây dựng theo đường nét Tây phương còn tồn tại đến ngày nay.

Do lợi thế về địa dư, người Pháp xây dựng Sài Gòn thành thủ phủ về kinh tế, hạ tầng cơ sở được đặc biệt quan tâm. Các công trình kiến trúc đều mang phong cách Tây phương, một kinh đô ánh sáng Paris thu nhỏ tại phương Đông. Năm 1885, tuyến đường sắt đầu tiên của Đông Dương dài 70 Km nối Sài Gòn – Mỹ Tho được xây dựng. Cầu Bình Lợi hoàn tất năm 1902 đã rút ngắn sự di chuyển giữa Thủ Đức và Biên Hòa. (2)

Giao thông đường thủy được đặc biệt quan tâm. Nhiều khu bốc dỡ, chuyên vận hàng hóa còn lưu danh đến ngày nay như: Bến Hàm Tử, Bình Đông, Chương Dương, Vân Đồn, Bạch Đằng. Sau khi chợ Bến Thành xuất hiện năm 1914, việc trao đổi hàng hóa giữa trung tâm Sài Gòn và Chợ Lớn phát triển trở thành một nhu

cầu cấp thiết, các khu vực đầm lầy giữa Sài Gòn và Chợ Lớn được san lấp trở thành Đại lộ Trần Hưng Đạo.

Theo PGS. TS. Trần Đình Thiên, Viện Trưởng Viện Kinh Tế Việt Nam: **“vào thập niên 60-70 Sài Gòn vẫn được mệnh danh là Hòn ngọc Viễn Đông, thành phố duy nhất trong khu vực được định danh**, trong khi Singapore lúc đó chỉ là một đảo quốc hoang vu”. (3)

Điều này được ông Lý Quang Diệu, Thủ Tướng đầu tiên của Singapore, phát biểu vào thập niên 1960: *Hy vọng một lúc nào đó Singapore sẽ phát triển như Sài Gòn* (4).

Hà Nội là một đô thị nên được bao quanh bởi bốn Trấn “*Tứ chiếng*”, các Trấn này ẩn sau lũy tre xanh, hàng rào che chắn, bao bọc bởi đê điều, các thân tộc liên kết với nhau qua nhiều thế hệ, **tạo cho Hà Nội một thế giới riêng biệt khép kín, nên mang tính hướng nội.**

Sài Gòn, một nơi được mệnh danh là “*Tứ Chiếng*” như Hà Nội, là nơi tập chung dân cư nhiều vùng tới đây sinh sống. Theo Trịnh Hoài Đức, *Tứ Chiếng* của Sài Gòn - Gia Định là “*tứ phương tạp xứ*”, không phải chỉ gồm có người Việt đến từ miền Trung hay các vùng phụ cận, mà còn có cả người dân của nhiều quốc gia đến lập nghiệp, với ngôn ngữ và phong tục tập quán khác nhau.



Sài Gòn vừa là một đô thị vừa là một bến cảng nằm gần các giao lộ hàng hải quốc tế. Như Pallu de la Barrière ghé Sài Gòn vào cuối thế kỷ 19 đã nhận định: *“Hàng ngàn con thuyền vào sông tạo thành một thành phố nổi, với sự xuất hiện của*

người Ấn, người Tàu, và người lính Pháp và Tagal (Phi Luật Tân) với ngôn ngữ khác nhau, tạo ra một cảnh quan khác biệt...”

Trong số những người đến Sài Gòn sớm nhất phải kể là người Hoa với nhiều lý do mà chủ yếu là đi tìm đất sống. Sự cộng cư giữa người Việt và người Hoa, người Miên, người Mã và thương nhân của nhiều quốc gia khác, đã tạo cho Sài Gòn một phong thái hiếu khách, thân thiện.

Với địa dư đặc biệt của miền Nam, một vùng đất tiếp giáp với biển khơi, đã tạo cho “**Người Sài Gòn**” tính mạnh mẽ, phóng khoáng, trọng nghĩa khinh tài, không chịu luồn cúi trước bạo lực. Do đó, Người Sài Gòn ưa chuộng Tự Do hơn. Nhờ ưu đãi của vùng đất rộng lớn, lương thực nhiều không lo đói rét vì nằm trên vựa thóc miền Nam, theo Trịnh Hoài Đức, về mặt địa lý, Sài Gòn thuộc khu vực nhiệt đới có gió mùa nên nóng và ẩm. Khí hậu Sài Gòn có hai mùa mưa và khô. Nhất là, Sài Gòn nằm gần ngã tư quốc tế, nơi tiếp giáp với các con đường hàng hải thế giới từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, khiến Sài Gòn trở thành điểm hội tụ của các thương nhân thuộc nhiều quốc gia trên thế giới. Nhờ sông Sài Gòn nối ra biển, nên dù thành phố có nằm sâu trong nội địa vẫn là một cảng biển, thuận lợi cho tàu thuyền ra vào. Đây cũng là dịp để Sài Gòn giao tiếp, vươn xa tới các quốc gia Đông Nam Á và trên thế giới. Sông Sài Gòn và các kinh rạch chịu ảnh hưởng của thủy triều đã ảnh hưởng tới phong cách của Người Sài Gòn. Tất cả những điều trên khiến Sài Gòn khác với Hà Nội, **Sài Gòn hướng ngoại nhiều hơn.**

o0o

Từ sau ngày 30-4-1975, dưới chính sách “công an trị”, CSVN đã cố công xóa bỏ những công trình mang lợi ích thiết thực cho người dân của Việt Nam Cộng Hòa, mà ưu điểm là nếp sống Tự do – Dân chủ đã trở thành một thói quen không thể xóa bỏ của người miền Nam. Trong nếp sống đó, điểm dễ nhận thấy là sự tôn trọng quyền Tư Hữu, lòng tương trợ cứu mang những người cơ nhỡ, nhất là tính kỷ luật thể hiện trong đời sống hàng ngày, một ưu điểm của xã hội Tự Do.

Trước sự thất thủ của miền Nam sau ngày 30-4-1975, Ông Josh Gelerner đã nuối tiếc về thành quả của Việt Nam Cộng Hòa và đưa ra lời nhận định trong bài viết: ***“If South Vietnam Were free Today”*** đăng trên báo *National Review (Politics & Policy)* ngày 25 tháng 4 năm 2015: *“Hãy nhìn phần còn lại của Đông Nam Á và mừng tượng miền Nam Việt Nam sẽ ra sao...”*, và đưa ra trường hợp của 3 quốc gia được Mỹ hỗ trợ để chống lại cộng sản như: Đài Loan chống Trung cộng, Nam Hàn chống Bắc hàn và Nam Việt Nam chống cộng sản miền Bắc. Hiện nay về chỉ số phát triển, tính trên mức sống của người dân của 2 trong 3 nước kể trên: Nam Hàn đứng vị trí 15, Đài Loan vị trí 21 trong số những quốc gia phát triển nhất Âu Châu. Đài Loan hơn Trung quốc 70 bậc, còn XHCN Việt Nam đứng vị trí 122.

Cũng trong chiều hướng trên, Dân biểu phản chiến Hoa Kỳ, ông Leo J. Ryan (1925-1978) cũng nhận định về tình trạng chính trị của VNCH:

“Mặc dù Nam Việt Nam không phải là pháo đài của nền dân chủ, những cáo buộc nặng nề nhất về việc đàn áp những quyền cơ bản của con người đã bị thổi phồng. Vẫn có lực lượng chính trị và báo chí đối lập hoạt động và lên tiếng. Vẫn có một số tù nhân chính trị, nhưng dân chúng cũng như các nhà đối lập không phải sống trong sự sợ hãi và đàn áp của chính quyền...”

Quan trọng hơn nữa, Đài Loan và Nam Hàn có bầu cử tự do, tự do báo chí, tự do tôn giáo, tự do hội họp và tự do ngôn luận mà Trung cộng và Bắc Triều tiên đều không có quyền tự do này. Còn XHCN Việt Nam sẽ không bao giờ có tự do khi đảng cộng sản còn cầm quyền cai trị dưới chính sách độc tài công an trị. (5)

o0o

Nhìn vào Việt Nam hôm nay dưới chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, người dân được hưởng những gì hay chỉ có đàn áp, bắt công. Đảng cộng sản vẫn độc quyền chính trị, chiếm dụng tài sản của người dân bằng bạo lực. Một chủ thuyết không lối thoát, như ông Nguyễn Phú Trọng nghi ngờ về tương lai của Chủ nghĩa Xã hội khi tuyên bố:

“...Xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội (CNXH) còn lâu dài lắm. Không biết đến cuối thế kỷ này đã có Xã hội Chủ nghĩa hoàn thiện ở Việt Nam hay chưa?” (6)

Như nhiều người nhận định, đã đến lúc phải từ bỏ Chủ nghĩa Xã hội, một chủ nghĩa chỉ giúp cho giới lãnh đạo nhờ tham nhũng hồi lộ, trở thành một giai cấp giàu có, của ăn của để dư thừa, trong khi người dân nghèo đầu tắt mặt tối, miếng ăn lần không ra. Một xã hội mà văn hóa ích kỷ đố kỵ tràn lan, không còn đất sống cho những người có thiện tâm vì quốc gia dân tộc.

Đứng trước sự suy sụp của văn hóa hiện tại, nhiều người nuối tiếc nền văn hóa Nhân bản của Việt Nam Cộng Hòa, được thực hiện dưới thời Đệ Nhất và Đệ Nhị VNCH gồm những nguyên tắc: Giáo dục Việt Nam là giáo dục nhân bản, lấy con người làm gốc, lấy cuộc sống của con người làm căn bản. Chấp nhận sự khác biệt giữ các cá nhân, nhưng không chấp nhận sự kỳ thị phân biệt giàu nghèo, địa phương, tôn giáo hay chủng tộc và mọi người có quyền được hưởng một nền giáo dục đồng đều. Giáo dục phải bảo tồn hay phát huy truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc. Vì giáo dục Việt Nam là giáo dục khai phóng, nên phải mở rộng, tiếp nhận những kiến thức khoa học tân tiến cũng như tiếp cận với văn minh thế giới. Hơn nữa, VNCH theo thể chế “Tam quyền phân lập” để bảo vệ quyền tự do của người dân, cũng như tổ chức bầu cử tự do các chức vụ từ thượng tầng đến các đơn vị địa phương. (*)

Tôi tiếc cho Hà Nội đã một thời vang danh là cái nôi của văn hóa dân tộc, được ca tụng:

Chẳng thơm cũng thể hoa Nhài

Dẫu chưa thanh lịch cũng người Tràng An

Nhưng sau 20 năm dưới sự cai trị của cộng sản, Hà Nội đã để mất phong thái ngày xưa.

Sau 4 thập niên bị áp bức trù dập, danh xưng Sài Gòn với nếp sống tự do dân chủ vẫn là tiếng nói, là nhịp thở trong trái tim người miền Nam. Ý tưởng “Tự do - Dân chủ” chan hòa trong nếp sống của “**Người Sài Gòn**”, quen thuộc như một hơi thở, một thói quen có từ thời khai sinh vùng đất này. Mà trong nếp sống ấy, Tự do được nêu cao vừa là quyền lợi vừa là sự chọn lựa của mỗi con người, một cá thể độc lập, có suy nghĩ, tư tưởng riêng và có quyền lựa chọn cách sống sao cho phù hợp với trào lưu của xã hội để được vui hưởng hạnh phúc toàn vẹn.

Mặc dù chỉ với 21 năm trong nếp sống Tự do - Dân chủ của Việt Nam Cộng Hòa, một nền Dân chủ còn non trẻ, nhưng ở đó người dân luôn sống trong hạnh phúc và tự hào có một đời sống xứng đáng là một “Con Người”.

Sài Gòn là nhịp thở trong trái tim của người miền Nam. Bất cứ sự thay đổi nào đối với thành phố này, dù là tên gọi, cũng chỉ là tạm bợ, nhất thời. Vì tên gọi Sài Gòn mãi mãi thuộc về thành phố Sài Gòn.

Trần Nhật Kim

Chú thích-

* Tài liệu tham khảo và hình ảnh chụp trên mạng Bách Khoa mở (Wikipedia)

(1) “Tiến quân ca”: một bài hát do nhạc sĩ Văn Cao (1923-1995) sáng tác vào năm 1944 được dùng làm Quốc ca của nước “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” từ năm 1945. Bài hát Tiến quân ca được viết tại căn gác số 45 Nguyễn Thượng Hiền. Sự hình thành bản Tiến quân ca được ghi nhận: “Mùa đông năm 1944, Văn Cao gặp Vũ Quý, một cán bộ Việt Minh, ở ga Hàng Cỏ, đã động viên ông viết những bài hát như *Đống đá, Thăng Long hành khúc... Vũ Quý đề nghị Văn Cao thoát ly và nhiệm vụ đầu tiên là sáng tác một bài hành khúc cho quân đội Việt Minh.*

Về bản Tiến quân ca, ông Văn Cao có ghi lại vào tháng 7 năm 1976:

“Tôi chỉ đang làm một bài hát. Tôi chưa được biết đến chiến khu, chỉ biết những con đường Phố Ga, đường Hàng Bông, đường Bờ Hồ theo thói quen tôi đi.

Tôi chưa gặp chiến sĩ cách mạng của chúng ta trong khóa quân chính đầu tiên ấy và chỉ biết họ hát như thế nào...

(2) Bàn về Saigon là Hòn ngọc Viễn Đông (Trương Nhân Tuấn)

<https://www.bbc.com/vietnamese>

(3) Lý giải mỹ danh 'Hòn ngọc Viễn Đông' của Sài Gòn xưa (PGS. TS Trần Đình Thiên)

<https://vnexpress.net/ly-giai-my-danh-hon-ngoc-vien-dong-cua-sai-gon-xua-3399077.html>

(4) Lý Quang Diệu từng ước Singapore sẽ được như Sài Gòn:

<https://danlambao.vn.blogspot.com/2012/03/ly-quang-dieu-tung-uoc-singapore-se-uoc.html>

(5) If South Vietnam were free today

<https://www.nationalreview.com/2015/04/if-south-vietnam-were-free-today-josh-gelernter/>

(6) Việt Nam: Hành trình bất định đến XHCN-BBC News-LS. Vũ Đức Khanh, Canada)

https://www.bbc.com/vietnamese/forum/2013/11/131117_road_socialism

(*) Theo tài liệu của Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm về giáo dục VNCH
<https://vietcatholic.net/Media/giaoducvnch.pdf>

(*) Danh từ Tứ Trấn (của Hà Nội) xuất hiện vào cuối thế kỷ 15 dưới thời vua Lê Thánh Tông, niên hiệu Hồng Đức 21 (1490), gồm cư dân của bốn Trấn bao quanh kinh thành Thăng Long như một lớp vỏ bọc: Trấn Kinh Bắc, Trấn Sơn Nam, Trấn Hải Dương và Trấn Sơn Tây.

(*) Dân trí nên được quan tâm. Như tại “ATM Gạo” miễn phí vào lần cứu trợ tại “Sài Gòn – Hà Nội”

(Hình chụp lại trên mạng Bách khoa mở-Wikipedia)



Hành Trình Đi Bộ Vì Hòa Bình

Tuệ Quang

*Có những hành trình không đo bằng dặm đường,
mà đo bằng những trái tim được chạm đến.*



Một Trăm Lẽ Tám Ngày, Một Niềm Tin

Từ khu phố Stop Six lịch sử ở Fort Worth, Texas, nơi mặt trời Texas còn ấm áp trên những con đường quen thuộc, hai mươi bốn vị sư Phật giáo đã khởi hành một hành trình mà không ai có thể ngờ sẽ chạm đến linh hồn của cả một đất nước. Đó là ngày 26 tháng 10 năm 2025, và họ đã chọn cách đơn giản nhất, khiêm tốn nhất để nói về hòa bình: Họ đi bộ.

Hai nghìn ba trăm dặm trải dài trước mặt, qua mười bang, qua những cánh đồng bao la, những thị trấn yên bình, những thành phố nhộn nhịp. Một trăm lẽ tám ngày, mỗi ngày hơn hai mươi dặm dưới chân, dưới ánh nắng, dưới mưa, dưới tuyết rơi. Nhưng đối với các vị sư từ chùa Hương Đạo Thiên Viện Tứ Niệm Xứ, con số không phải là điều quan trọng. Điều quan trọng là mỗi bước chân, mỗi hơi thở, mỗi khoảnh khắc hiện diện.

Dẫn đầu đoàn là Sư Bhikkhu Pannakara, tên Việt là Sư Tuệ Nhân, một nhà sư người Mỹ gốc Việt với ánh mắt dịu dàng và nụ cười thanh thản. Sư cùng với hai vị sư khác, đã chọn đi chân đất. Không phải để thể hiện sự khổ hạnh, mà để cảm nhận mỗi hòn sỏi, mỗi nhát đá, mỗi giọt sương trên mặt đất. Để sống trọn vẹn trong từng bước đi, trong từng giây phút của hiện tại. Đôi chân Sư đã bị thương, băng bó, nhưng trên gương mặt vẫn là nụ cười bình an. Vì hòa bình không phải là không đau, mà là bình an giữa nỗi đau.

Aloka - Ánh Sáng Thiêng Liêng

Và có một thành viên đặc biệt trong đoàn - Aloka, chú chó nhỏ từ Ấn Độ. Tên của chú mang nghĩa "ánh sáng thiêng liêng" trong tiếng Sanskrit, và quả thật chú đã mang đến ánh sáng cho biết bao con tim. Aloka đi trước đoàn, đôi khi ngoảnh lại như để bảo đảm mọi người vẫn theo sau, đôi khi nằm nghỉ bên cạnh các vị sư như một người bạn đồng hành trung thành. Chú không biết mình đã trở thành hiện tượng trên mạng xã hội với hơn sáu trăm nghìn người theo dõi. Chú chỉ biết bước chân, yêu thương, và hiện diện.

Khi Nước Mỹ Mở Lòng



Điều kỳ diệu bắt đầu xảy ra khi các vị sư bước qua từng thị trấn, từng thành phố. Người ta bắt đầu nghe về họ - những vị sư trong tràng áo vàng cam, đi chân đất, mang theo hoa và vòng tay hòa bình. Không có loa phóng thanh, không có biểu ngữ rầm

rộ, không có lời kêu gọi phản đối điều gì. Chỉ có sự hiện diện, sự dịu dàng, và nụ cười.

Và rồi nhiều người đến. Hàng trăm, hàng nghìn người. Họ xếp hàng dọc đường, tay cầm hoa, mắt ngấn lệ. Họ đến từ mọi nơi, mọi tôn giáo, mọi tín ngưỡng. Có những người theo đạo Thiên chúa, những người Do Thái giáo, những người Hồi giáo, những người không theo tôn giáo nào. Nhưng dường như tất cả đều tìm kiếm một điều: Hòa bình.

Tại Austin, Texas, thành phố đã tuyên bố "Ngày Đi Bộ Vì Hòa Bình". Tại Columbia, South Carolina, hai mươi nghìn người đã đổ ra đường chào đón. Hai mươi nghìn con tim, hai mươi nghìn niềm hy vọng. Tại Opelika, Alabama, vào đêm Giáng sinh, Mục sư Patrick Hitchman-Craig mở cửa hội thánh Methodist đón các vị sư. Ông nghĩ sẽ chỉ có vài người đến, nhưng một nghìn người đã tụ họp, biến đêm ấy thành một lễ hội của tình thương.



Audrie Pearce đã lái xe bốn tiếng đồng hồ từ Little River chỉ để gặp các vị sư ở Saluda, South Carolina. Khi Đại đức Pannakara trao hoa vào tay bà, nước mắt bà rơi. "Tôi nhìn vào mắt họ," bà nói, "và tôi thấy hòa bình." Không phải hòa bình là một khái niệm xa vời, mà hòa bình ở ngay đó, trong ánh mắt của một vị sư đã đi hơn một nghìn dặm.

Becki Gable lái xe gần bốn trăm dặm từ Cullman, Alabama. Bà đã mất con gái, mất cha mẹ. Nỗi đau ấy nặng trĩu trong tim bà mỗi ngày. Nhưng khi gặp các vị sư, bà cảm thấy một điều gì đó nhẹ nhàng hơn, như thể gánh nặng được chia sẻ, dù chỉ trong chốc lát.

Louella Glessner, sáu mươi hai tuổi, đứng trên đống tuyết đã cày, hai tay run rẩy cầm bó hoa. Bà không nói nhiều, chỉ đứng đó và hy vọng. Hy vọng rằng những vị sư này, sứ mệnh của họ, có thể chữa lành những vết thương sâu đang xé toạc đất nước này. Không phải bằng lời nói, không phải bằng chính trị, mà bằng lòng từ bi.

Nghịch Cảnh Và Lòng Từ Bi

Nhưng hành trình không phải không có đau thương. Ngày 19 tháng 11 năm 2025, gần Dayton, Texas, bi kịch ập đến. Một chiếc xe tải đâm vào xe hộ tống, đẩy nó vào hai vị sư đang đi bộ ven đường. Thầy Bhante Dam Phommasan bị thương nặng, sau đó phải cắt cụt một chân. Tin tức lan truyền như sóng thần qua cộng đồng đang theo dõi hành trình. Mọi người lo lắng, cầu nguyện, gửi lời yêu thương.

Nhưng các vị sư không dừng lại. Họ tiếp tục bước đi. Không phải vì ngoan cố, mà vì họ hiểu rằng hòa bình không phải là không có khổ đau, mà là chấp nhận khổ đau và vẫn tiếp tục yêu thương. Đầu tháng 1 năm 2026, Thầy Dam đã hồi phục đủ để trở lại Georgia, đoàn tụ với đoàn. Nụ cười của thầy khi gặp lại các vị sư đồng hành nói lên tất cả: Hòa bình không phải là không té ngã, mà là đứng dậy và tiếp tục đi.

Sư Pannakara, với đôi chân băng bó vì đã dẫm phải đinh, đá, thủy tinh, vẫn tiếp tục đi chân đất. Khi được hỏi tại sao, ngài mỉm cười: "Thực hành chánh niệm giúp tôi duy trì niềm vui, ngay cả giữa nỗi đau." Đó không phải là triết lý trừu tượng. Đó là cuộc sống, được sống qua trải nghiệm trong từng bước chân.

Thông Điệp Không Lời

Các vị sư không thuyết giáo. Họ không cố gắng thuyết phục ai tin theo Phật giáo. Họ chỉ bước đi, trao hoa, trao vòng tay, và mỉm cười. Họ tổ chức những buổi nói chuyện về chánh niệm, về tha thứ, về chữa lành. Nhưng điều mạnh mẽ nhất không phải là lời nói của họ, mà là cách họ sống.

Sư Pannakara đã nói: "Để có hòa bình, chúng ta phải chấp nhận những gì đang là. Hòa bình đã ở với chúng ta, lặng lẽ chờ đợi, nhưng chúng ta quá bận rộn đấu tranh

với thực tại." Những lời này không phải lời thách thức hay phản đối. Đó là lời mời gọi dịu dàng: Hãy dừng lại, hãy thở, hãy cảm nhận hiện tại.

Giáo sư Brooke Schedneck từ Rhodes College giải thích: "Ý định cốt lõi là để người khác xem và được truyền cảm hứng, không phải thông qua lời nói, mà thông qua cách họ sẵn sàng hy sinh bằng cách đi bộ và hiện diện." Và quả thật, người Mỹ đã được truyền tải thông điệp từ trái tim của tình thương. Không phải bởi những lời hùng hồn, mà bởi sự đơn giản, bởi sự chân thật.

Khi Các Thống Đốc Cúi Chào

Điều đáng chú ý là không chỉ người dân bình thường mà cả các nhà lãnh đạo cũng cúi chào trước thông điệp này. Thống đốc North Carolina Josh Stein tuyên bố ngày 24 tháng 1 năm 2026 là "Ngày Đi Bộ Vì Hòa Bình" và trở thành thống đốc đầu tiên gặp các vị sư. Thống đốc Virginia Abigail Spanberger chào đón họ ở Richmond vào ngày 2 tháng 2. Không phải vì lợi ích chính trị, mà vì họ nhận ra đất nước đang cần điều này.

Đại biểu Texas Marc Veasey nói thẳng: "Cuộc Đi Bộ Vì Hòa Bình là điều mà đất nước chúng ta, cộng đồng chúng ta, cần ngay bây giờ." Không phải ngày mai, không phải khi mọi thứ hoàn hảo, mà là bây giờ, giữa tất cả những chia rẽ, những tranh cãi, những giận dữ.

Dân biểu tiểu bang Salman Bhojani, một trong những người Hồi giáo đầu tiên được bầu vào Cơ quan Lập pháp Texas, chia sẻ: "Chúng ta nói về hòa bình mọi lúc, nhưng hòa bình không phải là thụ động. Bạn thực sự phải làm điều gì đó về nó."

Và các vị sư đã làm. Họ không tranh luận về hòa bình. Họ sống hòa bình, trong từng bước chân.

Làn Sóng Trên Mạng Xã Hội

Trong thời đại mà mọi thứ lan truyền qua màn hình, cuộc Đi Bộ Vì Hòa Bình, Walk For Peace, đã chạm đến trái tim hàng triệu người. Từ khi tạo trang Facebook vào ngày 8 tháng 11 năm 2025, chỉ trong vài tháng, đã có hơn hai triệu rưỡi người theo dõi. Hơn một trăm triệu lượt xem video. Nhưng những con số này không nói lên được hết. Không nói lên được những nước mắt rơi khi xem hình ảnh các vị sư đi chân đất. Không nói lên được những trái tim được chạm đến, những hy vọng được thắp sáng.

Mọi người không chỉ theo dõi trên mạng. Họ ra đường. Người cao niên, người trung niên, người trẻ, có cả các em bé. Họ đứng chờ hàng giờ chỉ để nhìn thấy các vị sư đi qua, để nhận một bông hoa, một chiếc vòng dây mang trên cổ tay, một nụ cười. Vì trong thời đại của sự chia rẽ, của những lời nói cay nghiệt trên mạng xã hội, của những cuộc tranh luận không hồi kết, họ khao khát điều gì đó khác. Họ khao khát sự dịu dàng. Họ khao khát tình thương.

Hành trình từ Texas đến Washington D.C. không chỉ là một cuộc đi bộ. Đó là một lời nhắc nhở rằng hòa bình không đến từ việc chiến thắng, không đến từ việc chứng minh ai đúng ai sai, không đến từ việc áp đặt quan điểm của mình. Hòa bình đến từ sự hiện diện, từ sự lắng nghe, từ việc chấp nhận những gì đang là và trong yêu thương.

Những Ngày Cuối Hành Trình

Khi tháng 2 năm 2026 đến, các vị sư đã đi qua Virginia, tiến gần đến đích. Fredericksburg vào ngày 5 tháng 2, Quantico vào ngày 6, và cuối cùng là Arlington vào ngày 10. Rồi Washington D.C., nơi hành trình kết thúc tại Nhà thờ Quốc gia Washington (Washington National Cathedral) với một khóa thiền.



Tại Washington National Cathedral

Nhưng kết thúc ở đây không có nghĩa là dừng lại. Sư Pannakara nói: "Hy vọng của tôi là, khi cuộc đi bộ này kết thúc, những người chúng tôi gặp sẽ tiếp tục thực hành chánh niệm và tìm thấy hòa bình." Đó mới là đích đến thực sự. Không phải Washington D.C., mà là trái tim của hàng triệu người đã được chạm đến.

Một trăm lẻ tám ngày.

Hai nghìn ba trăm dặm.

Mười tiểu bang.

Hàng triệu trái tim.

Và một thông điệp đơn giản: Hòa bình không phải là đích đến, mà là hành trình. Không phải là thứ bạn tìm kiếm ở đâu xa xôi, mà là thứ bạn nuôi dưỡng trong mỗi bước đi, mỗi hơi thở, mỗi khoảnh khắc của hiện tại.

Lời Kết

Trong một thế giới đầy rẫy tiếng ồn, những cuộc tranh luận gay gắt, những chia rẽ sâu sắc, hai mươi mấy vị Sư trong tràng áo vàng cam đã chọn im lặng. Không phải im lặng của sự thờ ơ, mà im lặng của sự hiện diện. Họ không hò hét khẩu hiệu. Họ không vẫy biểu ngữ. Họ chỉ bước đi, chân đất trên mặt đất, tay cầm hoa, mắt nhìn bằng tâm lòng từ bi.

Từ Stop Six ở Fort Worth, Texas đến Nhà thờ Quốc gia ở Washington D.C., từng bước chân của các vị Sư là một lời cầu nguyện. Cầu nguyện cho hòa bình. Không phải hòa bình của việc không có xung đột, mà hòa bình của việc biết cách sống với xung đột bằng từ bi. Không phải hòa bình của việc mọi người đều đồng ý, mà hòa bình của việc mọi người đều được tôn trọng.

Và trong những ngày cuối cùng của hành trình, khi Washington D.C. hiện ra phía trước, có lẽ điều quan trọng nhất không phải là các vị Sư đã đi đến đâu, mà là những gì họ để lại phía sau: hàng triệu trái tim ấm áp hơn, hàng triệu tâm hồn nhẹ nhàng hơn, hàng triệu hy vọng rằng hòa bình, cuối cùng, vẫn có thể hiện diện.

Hành trình của các vị Sư kết thúc vào ngày 10 tháng 2 năm 2026. Nhưng hành trình của chúng ta, hành trình tìm kiếm hòa bình trong chính mình, vẫn tiếp tục. Trong từng bước chân. Trong từng hơi thở. Trong từng khoảnh khắc.

Tuệ Quang

tháng 2 năm 2026

Nguồn thông tin từ các báo cáo của NPR, BBC, AP News, Wikipedia, South Carolina Public Radio, Mississippi Free Press, và trang Facebook chính thức của Walk for Peace. Hình ảnh trích từ trang FaceBook Walk For Peace.

Từ "Xếp Ngàn Cánh Hạc" đến "Xóa Chiến Tranh, Mở Hòa Bình" và "Tôi Muốn Bay"

Đình Trường Giang

Từ một tờ giấy
Xếp một con thú
Xếp một con bọ
Xếp một bông hoa
Xếp một kiếm khách
sống động
đã là hay, là đẹp
nhưng còn gì khác ?

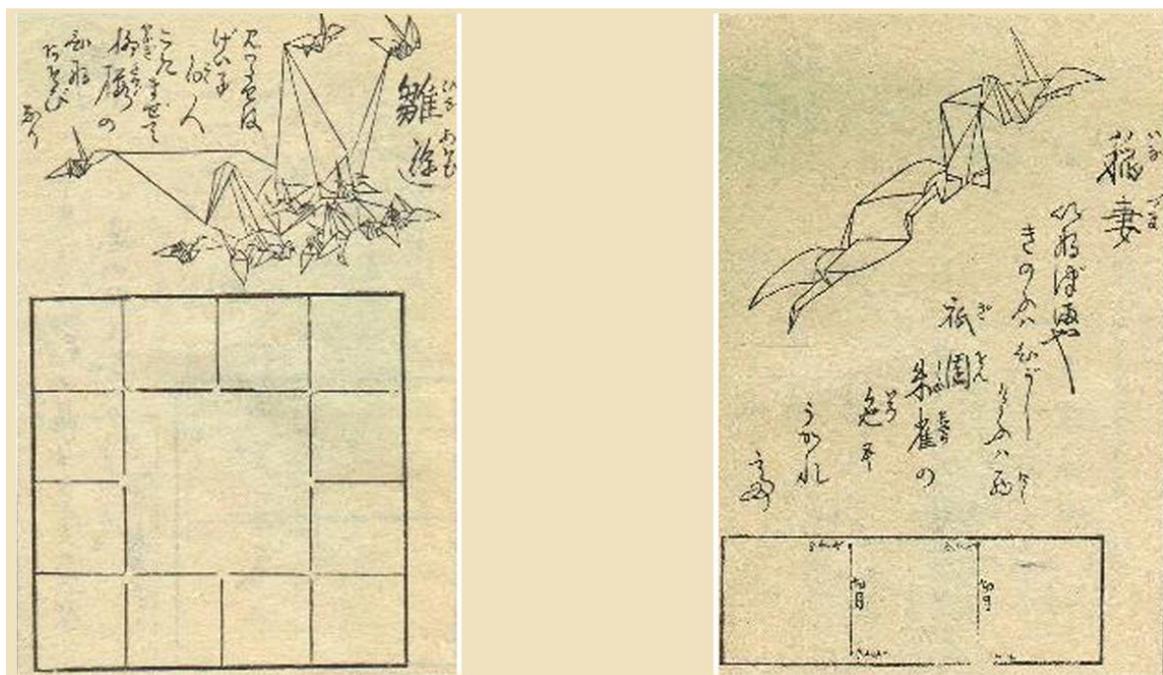
Giấy còn có thể kể chuyện,
truyền tải thông điệp
hạnh phúc lẫn khổ đau...



“Xóa chiến tranh, mở Hòa Bình”

(2008 - nhưng thật ra đã từ lâu , và còn sẽ)
đã thấy ra từ Senbazuru Orikata

("Xếp ngàn cánh hạc" - 1797, Nhật Bản - là quyển sách về Origami cổ nhất còn lưu lại được - chỉ cách xếp hạc nối nhau bằng cách cắt giấy thành nhiều hình vuông còn dính nhau ở góc, mỗi hình vuông sẽ là một con hạc)



“Xóa chiến tranh, mở Hòa Bình,” dùng giấy một mặt trắng, một mặt đen

Quả bom tạo thành từ mặt giấy đen

Mở ra

Lật sang mặt trắng

Xóa nếp gấp "ác"(CP của quả bom)

Trả lại mặt giấy tinh khiết ban đầu

Hóa thành những cánh chim hòa bình.

Cùng một hình vuông, bạn có thể dùng để xếp quả bom,

hay xếp những cánh chim hòa bình.

Cùng một khoảng thời gian, nhân lực, năng lượng, tiền của bỏ ra để chế tạo vũ khí hủy diệt,

loài người có thể làm bao điều tốt đẹp cho đồng loại , cho thiên nhiên...

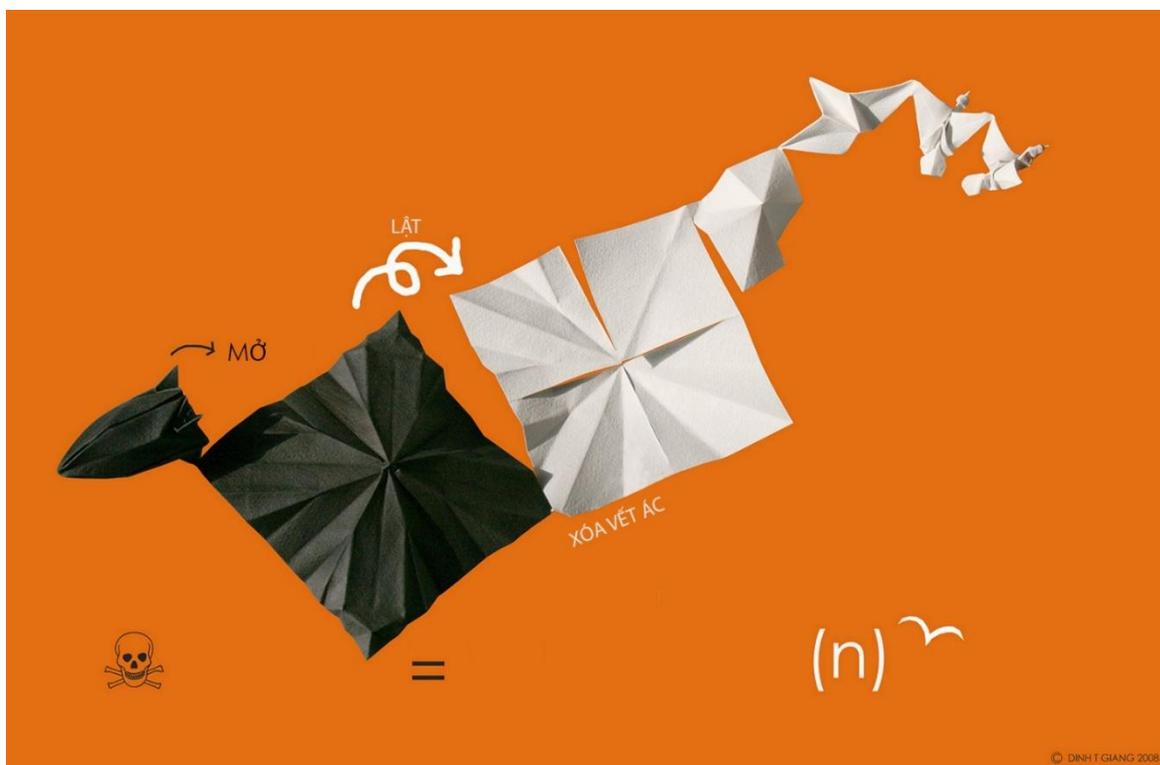
Trắng - Đen

Thiện - Ác

hai mặt của một tờ giấy

hai mặt của cuộc sống

hai mặt của chính mỗi chúng ta...



Mượn cách xếp ngàn cánh hạc xưa để kể câu chuyện chiến tranh - hòa bình
Mỗi hình vuông thay vì là một con hạc thì có thể xem như một trang sách

Thay vì hình vuông mặt đen (quả bom) lật lại mặt trắng để hóa thành một con chim thì lại cắt làm 4 theo kiểu xếp ngàn cánh hạc để thể hiện ý: Tiền của, công sức để làm **một** vũ khí hủy diệt có thể làm được **nhều** điều có ích cho loài người và thiên nhiên .

Có thể chia nhỏ hơn nữa nhưng như vậy sẽ bị loãng, khó nhận diện những nếp gấp ác (CP của quả bom) cần xóa đi... Vừa đủ để thể hiện ý một cách rõ ràng là điều những người sáng tác phải cân nhắc

Quả bom hay chú chim , vốn là những mẫu origami bình thường, nếu để riêng thì không có gì đặc biệt và mới lạ.

Ở đây, Ý đã liên kết làm cho Hình có ý nghĩa.

Chúng không chỉ là quả bom và những chú bọ câu, mà là lựa chọn giữa thiện và ác của mỗi con người.

"Tôi muốn Bay" (2010)

lấy cảm hứng từ bức tranh khắc gỗ 1819 của Katsushika Hokusai,

"Nhà ảo thuật biến giấy thành những cánh chim"

và hình minh họa trang đầu quyển "Hoàng Tử Bé" của Antoine de Saint-Exupéry (xuất bản lần đầu 1943),

một trong những quyển sách tôi yêu thích nhất.

"Tôi tưởng chừng chàng đã nhân một đàn chim di thể mà thoát vòng thao túng..."

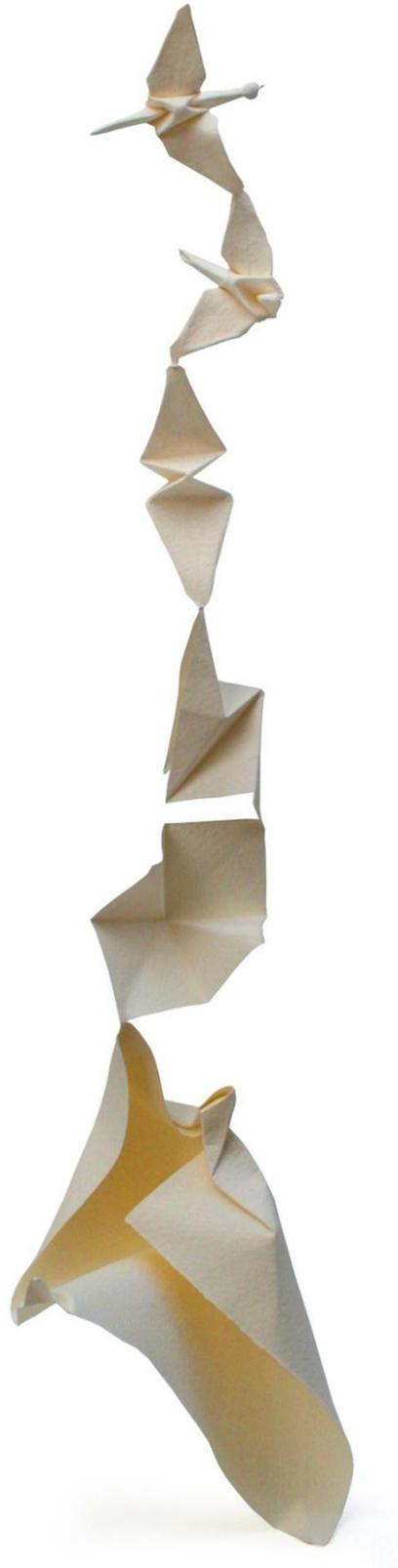
(Bùi Giáng dịch)



Vấn dùng cách cắt giấy tạo các hình vuông
nối nhau ở góc của "Xếp Ngàn Cánh Hạc"

Ở đây, người xếp giấy thành những cánh chim
và muốn bay theo để "thoát vòng thao túng"
hay thỏa mộng giang hồ...

Tờ giấy mong manh,
có thể xóa ranh giới giữa mơ và thực.



dtg , 2008-2022

Vui Xuân Cùng Rượu và Thơ

LS Ngô Tăng Giao



Bước sang năm mới mọi người đều hoan hỷ chào đón chúa Xuân. Khi “*xuân vừa về trên bãi cỏ non...*” thì hơi rượu lại được dịp bốc lên nhịp theo tiếng nhạc “*ly rượu mừng*” của nhạc sĩ Phạm Đình Chương: “*Ngày xuân nâng chén ta chúc nơi nơi...*” Chút men đón Xuân này vừa mong muốn xua tan đi nỗi buồn xa quê hương, giúp quên đi tất cả buồn phiền đời sống lưu vong hiện tại, mong xua đi tất cả những điều không may mắn đã xảy ra ở năm cũ và đón một năm mới sung túc, an khang thịnh vượng. Ta cứ việc thoải mái cùng nâng ly rượu “Chúc Mừng Năm Mới”. Bất chúc các tiên bói như cụ Tam Nguyên Yên Đổ vừa... nhậu vừa làm “câu đối”: “*Sáng mông một, rượu tràn Quý Tị, ái chà Xuân!*”. Hoặc theo gót cụ Nguyễn Công Trứ thì: “*Sáng mông một, rượu chè say túy lúy, giờ tay bông ông Phúc vào nhà...*”

Tuy thế trong sách Giáo Khoa Thu dạy học trò tiểu học thuở trước ở nước ta đã vạch rõ ra cái tai hại trong bài “Người say rượu”: “Các anh hãy trông người kia đi ngoài đường. Mặt đỏ gay, mắt lơ đờ, quần áo xóc xếch, chân đi

xiêu bên nọ, vẹo bên kia, múa chân múa tay, mồm nói lảm nhảm, chốc lại ngã chúi một cái. Lũ trẻ đi theo sau, reo cười chế nhạo. Thỉnh thoảng anh lại đứng lại, nói những chuyện gì ở đâu đâu. Người qua lại, trông thấy cũng phải tránh xa. Người ấy vừa ở hàng rượu ra. Chỉ tham mấy chén rượu mà thành ra say sưa, mất cả tư cách con người, có khi như là con vật vậy, thật là đáng khinh bỉ. Hỡi các anh, các anh đã trông thấy người say rượu như thế, thì nên lấy đó làm gương mà giữ mình.”

Tại phương trời Tây, cái ông thi sĩ Shakespeare cũng nghiêm khắc phê phán chuyện rượu khi phán rằng: “*Thượng đế ôi! Con người đã đặt một kẻ thù ở trong miệng họ để lấy cắp trí não họ đi! Thế mà chúng ta lại hoan hỷ, vui thú, hớn hờ và tán dương để tự biến chúng ta thành những thú vật*” (transform ourselves into beasts).

Nói thế thì cũng hơi quá đáng đấy! Xin nhớ rằng Rượu còn được nhiều “danh nhân” khác lớn tiếng ca ngợi! Nào là Napoléon, vị Hoàng đế nước Pháp nói về Champagne là một món

rượu Pháp sủi bọt (sparkling wine) nổi tiếng thế giới, ông ấy nói rằng:

- *“Khi thắng trận ta uống Champagne để mừng chiến thắng*
- *Khi bại trận ta càng cần phải uống Champagne để giải sầu!”*.

Nghe thật là... “ba phải” nhưng quả đáng vỗ tay hoan hô ông Hoàng đế này!

Nhà văn, nhà thơ, nhà viết kịch nổi tiếng Victor Hugo phụ họa: *“Thương Đế chỉ sáng tạo nước, con người đã chế ra rượu”* và tuyên phán rằng cần phải uống rượu để tìm cảm hứng.

Phương Đông ngày xưa các cụ quan niệm *“không có rượu thì sơn thủy cũng vô nghĩa; nếu không có đàn bà đẹp thì trăng hoa cũng vô ích.”* Ngoài ý tưởng “tán gái và nịnh đầm” tuyệt vời trong câu này các cụ ta còn nhấn mạnh là người sành rượu phải biết *“tri kỳ vị, tri kỳ hương, tri kỳ ảo, tri kỳ linh”* (biết vị của rượu, biết hương thơm của rượu, biết sự huyền ảo, biết linh hồn của rượu).

Ai dè thi sĩ Baudelaire ở tuốt tận phương trời Tây cũng từng đồng điệu và nói lả lướt rằng: *“Chiều nọ, linh hồn của rượu hát trong chai”* (Un soir, l'âme du vin chantait dans les bouteilles).

Hơn nữa nhiều người ca tụng rằng kẻ phong lưu phải biết uống rượu và con người lịch sự thì phải *“tửu tam bôi”*, nghĩa là rượu ba chén. Nhất là đàn ông, con trai mà không biết uống rượu thường bị chê là *“nam vô tửu như kỳ vô phong”*, trai mà không uống rượu như là cờ không có gió. Chao ôi! Cờ mà không có gió thì nó teo lại và rũ xuống như “kim đồng hồ chỉ sáu giờ rưỡi”, trông... mất hào khí và mất thẩm mỹ vô cùng.

Dân nhậu khi có chút rượu vào thường hứng chí tự xưng là con Trời tức là các ông vua ở nơi trần thế vì vua tự xưng là “thiên tử” như câu ca dao:

“Huu huu gió thổi đầu non, / Những người uống rượu là con Ngọc Hoàng.”

Cũng xin mời nghe lý sự cùn của các bọm nhậu: “Nhiều lần tôi muốn bỏ rượu nhưng mỗi lần nhìn ly rượu, tôi lại nghĩ về những người công nhân cực khổ đã làm ra nó... Nếu tôi không uống, có thể họ sẽ mất việc và những giấc mơ của con họ sẽ tan biến. Ta không thể ích kỷ chỉ vì lợi ích của mình mà làm ảnh hưởng đến người khác các bạn nhé! Nào chúng ta hãy nâng ly! Dzô!”

Người ta còn nghe khoe rằng các nhà “Luu Linh học” vừa tuyên dương 5 đặc tính quý giá của dân nhậu chuyên nghiệp: Một là “can đảm” vì biết rượu độc hại mà vẫn uống. Hai là “thật thà” vì bất kỳ chuyện gì trong lòng cũng nói ra hết. Ba là “dũng cảm” vì chuyện gì cũng sẵn sàng làm, dù động trời sập đất. Bốn là “giản dị” vì đâu cũng là nhà, cũng làm giường ngủ được và Năm là có “tử tâm”, có lòng yêu thương súc vật, nhậu xong còn “cho chó ăn chère”. Ha! Ha! Ha!

*

Giai thoại về rượu rất nhiều, không sao nói hết, chỉ xin kể lại lai rai vài ba chuyện thôi. Trước tiên phải kể tới Lý Bạch đời Đường được thiên hạ tặng cho mỹ danh là “Trích tiên”, “Tửu tiên”. Ông không chỉ nổi tiếng vì uống rượu tràn cung mây mà vì những khúc tửu ca hào sảng, đầy sinh khí: “Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch, Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh”. Thần cú trong bài *“Tuong tiến tửu”* này được dịch là:

*“Thánh hiền bất tiếng xưa nay
Chỉ dân uống rượu mới hoài lưu danh.”*

Kể đến là Nguyễn Du. Khi tóc đã ngả màu cụ đặt bút viết bài “Đối Tử”. Đây là một bài thơ chữ Hán:

*“...Sinh tiền bất tận tôn trung tử
Tử hậu thùy kiêu mộ thượng bôi”.*

Cụ mong ước trăm năm cứ được say mềm vì nêu thắc mắc không biết khi qua đời thì ai sẽ tưới rượu vào nấm mộ của mình đây? Tam dịch: ...

*“Sống không cạn hết rượu bầu
Chết rồi ai tưới rượu vào mộ đây?”*

Tản Đà cũng đã từng hưng phấn với thú uống rượu dù biết là “hư đời”:

*“Say sưa nghĩ cũng hư đời
Hư thì hư vậy say thời cứ say”.*

Vì: *“Đất say đất cũng lăn quay
Trời say mặt cũng cũng đỏ gay ai
cười?”*

Theo Tản Đà thì dù là Vua hay nợ nần và rượu chè như chúa Chôm thì khi lia đời cũng như nhau:

*“Vua Ngô 36 tấn vàng
Chết xuống âm phủ có mang được gì.
Vua Chôm uống rượu tì tì
Thác xuống âm phủ khác gì vua Ngô!”*

Tản Đà vừa ưa uống rượu, vừa yêu lẫn cả thơ như lời tuyên ngôn sau đây:

*“Trời đất sinh ta rượu với thơ
Không rượu không thơ sống như thừa”.*

Nguyễn Khuyến ngộ ý muốn ngưng uống rượu nhưng lại tự thú là khó chừa:

*“Những lúc say sưa cũng muốn chừa,
Muốn chừa nhưng tính lại hay ưa
Hay ưa nên nổi không chừa được.
Chừa được nhưng mà cũng chẳng chừa.”*

Nhà thơ Bùi Giáng của chúng ta khi uống rượu vào thời tỏ ra rất... dễ thương

như lời thơ trong bài “Uống xong về ngủ chiêm bao thấy gì”:

*“Uống xong chén rượu nồng nàn
Về vườn nằm võng dịu dàng ngủ say.”*

Lưu Trọng Lư cũng thường mượn hơi men để giải sầu, đôi lúc những giây phút say sưa chuếnh choáng hầu lãng quên và dứt khoát với dĩ vãng:

*“Mời anh cạn chén rượu này
Trăng vàng ở cuối non tây ngậm buồn...
...Đề lòng với rượu cùng say
Chừ đây lời nói chua cay lạ thường...”*

Còn Vũ Hoàng Chương trong tập “Thơ say” (1940) thời đầy tràn hình ảnh men rượu:

*“...Say sưa tràn miệng cốc.
Cùng nâng, hãy uống đi!..”
Và “Đắng cay này chén tiễn đưa,
Uống đi, uống để say sưa ngập
lòng...”*

Nhiều người khác lại còn nhắc tới thơ Quang Dũng nghe thật... lãng mạn và sành điệu quá xá:

*“Thoáng hiện em về trong đáy cốc
Nói cười như chuyện một đêm mơ.”*

Khi nói tới chuyện rượu tất nhiên phải giới thiệu ông thầy Lưu Linh (221-300) bên Tàu này. Ông là thành viên của nhóm Trúc Lâm thất hiền, một nhóm rất nổi tiếng về văn chương. Thời đó, các thế lực phong kiến tranh giành quyền lợi, xô xé, tàn sát lẫn nhau. Xã hội đầy rẫy bọn mua quan, bán tước hợm hĩnh, mọi người đều chán ghét, nhất là giới trí thức, học giả. Họ trốn tránh chốn quan trường, tìm vui trong văn chương, và rượu. Lưu Linh, tuy học rộng, tài cao nhưng không hề màng một chút gì về chuyện đời, về danh lợi.

Ông thường ngồi trên một chiếc xe hươu kéo, chở theo những vò rượu lớn và uống rượu triền miên, rồi sai người vác cuốc theo sau bảo nếu ông chết ở đâu thì chôn ở đấy. Ông suốt đời chỉ lấy bạn và rượu làm niềm vui. Để ca ngợi rượu, ông đã viết “Tửu Đức Tụng” (ca ngợi đức rượu) coi như một tuyên ngôn. Đời sau coi là “áng danh văn về rượu”.

Nhiều dân làng nhậu khi mời chúng ta “cùng nâng chén” còn khuyên mọi người hãy nhớ câu châm ngôn nước ngoài: “*If you drink, you will die. If you don't drink, you will die, too. So, let's drink and die. And die happy.*” (Nếu anh uống rượu, anh sẽ chết ngỏm. Nếu anh không uống, anh cũng sẽ chết toi. Cho nên, ta hãy uống đi rồi chết. Và chết sung sướng).

Nghe có vẻ giống như tâm tư của văn sĩ Trương Hàn đời Tây Tấn bên Tàu nói trong sách Tấn thư rằng “Sử ngã hữu thân hậu danh, bất như tức thời nhất bôi tửu”, nghĩa là “Cho ta cái danh sau khi chết không bằng cho ta một chén rượu ngay bây giờ.”

*

Cảm tưởng về ngày Tết trong miền Nam nước ta khi so sánh với miền Bắc cụ Vương Hồng Sển nói: “Các thi ông ngoài nó hơn chúng tôi ở trong Nam vì được thưởng Xuân trọn vẹn, khi chén rượu ấm lòng, khi câu thơ phấn khởi, khi nhấp chén trà hương đượm...”

Quả đúng vậy! Rượu thường đi với Thơ. Có “Bầu Rượu” thường là có cả “Túi Thơ”. Từ xưa đến nay, có rượu thì ra thơ, mà thơ thì ca tụng rượu. Rượu luôn gọi hứng, luôn mang lại “*yến sĩ phi lý thuần*” (inspiration) cho thơ. Rượu và thơ vốn như hình với bóng. Uống rượu

để làm thơ và làm thơ để mà uống rượu. Đường như trời đất đã tạo ra men nồng của rượu để khi uống vào thấm trong từng mạch máu, khơi động nguồn tư tưởng, quện vào hồn chữ... rồi đưa thơ chấp cánh bay vào cõi nhân gian. Nói thế không có nghĩa là ai uống rượu vào cũng xuất khẩu ra thơ được cả. Thơ là của trời cho, chỉ ai có căn cơ mới nhận được. Với những người làm bạn với thơ túi rượu bầu, rượu chỉ là chất “xúc tác” giúp họ thăng hoa trong nghệ thuật gieo câu nhả chữ...

Chính hai món rượu và thơ này đã được cụ Nguyễn Công Trứ ca tụng hết mình trong bài thơ “Cầm Kỳ Thi Tửu”:

*“Trời đất cho ta một cái tài
Giắt lưng dành để tháng ngày chơi.
Dở duyên với rượu không từ chén,
Trót nợ cùng thơ phải chuốt lời...”*

Riêng Tản Đà tự nhận mình là một tín đồ trung thành với rượu tuy sống cuộc đời “*say sưa nghĩ cũng hư đời*” nhưng thi nhân mượn thơ và rượu thoát khỏi thực tế chua chát, đắng cay. Cụ cũng có cái “ngông” của Lý Bạch đời Đường. Trong bài “Thơ Rượu” cụ viết:

*“Rượu say, thơ lại khơi nguồn
Nên thơ rượu cũng thêm ngon giọng
Tình Rượu thơ mình lại với mình
Khi say quên cả cái hình phù du
Trăm năm thơ túi, rượu vò...”*

Tản Đà cũng mượn thơ và rượu để nói lên cái u uất, khát vọng và tình người trong bài “Ngày xuân thơ rượu”:

*... “Trời đất sinh ra rượu với thơ
Không thơ không rượu sống như thừa”
... “Còn thơ còn rượu còn xuân mãi
Còn mãi xuân còn rượu với thơ.”*

Phong thái ung dung, nhàn nhã của văn nhân thời trước là bên mình luôn có

bầu đựng rượu và túi đựng thơ. Bầu rượu túi thơ, lãng du giang hồ là điển hình cho kẻ muốn tìm lối thoát cho cái thời bị Khổng giáo và xã hội đè nén.

Nguyễn Khuyến cũng từng phán:

*“Rượu ngon không có bạn hiền /
Không mua không phải
không tiền không mua /
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết /
Viết đưa ai, ai biết mà đưa?...”*

Rượu và thơ dưới ngòi bút của Cao Bá Quát có câu nghe cũng rất hào khí:
*“Lắc bầu rượu dốc nghiêng non nước
lại, chén tiếu đàm mời mọc trích tiên.
Hóng túi thơ nong hết gió trăng vào,
con xướng họa hẹn hò Lão Đổ.”*

Rượu và thơ quán quýt với nhau như hình với bóng nên sau này khi Nguyễn Vũ làm bài thơ “Gửi Trương Tửu”, dưới đầu bài cần thận ghi “Viết trong lúc say”, cuối bài thơ, trước khi ký tên ông lại nhấn mạnh “Viết rồi hãy còn say”:

*...”Nay một mình ta, một be con:
Cạn rượu rồi thơ mới véo von!”*

Lưu Vũ Tích thời Trung Đường vừa uống rượu vừa làm thơ khi ngắm hoa. đặt bút viết: “Kim nhật hoa tiền ẩm. Cam tâm tuý sở bôi”. Tạm dịch là:

*“Hôm nay uống rượu bên hoa
Say sưa mấy chén quả là lòng vui”.*

Bà con không chỉ nâng chén rượu để giúp vui khi đón Xuân mà còn nâng chén để tiễn khi nàng Xuân từ biệt ra đi nữa.

Vương Duy, nhà thơ kiêm họa sĩ và nhạc sĩ nổi tiếng đời Thịnh Đường vừa nhâm nhi men nồng, ghi lại chút tâm tư trong những vần thơ đưa tiễn xuân trong bài “Tống xuân từ”. Tạm dịch là:

*“Hãy vui cùng chén rượu này
Tiếc làm chi cánh hoa bay vạt vờ.”*

*

Trong Truyện Kiều, của cụ Nguyễn Du có những câu khi nói đến rượu cũng luôn tràn đầy cảm xúc tới thơ:

*“Khi tỉnh rượu lúc tàn canh
Bầu tiên chuốc rượu câu thần nói thơ.”*

Và cũng phải kể tới tính “rượu chè” của nàng Thúy Kiều. Trong cảnh “nhà lan thanh vắng một mình” và buồn tình nên nàng Kiều đã lén qua nhà hàng xóm tìm anh Kim Trọng để trút bầu tâm sự. Hai anh chị cùng uống rượu nhậu nhẹt với nhau: “Lòng xuân phơi phới chén xuân tàng tàng.”...

Sau một năm chung chạ với Thúc Sinh, nàng “vợ lẽ” Thúy Kiều tỏ ra cũng biết điều nên tỉ tê khuyên chàng nên quay về nhà thăm bà “vợ cả” cho phải phép. Thế là lại có màn uống rượu tiễn nhau lên đường:

*-... “Tiễn đưa một chén quan hà”..
-... “Chia phôi ngừng chén,
-... “Chén đưa nhớ bữa hôm nay”...*

Khi diễn tả hoàn cảnh khổ đau ngang trái của mình với nỗi sầu buồn 15 năm lưu lạc thì nàng Kiều lại tìm vui bên chén rượu để giải sầu, uống say để quên đời:

*“Khi chén rượu, khi cuộc cờ
Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên.”*

Gần cuối truyện, nàng Kiều gặp lại chàng Kim Trọng. Lần này tái ngộ hai người lại một đêm bày trò nhậu nhẹt với nhau tới rất khuya:

*“Thêm nén giá, nổi hương bình,
Cùng nhau lại chuốc chén quỳnh
giao hoan.”*

Thúy Kiều quả thật đáng được liệt vào hàng... cao thủ, đệ tử ruột của Lưu

Linh. Nàng không thua kém một đấng
mày râu nào khác!

Những “tư tưởng lớn” có lẽ thường
gặp gỡ nhau cho nên tận bên trời Tây
người ta cũng được nghe Jacques
Prévert khề khà bên chén rượu vang và
cũng “mần” thơ rất bay bướm trong bài
“*Ce n’est pas moi qui chante*”:

*Ce n’est pas moi qui chante
c’est les fleurs que j’ai vue
ce n’est pas moi qui ris
c’est le vin que j’ai bu
ce n’est pas moi qui pleure
c’est mon amour perdu.*

Dịch thành vần “lục bát” ta có bài
thơ “*Không phải anh hát*” (Tâm Minh
dịch):

*Anh đâu cất tiếng ca vang
Chính hoa anh thấy rộn ràng hát vui
Anh đâu thốt tiếng reo cười
Chính men rượu chát cất lời hoan ca
Anh đâu than khóc xót xa
Chính cuộc tình mất chan hòa lệ rơi.*
*

Ngày Xuân năm nay xin bà con ta cứ
thoải mái cùng nâng ly vui chơi nhé! Cụ
Nguyễn Công Trứ từng viết câu thơ:

“*Dở duyên với rượu không từ chén*”.

Còn nữ sĩ Hồ Xuân Hương lại hăng
hái hơn nữa nên xúi thiên hạ:

“*Chơi xuân kéo hết xuân đi
Cái già xông xộc nó thì theo sau!*”.

Tuy không thể đưa ra lời khuyên nên
uống rượu bao nhiêu là vừa nên chỉ xin
dẫn lời của danh y Hải Thượng Lãn Ông
là: “*Bán dạ tam bôi tửu, Lương y bát
đáo gia*”. Nghĩa là, mỗi tối ba ly rượu thì
OK, nghỉ chơi bác sĩ, không phiền thuốc
men

Nghe có vẻ chí lý! Nhưng người viết
cũng thấy có bổn phận nhắc nhở các bạn
đọc là hãy coi chừng, đừng quá chén
đấy nhé! Kẻo năm Ngựa mà phải ra hầu

tòa và đứng trước “*Vành Móng Ngựa*”
thì xui xẻo cả năm đấy nhé:

“*Rượu xuân xin chớ quá đà
Kẻo mà vác chiếu ra tòa vì Say!*”

Đồng ý là cuộc sống “vô
thường” trôi nhanh như “Vó Ngựa”
theo lời người xưa là “*Bóng Câu Qua
Cửa Sổ*” nhưng riêng cho năm Bính
Ngọ 2026 này, sau khi nhậu nhẹt vui
đón chú Ngựa, các bạn trẻ thời nên lái
xe cẩn thận, đừng hăng máu kiêu “*Ngựa
Non Háu Đá*” mà gây tai nạn khổ đời
đấy!

Các vị lớn tuổi nếu còn muốn “*Cưỡi
Ngựa Xem Hoa*” thì cũng...“tốt thôi”
nhưng chớ ý “ngày xuân nâng chén”
tàng tàng cho đã đời rồi đời “*cưỡi ngựa*”
mà chẳng chịu xem hoa lại chỉ ham “cò
non” lỗ mà “*trúng gió*” thì hết vui! Cuộc
đời không phải lúc nào cũng được “*Mã
Đáo Thành Công*” đâu đấy nhé! Tục
ngữ xứ Tây Ban Nha có một câu nói
rằng: “*Với một ông lớn tuổi thì một phụ
nữ trẻ là con ngựa mà ông ta cưỡi về
địa ngục.*” Nghe cũng chí lý quá trời đi
chứ! Xin “bảo trọng”!

LS. Ngô Tăng Giao
Xuân Bính Ngọ 2026)



Năm Ngọ Nói Chuyện Ngựa.

Phạm Thành Châu



Photo credit: BiancaVanDijk @ Pixabay.com

Năm nay, Bính Ngọ 2026 cảm tình Con Ngựa. Tôi tuổi Ngựa, Nhâm Ngọ (1942, 84 tuổi), tôi rất rành về Ngựa, nên tôi kể chuyện ngựa cho bạn nghe chơi. Rất thú vị. Cách nay hàng chục năm, hễ Tết đến, năm nào cũng có báo Xuân nói về con vật cảm tình của năm. Sau này, không hiểu sao các báo Xuân lại vắng bài cần thiết đó. Thời bấy giờ, Báo Xuân mà thiếu bài nói về con vật cảm tình thì thấy, trơ trẽn như người đẹp không có lông... mà.

Nói về ngựa rất khó, vì ai cũng biết, cũng thấy. Mà đem chuyện quá cũ như con ngựa thành Troy, con ngựa của Đường Tam Tạng, ngựa Xích thố của Quan Công, ngựa Địch lư... Xưa quá! Ai thèm đọc. Cũng may, tôi tuổi Ngọ thường tìm sách báo nói về con ngựa để đọc mà tìm hiểu, vì sao mình chạy suốt đời, chân không bén đất, thờ không ra hơi mà vẫn nghèo khổ? nên mới có chuyện ngựa mà kể cho quý vị nghe. Nhưng sẽ có quý ông, bà thắc mắc “Tôi cũng vất vả, chạy tứ tung, hí vang trời mà sao không phải tuổi con ngựa?” Xin thưa. Đó là lý do tôi viết bài này để giải thích (cuối

bài) vì sao có người không phải tuổi con ngựa mà vẫn chạy có cò. Năm 1954, chạy từ Bắc vô Nam. Năm 1975, vừa chạy vừa lội bì bõm trên đại dương mênh mông, được sóng sót đến xứ người, mới hú “ba hôn, chín vía” về nhập lại thân xác bầm dập của mình! Xin kiên nhẫn đọc tiếp bài này mới “thông cảm cho thân phận” con ngựa “thực” và người “tuổi Ngọ”.

Con ngựa có mặt (ngựa) trên thế gian từ bao giờ? Làm sao biết được? Các nhà cổ sinh vật học, tìm thấy trong các lớp trầm tích di chỉ của loài ngựa. Cách đây 45 triệu năm, tổ tiên loài ngựa chỉ cao có 30 cm, nặng 40 kí lô. Ba Lan còn sót lại vài chục con ngựa Tarpan tiền sử (cỗ con dê) Tân Cương còn một số ngựa Prewaski (cùng họ với Tarpan). Ngựa Châu Âu to khỏe nhưng chậm chạp, chỉ dùng kéo cày và ăn thịt. Đến đầu Công nguyên mới dùng để vận tải đồ nặng ra chiến trường. Ngựa nước Anh cao hơn 1mét 50, nặng 400 kí lô đã một thời theo thực dân Anh chinh phục thuộc địa khắp thế giới. (Xin lạc đề qua chuyện con ngựa của thực dân Anh. Khoảng thế kỷ 19, mười ngàn kỵ binh và bộ binh Anh cùng lính thuộc địa Ấn tiến đánh Afghanistan. Kết cuộc chỉ còn một kỵ binh Anh duy nhất cuời ngựa chạy về lại được Ấn Độ. Sau này Liên Xô cũng đem quân xâm lăng Afganistan, gần mười năm cũng đại bại, kéo theo đế quốc đỏ (Xã hội chủ nghĩa Liên xô) sụp đổ tan tành. Gần chục năm trước đây Mỹ cũng nhào vô Afghanistan để rồi rút chạy, mất cả súng ống, xe cộ, đạn dược.

Ngựa trắng quý phái nhưng rất hiếm. Trong các phim cổ tích cho trẻ em, bao giờ người đẹp cũng được ngồi chung với hoàng tử trên con ngựa trắng đi về hoàng cung ra mắt vua cha và hoàng hậu. Xem TV thấy đoàn kỵ binh hoàng gia Anh toàn ngựa trắng.

Ngựa Ả rập nhỏ, cao khoảng 1mét 40, lông màu nâu điểm đốm trắng, nhanh, dai sức, chịu nóng vùng sa mạc rất giỏi, được dùng làm phương tiện chiến tranh, đánh các nước khác để bành trướng Hồi giáo. Ngựa thời đó như chiến xa, tiến rất nhanh cùng với tinh thần quyết tử của chiến binh Hồi giáo nên đánh đâu thắng đó. Các chiến binh Hồi giáo tin rằng, bị kẻ thù giết thì linh hồn được lên với thánh Ala, sống sung sướng, hoan lạc (chơi) với mấy em trinh nữ. Thế nên trong chiến đấu, người nào bỏ chạy thì đàn bà cũng có quyền đâm chết kẻ hèn nhất đó. Chết hèn như thế thì linh hồn không được lên thượng giới, cũng không được thưởng trinh nữ. (Xin phép được than một câu: Tôi không ham làm chiến binh Hồi giáo. Tuổi tôi bây giờ có thưởng trăm em trinh nữ cũng đành tro mắt đó!)

Ngựa Ả Rập được nhập vào Tây Ban Nha (thế kỷ 15) rồi qua Anh (thế kỷ 17) Từ thế kỷ 16 người Tây Ban Nha xâm chiếm Châu Mỹ, họ thám sát vùng Missisipi, bỏ lại

một số ngựa Ả Rập này, chúng thành ngựa hoang Mustang (Nhà hàng Mustang Ranch ở Nevada có chứa ngựa cái (em út), khách đông quá, chính quyền biết nên cho đóng cửa rồi. Quý ông đừng mò qua đó nữa. Không còn gì đâu!) Cha lừa, mẹ ngựa sinh ra con la, to khỏe. Cha ngựa, mẹ lừa không sinh con la mà là con Boodo (tiếng Việt chỉ có tên con Bú Dù là con khi) Belgique có con ngựa sinh năm 1962, dài 3 mét 30, nặng 1.395 kí lô. Việt Nam ta chế được con ngựa bằng sắt, biết bay (như phi cơ oanh tạc), để cho Phù Đổng Thiên Vương cưỡi ra trận, đánh tan tành bọn giặc Ân (Tổ tiên bọn Tàu Khựa hiện nay). Đẹp xong giặc, thánh Gióng cưỡi ngựa (phi thuyền) bay luôn lên trời (đến một hành tinh nào đó trong vũ trụ chăng?). Năm 1977 người ta nhập giống ngựa Cabardin của Liên Xô về pha giống với ngựa Việt Nam, cho ra những con ngựa lai cao lớn, khỏe mạnh, chịu đựng được cái lạnh khắc nghiệt của miền bắc. Nhưng chỉ nuôi trong trại làm cảnh thôi, chứ đem phổ biến cho đồng bào nuôi thì nó thoái hoá giống như ngựa bản xứ (VN), vì chỉ cho ăn cỏ lại bắt làm việc như tù cải tạo, sẽ kiệt sức mà chết.

Bây giờ qua chuyện ngựa và người. Tại sao người ta lại ví đàn bà với con ngựa? “Đồ đĩ ngựa!” “Ngựa Thượng Tứ” Mặc dù hai loài (ngựa và đàn bà) chỉ có vài điểm giống nhau như cùng có vú, có tóc (đuôi ngựa), có cái đó “dưới bụng”, chẳng hạn. Các bà mĩa mai một cách gan tị với cô, bà nào hay lăng nhăng với đàn ông “Hết thằng này đến thằng khác. Thấy mà ứa gan!” Vì sao kêu là ngựa Thượng Tứ? Vị nào từng ra Huế ắt biết bến Thương Bạc (trước 1975, mấy mù đất mỗi thường rù rì với mấy ông đi coi hát, xem phim ở rạp Hưng Đạo đứng hóng mát trên bờ sông (bến Thương Bạc) chờ giờ mở cửa rạp. Thấy ông nào đứng lơ ngơ chờ giờ mở cửa cinê thì sẽ có bà đi lướt qua, nói nhỏ, chỉ có câu “Ngủ đò không anh?” sau đó là câu quảng cáo “Có mấy em mới...”. Nếu lác đầu thì mù ta hỏi ông khác. Từ Thương Bạc vô cửa Thượng Tứ là một quãng đường ngắn, chưa tới một cây số, là đường Thượng Tứ, thời Pháp thuộc có tên tây là Rue de la Citadelle. Qua khỏi cửa Thượng Tứ sẽ thấy bên tay phải là trường Trần Quốc Toản. Trước đây, thời nhà Nguyễn là Viện Thượng Tứ với hai đơn vị kỵ binh là Kinh Kỵ Vệ và Phi Kỵ Vệ, là chỗ nuôi ngựa, dạy ngựa của quân đội nhà vua. Cửa Thượng Tứ là tên dân gian gọi, đúng ra là cửa Đông Nam. Thời nhà Nguyễn, ai đi ngang qua đó thấy cảnh mấy con ngựa đực dụ khi bằng câu hát “Anh Hứa Yêu Em Dài Lâu”. Đã dài còn lâu nữa! Chu choa ơi! Không làm con ngựa (cái) Thượng Tứ cũng uổng một đời. Thấy mấy con đĩ ngựa đó lang chạ hết thằng này đến thằng kia, trong khi mình “chỉ biết một mà không biết hai” các bà ứa gan, muốn đứt gân máu mà chết! Bà Hồ Xuân Hương tả một ông hấp tấp trong chuyện đó. “Thoạt mở đầu chàng đà nhẩy ngựa, thiếp vội vàng vén phura tượng lên”. Thì ra nàng cũng chịu hết nổi! “Mau với chứ! Vội vàng lên với chứ!” Có một chuyện vui như sau. Một ông nói với vợ “Chủ nhật này anh đi cưỡi ngựa” Bà vợ nói “Lúc nãy, con ngựa gọi

điện thoại đến, báo rằng. Chủ nhật này nó bận việc, không cười được”. Châu Âu cũng ví đàn bà với ngựa. Ca ve là từ chữ cavalier (horseman, kỵ binh?) cavaliere (ngựa cái?), để chỉ mấy em gái nhảy, thợ chơi. Đàn ông Đài Loan cũng dùng chữ Ngựa Cái để chỉ mấy em kinh doanh bằng vốn tự có. Bình thượng mã phong, vì trèo lên lưng con ngựa mà chết mà vì làm chuyện “tò tí te” sượng quá!” đúng tim chết luôn trên bụng em. Lý Tiểu Long, võ nghệ cao cường mà cũng bị em dùng “cái đó” đánh cho một chương Thượng Mã Phong, chết ngay đơ căng cuốc! Cái đó dữ lắm! Trong vũ trụ, có lỗ đen, hút bất cứ vật gì, kể cả ánh sáng, thì dưới thế gian cũng có lỗ đen. Nó nhỏ như lỗ dế mà hút tánh mạng, nhà cửa, ruộng vườn, tiền bạc, công danh, sự nghiệp, ngai vàng điện ngọc... nghĩa là cái gì lảng cháng đến gần là nó hút cái một, mất tiêu. Hỏi dân chơi Cầu Ba Cánh Bill Clinton, anh ta kể cho mà nghe. Suýt mất ngai vàng vì cái lỗ (hơi đen) đấy!

Quý cô, quý bà cũng được ví với bò. Câu “Com No Bò Cưỡi” là giấc mơ của mấy ông lười biếng, chỉ thích ăn và chơi thôi. (Giống con heo nọc!)



Để quý vị khỏi phàn nàn tôi viết chuyện tào lao, kỳ cục, nay xin nói về văn chương, âm nhạc, liên quan đến con ngựa cho bài báo thêm phần “Quý phái!?” Quý vị đi chơi ở các thành phố Âu, Mỹ thường thấy tượng ông tướng, ông vua cưỡi ngựa, mục đích để tưởng niệm những danh nhân đó đồng thời cũng nói về cái chết của người được đúc tượng. Tượng ông nào cưỡi con ngựa mà hai chân trước của con ngựa đưa lên không, ý nói ông đó chết nơi trận tiền. Tượng ông nào ngồi mà con ngựa chỉ đưa một chân lên là ông ta chết vì vết thương ngoài chiến trường (đưa về quân y viện mới

chết). Còn ông nào ngồi trên con ngựa mà bốn chân ngựa đặt trên mặt phẳng thì người đó chết bình thường. (Không phải thượng mã phong).

Bây giờ nói chuyện thi ca về con ngựa Việt Nam. Trước hết là về âm nhạc. Bạn đã nghe bài Ngựa Phi Đường Xa rồi chứ gì? Bạn còn nhớ? Ban Thăng Long hát bài đó rất hay, có ca sĩ Hoài Trung nghe răng ra hí, trông giống hết miệng con ngựa. Lúc còn nhỏ, tôi mê tài tử Pháp, đóng phim vui cười, là ông Fernandel. Mặt dài như mặt ngựa lại hay nghe răng cười. Thấy mặt ông ta là tức cười rồi, khỏi cần làm trò. Giống như mình thấy Thanh Hoài trước đây vậy. Có điều đáng lưu ý là. Con ngựa đang phi không thể hí. Trong bản nhạc Hồn Vọng Phu cũng có câu “Ngựa phi ngoài xa hí vang trời”. Con ngựa, khi đang chạy nhanh (phi) mà bị gò cương lại, nó mất đà, tức giận, cật hai vó trước, hí lên một tràng. Con người cũng vậy. Đang cầm đầu, cầm cổ phi nước đại, sắp đến “giây phút lâm chung” (sửng muốn chết!) thì bị hất xuống giường. Bị cụt hứng, không điên cũng khùng! Trong truyện Kiều của Nguyễn Du, các nhân vật nam, khi đến với người đẹp không dùng xe gấn máy hay xe hơi mà chỉ cưỡi ngựa. Ngựa trong thơ cụ Nguyễn Du nhiều vô kể. Đó bạn đọc cho hết các câu sau (*Ngựa xe như nước áo quần như nêm. Tuyết in vó ngựa câu dòn. Cỏ pha mùi áo nhuộm non da trời. Nẻo xa mới tỏ mặt người. Khách đà xuống ngựa đến nơi tự tình. Bóng tà như giục cơn buồn. Khách đà lên ngựa người còn ngoảnh theo. Đoạn trường thay lúc phân kỳ. Vó câu khấp khểnh bánh xe gập ghềnh. Nàng càng thốn thức gan vàng, Sở Khanh đã rẽ dây cương lới vào. Người lên ngựa kẻ chia bào. Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san. Thuộc mê đâu đã tưới vào. Mơ màng như giấc chiêm bao biết gì. Vực ngay lên ngựa tức thì. Phòng đào, viện sách, bốn bề lửa dong. Trông trời, trời bể mênh mang. Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng dong. Kéo cờ lũy, phát súng thành. Từ công ra ngựa thân nghênh cửa ngoài. Sấm sanh xe ngựa vội vàng. Hai nhà cùng thuận một đường phó quan. Người nách thước kẻ tay đao. Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sóng. Tái sinh chưa dứt hương thê. Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai...*) nhiều lắm! Có điều đáng lưu ý quý vị là. Thời cụ Nguyễn Du đã có “Nhạc vàng” rồi. Tôi xin kể một “chuyện thật 100%” như sau. Cậu Kim Trọng có cái cassette hay máy CD gì đấy. Thấy chị em Thúy Kiều từ xa, bèn mở mấy bản “Nhạc vàng” do mấy em Thái Thanh, Thanh Tuyền, Thanh Thúy... hát bài Nỗi Buồn Gác Trọ, Tàu Đêm Năm Cũ, hay Đứng Nhìn Em Nữa Anh Ôi! ... gì đó. Hai chị em Kiều đứng lại lắng nghe, mắt lim dim thưởng thức, không hay biết cậu Kim đã đến bên cạnh từ lúc nào rồi. Cậu Kim tắt máy hát rồi tự mình hát Karaoke mấy bản nhạc tình để tán tỉnh hai em “Anh xin đưa em về. Về quê hương ta đó...” Có thể nói tình sử Thúy Kiều - Kim Trọng khởi đầu bằng mấy bản Nhạc vàng. *Dùng dằng nửa ở nửa về. “Nhạc vàng” đâu đã tiếng nghe gần gần. Trông chừng thấy một văn nhân. Lông buông tay khấu bước dần dậm băng.* Nhạc vàng hay đến độ, đêm nào Thúy Kiều cũng mò qua phòng Kim

Trọng nằm nghe nhạc vàng. Cậu Kim tưởng bỏ, định quờ quạng thì em hất tay cậu ra và kêu lên “Nhật” Cậu Kim tưởng em bị nhật thiệt nên từ đó thành thẳng ngu, để em cho thẳng Mã giám Sinh xoi tái cái ngàn vàng!

Truyện Kiều là một tác phẩm văn học hoàn hảo, như viên ngọc được trau chuốt. Nhưng Chinh Phụ Ngâm mới làm rung động lòng người, khiến ta nghĩ đến Việt Nam Cộng Hòa bị Việt Cộng xâm chiếm sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. Tất cả đàn ông, con trai vô tù cải tạo để chết dần mòn trong đó, ngoài đời chỉ còn các bà mẹ, bà vợ, cô, chị gánh vác gia đình. Nỗi mong chờ của người vợ có chồng ra chiến trường như trong Chinh Phụ Ngâm không bằng sự lo lắng và tuyệt vọng của người mẹ, người vợ, người con... có người thân đi tù Cộng Sản mà không biết ngày về. Lại còn phải lăn vào đời với hai bàn tay trắng để tìm cái sống.

Tôi xin trích mấy câu thơ trong Chinh Phụ Ngâm có nhắc đến “con ngựa” mà mỗi câu thơ là mỗi tiếng thở dài của người chinh phụ. *“Chí làm trai dẫm nghìn da ngựa, gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao. Giã nhà đeo bức chiến bào. Thét roi câu Vịt ào ào gió thu... Ngoài đầu cầu nước trong như lọc. Đường bên cầu cỏ mọc còn non. Đưa chàng lòng dằng dặc buồn. Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền. Hơi gió lạnh người rầu mặt dạn. Giòng nước sâu ngựa nản chân bon. Ôm yên gối trống đã chôn. Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh. Xông pha gió bãi trắng ngàn. Tên treo đầu ngựa giáo lan mặt thành”*.

Thập niên 1880, theo thống kê, Sài Gòn và vùng ngoại ô có 400 chiếc xe ngựa, gọi là xe “thỏ mộ”. Ở Sài Gòn, sáng sớm, trời còn lờ mờ đã nghe tiếng vó ngựa lóc cóc từ ngoại ô chở hàng hóa, nông sản, gà, vịt đến các chợ đầu mối Chợ Lớn, Bà Chiểu... bỏ hàng. Tôi rất thích đi xe ngựa, nhưng sau này có xe lăm (Lambretta) thay thế. Xe ngựa chỉ còn rất ít ở các vùng thôn quê. Cảnh xe ngựa chạy trên đường quê, dưới rặng tre, êm đềm, thanh bình, bây giờ hiếm thấy.

Trên đây là tất cả công sức tôi tìm kiếm sưu tập về con ngựa để bạn đọc thưởng thức. Chúc bạn đầu Xuân có một Năm Mới Hạnh Phúc, Vui Vẻ.

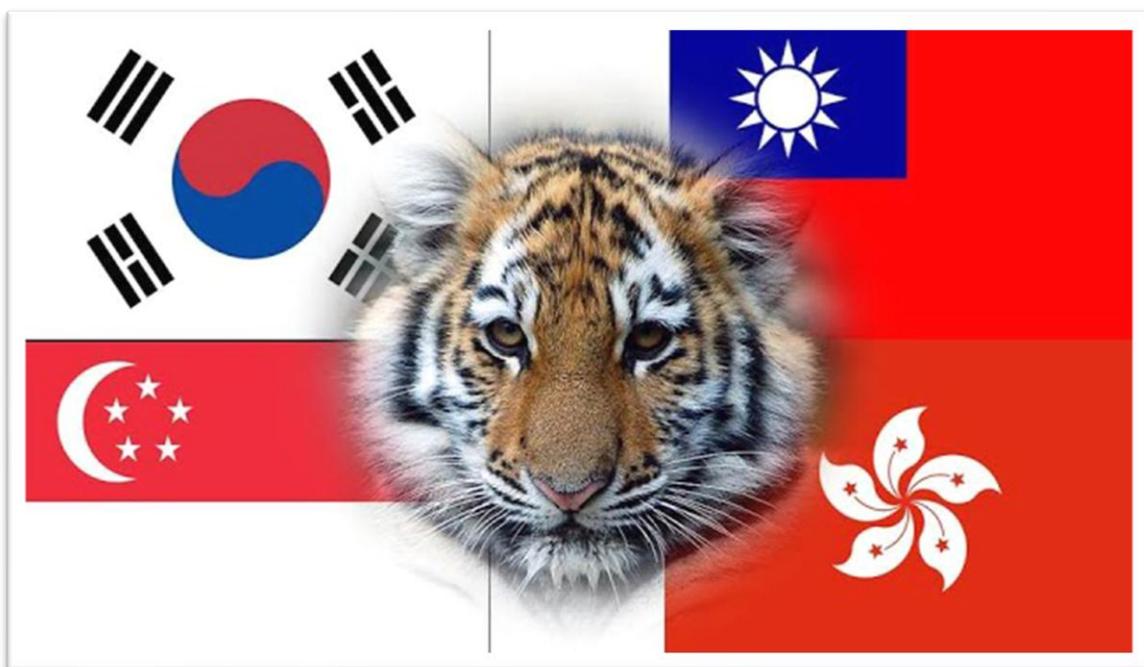
Phạm Thành Châu

Xuân Bính Ngộ 2026

Ừa! Vậy chứ lời hứa giải thích vì sao, có người không phải tuổi con ngựa mà vẫn phi (chạy) bán sống, bán chết? Năm 1954, chạy từ Bắc vô Nam. Năm 1975, chạy ra biển!? Về Hà Nội mà hỏi Việt Cộng!

Kinh Nghiệm Từ Bốn “Hổ Kinh Tế” Á Châu và Mộng Ước Khó Thành Của Việt Nam

Nguyễn Bá Lộc



Trong 50 năm qua, nền kinh tế Việt Nam Xã hội chủ nghĩa (XHCN) trải qua hai giai đoạn: Kinh tế XHCN truyền thống (1975-1985), nền kinh tế lúc đó bị xáo trộn mãnh liệt, rồi hoàn toàn sụp đổ sau 10 năm. Đảng Cộng sản (CS) VN phải “đổi mới”, cho giai đoạn hai, từ 1986 tới nay, với mô hình “Kinh tế thị trường định hướng XHCN”. Nhờ đó đã đạt được một số kết quả khá, nhìn trên bề mặt. Theo đà phát triển đó, lãnh đạo VN muốn nâng nền kinh tế lên tầm mức phát triển cao hơn trong thời kỳ mới, “kỷ nguyên vươn mình”. VN mơ ước và hy vọng nền kinh tế sẽ được phát triển cao và có thể ngang bằng với “Hổ kinh tế Á châu”.

Các “Hổ Á châu” gồm có Singapore, Hong Kong, Đài Loan và Nam Hàn, khởi đầu kế hoạch phát triển kinh tế từ thập niên 1960, tới thập niên 1990 thì các quốc gia này đạt thành công rực rỡ và là thành viên của nhóm các nước đã phát triển giàu mạnh trên thế giới.

Sự tiến bộ vượt bậc đó thu hút nhiều quốc đang phát triển tìm hiểu và áp dụng cho chiến lược và vận hành kinh tế cho quốc gia mình. Tuy nhiên, trong vòng 30 năm

qua, chưa có quốc gia nào thực sự đạt mức thành công to lớn và nhanh chóng như 4 hổ kinh tế. Và giờ đây, VN mơ ước sẽ phát triển thành “hổ kinh tế mới” trong 20 năm tới. Dù thực trạng, VN hiện nay còn thua kém nhiều, khó khăn lớn, trên các phương diện chính trị, kinh tế, xã hội, so với 4 Hổ Á châu.

Câu hỏi đặt ra là trên con đường mới, liệu VN có thực lòng khắc phục được các sai phạm lớn trước đây không? Và liệu VN có khả năng đủ cho sự cải đổi lớn lao như vậy? Vì Mô hình kinh tế, Cấu trúc kinh tế, Bộ máy quản lý, và nhất là “Tập thể cầm quyền” ở VN không thay đổi, thì khả năng thành công sẽ rất giới hạn.

Chúng tôi xin trình bày đề tài này qua ba phần dưới đây:

I. Khái quát Chủ trương mới Kinh tế Việt Nam, và Sự thành công của 4 “Hổ kinh tế” Á châu

II. Bài học Kinh nghiệm Phát triển kinh tế của các quốc gia “Hổ kinh tế”

III. Việt Nam: Mơ ước “Hổ kinh tế” khó thành

I. Khái Quát Chủ Trương Đổi Mới Kinh Tế Việt Nam Và Bốn “Hổ Kinh Tế Á Châu”

Có ba vấn đề xin được trình bày trong phần tổng quát này: 1. Cao vọng Việt Nam thời kỳ chuyển mình mới. 2. Hình ảnh tổng thể của 4 Hổ Á châu. 3. Tóm tắt sự khác biệt và mức cách biệt VN và Hổ Á châu.

1. Cao vọng Việt Nam trong “Kỷ nguyên vươn mình”

Gần đây, CSVN dựa vào một số thành quả kinh tế, muốn “đổi mới” thêm nữa để đưa nền kinh tế đến tầm cao hơn. Trên con đường hướng đến, VN mơ ước thành một “Hổ kinh tế” (Tiger Economy) trong khoảng 20-25 năm tới. Ước mơ đó đã được biểu hiện qua một số sự kiện:

Lời tuyên bố của các lãnh đạo VN

Trong buổi họp ở Diễn Đàn Kinh Tế, Vietnam Economic Forum, 2018 Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc nói: “Việt Nam thành con hổ kinh tế mới của Châu Á, tại sao không? (Báo Dân Trí, ngày 11/01/2018).

TBT Tô Lâm, mà một số báo chí cho là một “nhà cải cách”, đã phát biểu trong năm 2025 và mới đây trong đại hội đảng lần thứ 14, VN cần có sự đổi mới nữa trong “Kỷ

nguyên vươn mình”. “Ngày nay thế và lực VN đủ để tiến tới tầm cao mới”. Các ý chính qua lời phát biểu này: Đưa khu vực kinh tế tư doanh lên hàng đầu và đóng vai trò quan trọng nhất. Kinh tế VN phải được phát triển mạnh hơn, bền vững hơn. Cần phải cải sửa luật lệ và và bộ máy công quyền. Mục tiêu phấn đấu là trở thành một hổ kinh tế mới.

Khẳng định cho sự thay đổi mới, Bộ Chánh Trị ban hành nghị quyết 68/TW ngày 4 tháng 5, năm 2025. Một trong những điểm chính của NQ 68 là đưa kinh tế tư nhân lên vị trí hàng đầu.

Và trong diễn từ Đại hội đảng CS lần thứ 14, ngày 24 tháng giêng 2026, TBT Tô Lâm có nói đến mục tiêu và sách lược kinh tế trong giai đoạn tới. Theo đó, có một số chỉ tiêu được ấn định cho tới năm 2030: Tỷ suất phát triển 10%/năm, thu nhập đầu người \$8.500 Mỹ kim. Với mô hình “Kinh tế thị trường XHCN”, Kinh tế tư nhân là quan trọng nhất. Thể chế chánh trị VN vẫn là chế độ XHCN.

Các cơ quan Nhà nước đã được chỉ thị soạn kế hoạch, và tổ chức các buổi hội thảo để khai triển NQ 68. NQ này yêu cầu các cơ quan chức năng khắc phục, loại bỏ các khuyết điểm, và tiến tới mô hình kinh tế mới thông thoáng và hữu hiệu hơn, tiến tới đạt mục đích nền kinh tế có lợi tức trung bình cao (hiện VN ở mức trung bình thấp). VN đặt nỗ lực mới với hy vọng kinh tế VN sẽ theo kịp 4 “Hổ kinh tế” Á châu, gồm các quốc gia Singapore, Đài loan, Hong kong và Nam Hàn, vì các nước này là những biểu tượng thành công tốt đẹp, và được thế giới nể phục.

Nhận xét của một số cơ quan và truyền thông trong nước.

Dựa vào các con số và hình ảnh bề ngoài của kinh tế trong những năm gần đây, nhận định VN sẽ là “Hổ kinh tế” thứ 5 ở Á châu. Một số báo của đảng với một số bài diễn đạt về đổi mới lần này. Báo Tuổi Trẻ 03/01/2025 với bài “*Đổi mới để đưa Việt Nam thành con hổ kinh tế mới của Á châu*”. Báo Phụ Nữ ngày 16/8/2025 với bài “*Đổi mô hình tăng trưởng và giấc mơ Hổ châu Á của Việt Nam*”.

Nhận xét của một số nhà nghiên cứu và truyền thông ngoại quốc.

Ngoài đảng và chuyên viên Nhà nước VN, còn có một số nhà nghiên cứu và báo chí ngoại quốc, cũng có những nhận định khá “phấn khởi” về tương lai kinh tế VN, và khả năng thành con “Hổ kinh tế” là điều có thể thấy được. Ví dụ: Associated Press (AP- 8/2025) “Việt Nam nhắm đạt mức giàu vào năm 2045 và trở thành Hổ kinh tế Á châu” (Vietnam aims to get rich by 2045 and become Asian next Tiger Economy). Một nghiên cứu khác của Đại học Otago, New Zealand, 2018 “Vietnam: The Next

Asian Tiger? (Việt Nam: Con Hổ kinh tế Asian kế tiếp?), Tác giả Tom Barker và Murat Ungor. Còn một số báo chí nữa, có nhận định tương tự.

Các lý do cho ước mơ “lạc quan” về tương lai kinh tế VN:

Do một số thành quả kinh tế. Vài con số thống kê chính quyền đã nêu ra: Tỷ suất phát triển 7% năm 2024, 8% năm 2025, như thế trên lý thuyết, VN có chỉ số cao như Đông Nam Á. Nhưng các cơ quan quốc tế cho rằng các số VN đưa ra là cao hơn cách tính của họ cho 2025 như Ngân Hàng Thế Giới (WB) là 6,8%, Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) 6,1%, Ngân Hàng Phát Triển Á Châu 6,3%.

Từ 2026, VN ấn định tỷ suất này là 10%. Về thu nhập trên đầu người, VN chỉ có \$4.600 mỹ kim năm 2025, trong lúc đó, Singapore đạt \$64.000 MK, Nam Hàn là \$42.000 MK. Nói chung các nước hổ kinh tế có thu nhập đầu người cao hơn VN gấp từ 9-13 lần. Trong 10 năm nay, VN có xuất cảng tăng trung bình 15%/năm, từ \$70,000 Mỹ kim 2010 lên \$345.000, 2023 (IMF), và đầu tư ngoại quốc (FDI) trung bình gia tăng 12%/năm. Đó là mức độ gia tăng khá cao, mà thống kê VN nêu lên.

Do dữ kiện tiềm năng kinh tế: VN có dân số trẻ đông đảo, cần cù, có trình độ hiểu biết khá, lương đang còn thấp; VN có trữ lượng khá khoáng sản và dầu khí.

Do vị trí địa kinh tế rất tốt, ở vị trí trung tâm Á châu Thái bình dương, nơi tranh chấp giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng, chính trị trong nước thì ổn định trong chế độ độc tài toàn trị.

Do có được bài học, kinh nghiệm quý giá và chỗ dựa vững chắc từ Trung Cộng (TC).

Do được sự hợp tác quốc tế rộng rãi, nhiều nhất từ 4 hổ kinh tế Á châu. VN giao thương với trên 70 quốc gia. Có thuận lợi do biến chuyển địa chánh trị và địa kinh tế trên thế giới hiện nay.

Từ khi đổi mới kinh tế 1986 mới tới nay, CSVN luôn chú ý và khen ngợi sự phát triển của các hổ kinh tế. Trên một số phương diện nào đó, VN có thể học hỏi ở quốc gia Á châu này. Kinh tế VN phát triển được là nhờ xuất cảng và đầu tư ngoại quốc. Ngoài TC, Hoa Kỳ, và Nhật Bản, VN luôn coi trọng sự hợp tác kinh tế, cũng như đánh giá cao các quốc gia “Hổ kinh tế”.

Những con số và dữ kiện nêu trên làm cơ sở cho suy nghĩ và ước mơ của VN. Nhiều người, qua hồi tưởng quá khứ, nhìn thẳng hiện tại, nay vẫn hoài nghi về ý trung thực và “ảo tưởng chính trị” của VN về những hoạch định phóng chiếu cho tương lai.

2. Hình ảnh tổng thể về tiến bộ “thần kỳ” của 4 “Hổ Á châu”

Trong 60 năm phát triển, các quốc gia “hổ kinh tế” gồm Singapore, Hong kong, Đài Loan và Nam Hàn, khởi đi từ nước rất nghèo, nhiều khó khăn, nhờ phát triển đúng hướng, và bền bỉ, đã trở thành quốc gia đã phát triển (developed country) và giàu có trên thế giới.

Để hiểu hình ảnh tiến bộ của các quốc gia này, tôi xin trình bày qua các mục: Tình trạng kinh tế tổng quát chung cho các Hổ kinh tế. Yếu tố thành công của Hổ kinh tế. Sự cách biệt và khác biệt giữa Hổ kinh tế với VN.

a/ Tình trạng kinh tế tổng quát chung cho các Hổ Á châu

Dưới đây là vài con số kết quả kinh tế và hình ảnh chung cho 4 Hổ kinh tế. Chi tiết của từng quốc gia này sẽ được trình bày ở phần II.

Đạt sự phát triển “thần kỳ”

Tỷ suất phát triển của 30 năm đầu, trung bình 8.%/năm, có lúc đạt 12%. Đó là suất số cao nhất Á châu, và thế giới. Chẳng những tỷ suất cao mà nhịp độ phát triển rất nhanh.

GDP (Tỷ Mỹ kim)	1980	2000	2025
Singapore	12	96	565
Nam Hàn	65	576	1790
Đài Loan	42	329	850

Nguồn: Eurasian Bookshel 2025

Cả 4 nước này tiến mạnh nhờ kinh tế đối ngoại. Xuất cảng và đầu tư ngoại quốc (FDI) là chánh. Khoảng 20 năm trở lại đây, khi tích lũy được nhiều vốn, trong phong trào toàn cầu hóa mở rộng. Các nước này sau khi vũng vàng, đi đầu tư ra ngoại quốc khá nhiều, nhiều nhất là tại Trung Quốc và VN.

b/ Yếu tố thành công chung cho 4 “hổ kinh tế”

Trong khoảng 20 năm qua, có rất nhiều nhà nghiên cứu viết về sự thành công của Hổ kinh tế như là những điều cần học hỏi cho nhiều nước. Tổng quát, yếu tố quan trọng đóng góp vào sự thành công cùng bài học kinh nghiệm.

(i) Thể chế chính trị và kinh tế

Cả 4 quốc gia “Hổ Á châu” đều có **chế độ dân chủ tự do**. Đó là nền tảng cho sự phát triển công bằng và bền vững. Chính tự do dân chủ tạo được niềm tin vào chính quyền mà người dân chọn ra, người dân có quyền kiểm soát và thay thế, nếu viên chức làm sai và tai hại cho đất nước. Nhờ niềm tin và sự cộng tác thực lòng có tác động kinh tế tiến mạnh và đúng hướng. Để bảo đảm cho tự do dân chủ, các quốc gia này có sinh hoạt chính trị đa đảng, có đối lập và có bầu cử tự do, có truyền thống tranh đấu cho nền độc lập. Nhưng các quốc gia này, trừ Hong Kong, có một giai đoạn chính quyền can thiệp mạnh vào lãnh vực tư.

Trong thể chế ở đó, nó có **tác động hỗ tương và thuận chiều của Tự do chính trị và Tự do kinh tế**, theo như kết luận của các nhà nghiên cứu kinh tế chính trị đã khảo sát ở hơn 50 quốc gia trên thế giới.

(ii) Nền Kinh tế thị trường thực sự

Tuy nhiên, vì hoàn cảnh đặc thù, vừa thoát khỏi thực dân và vừa trong tình trạng chưa phát triển về mọi mặt, cho nên chính quyền ở đây không theo nguyên tắc “Laissez-faire” của trường phái cổ điển (classical) của chủ nghĩa Tự bản, mà sau này nhiều quốc gia theo trường phái Tân cổ điển (Neo classical), tức là cần có sự can thiệp ở mức độ nào đó trong sinh hoạt kinh tế xã hội, thì kinh tế phát triển tốt hơn, có phẩm chất hơn, công bằng hơn.

Với các quốc gia Hồ kinh tế Á châu, thì sự can thiệp khá mạnh, trừ Hong Kong, trong một giai đoạn đầu, rồi sau này các nước đó dân chủ hóa tiến tới mức độ khá tốt. Theo lý lẽ thông thường, khi chính quyền can thiệp sâu vào những hoạt động kinh tế, thì tính tự do của kinh tế thị trường bị sút mẻ.

Chế độ tự do và mô hình kinh tế thị trường của các nước Singapore, Nam Hàn, Đài loan và Hong Kong đã trải nghiệm rõ ràng minh bạch, có hiệu quả, chính người dân của họ và quốc tế công nhận. Vai trò chính quyền ở các quốc gia này đã không là tổn hại, mà còn có lợi cho phát triển kinh tế như thực tế cho biết.

(iii) Cách thức can thiệp của Chính quyền

Các hồ kinh tế, trừ Hong Kong trước khi được trả lại cho TC, với sách lược **Chính quyền can thiệp sâu vào kinh tế** (Government Intervention). Điều này gây nhiều thắc mắc cho một số nhà kinh tế khi nghiên cứu về trường hợp điển hình của Hồ Á châu.

Sự can thiệp của Chính quyền ở các quốc gia này có đặc tính và điều kiện: Sự can thiệp từ Nhà nước (State) có khác sự can thiệp từ Chế độ (Regime) của đảng cầm quyền. Sự can thiệp trong một quảng thời gian cần thiết, chớ không phải mãi mãi của

quá trình phát triển. Mục tiêu và biện pháp can thiệp là để hướng dẫn và giúp đỡ khu vực tư, không phải thay thế khu vực tư, lại càng không phải đè ép tư doanh để viên chức hưởng lợi riêng. Các biện pháp can thiệp ở đó thích nghi với yêu cầu chung cho phát triển tốt. Chánh quyền lập Quỹ yểm trợ xuất cảng, Quỹ Dự phòng, Quỹ An sinh xã hội.. và lập các Hội đồng (Board) điều hướng, gồm đại diện Chánh quyền và tư nhân, Hội nghề nghiệp, Xã hội dân sự, có đóng góp tích cực và công bằng cho phát triển kinh tế xã hội, như Hội đồng Xuất cảng, Hội đồng Công nghiệp hóa, Hội đồng Tín dụng, Hội đồng Giáo dục, Hội đồng phát triển khoa học kỹ thuật.. Điều quan trọng nữa cho sự thành công về cách thức can thiệp là sự hữu hiệu và lương thiện của viên chức cán bộ, và có sự hợp tác của quần chúng. (Chi tiết của từng hồ kinh tế sẽ nói ở phần sau).

(iv) Bộ máy công quyền và quản lý kinh tế

Bộ máy quản lý là quan trọng nhất cho việc thực thi chánh sách Nhà nước, nhất là trong những lúc Chánh quyền can thiệp mạnh. Trước hết, Chánh quyền và người dân có tư duy và hành động đúng, không ảo tưởng không mơ hồ, không gian dối. Bộ máy đó cần được độc lập với đảng cầm quyền. Nhân sự phải vừa có tài vừa có đức. Qua nhiều cuộc điều nghiên, và qua thực tế, bộ máy quản lý ở các quốc gia Á châu này có chuẩn mực cao.

Tóm lại sự can thiệp của chánh quyền 4 hồ kinh tế có tính: *chọn lọc, khôn ngoan, có trách nhiệm, hữu hiệu, công bằng và lương thiện.*

(v) Chánh sách Giáo dục và đào tạo nhân sự

Cả bốn quốc gia đều coi trọng giáo dục và đào tạo chuyên môn cho nhân lực. Có lẽ vì truyền thống văn hóa và vì tính thực dụng của bộ máy cai trị. Ngân sách giáo dục cao, chú trọng phẩm chất giáo dục, nhất là các đại học dạy chuyên ngành nghề chuyên môn để đáp ứng cho phát triển công nghệ và dịch vụ. Do đó các quốc gia này thỏa mãn được nhu cầu bành trướng công nghiệp, mà các công ty đa quốc gia tới ào ạt trong giai đoạn từ thập niên 70 tới thập niên 90. Ngoài ra, chính quyền khuyến khích phát minh sáng kiến. Vì vậy các quốc gia này đã đạt nhiều bằng sáng chế có giá trị trên quốc tế.

(vi) Sự hợp tác và niềm tin của dân chúng

Căn bản của chánh sách và mô hình kinh tế là Tự do, Dân bản. Kinh tế tư nhân là quan trọng nhất. Nhưng bên cạnh Chính quyền có vai trò khá nhiều, nên muốn kinh tế phát triển tốt đẹp, toàn diện và công bằng, thì người dân và Chính quyền phải có hướng đi chung, có sự hợp tác chân thật với nhau. Người dân ở các quốc gia hồ kinh

tế, trên thực tế đồng tình với Nhà nước, họ có kỷ luật, có niềm vui chung. Và cuối cùng như mọi người biết, **cuộc sống về vật chất và tinh thần của dân chúng ở đây có tiến bộ nhanh, cao, công bằng, an lạc, và hài hòa.**

(vii) Uy tín vị thế quốc tế

Khi một quốc gia có nền kinh tế hướng ngoại rất mạnh như 4 Hồ kinh tế, thì uy tín và vị thế quốc tế rất quan trọng. Thế quốc tế dựa trên các điểm chính mà các Hồ Á châu đều có như:

Mức độ phát triển cao thực sự và có chất lượng. Người dân hưởng được thành quả lớn về phát triển, về vật chất lẫn tinh thần. Dân có thu nhập đầu người tăng cao. Hệ thống đường sá, phương tiện cho chuyên vận tốt. Dân có đủ tiền cho giáo dục con cái. Có hệ thống y tế tốt. Sản xuất được món hàng quý giá có chất lượng, hay phát minh được kỹ thuật mới hữu ích mà thế giới cần đến.

Về mặt tinh thần, *dân có các quyền tự do căn bản:* chánh trị, tôn giáo và tư tưởng. Cuộc sống bình an, không bị chánh quyền đàn áp, bị cưỡng đoạt tài sản một cách vô cớ và phi pháp.

Quốc gia đó có một chính quyền có hiệu quả tốt và lương thiện trong vận hành đất nước và phục vụ dân tộc. Viên chức chánh quyền ít tham nhũng, có kỷ luật và tôn trọng nhân quyền và dân quyền, một chính quyền được dân tin cậy và hợp tác tự nguyện.

Một đất nước có cơ sở căn bản về hạ tầng cơ sở đủ tốt, và hệ thống tiền tệ ổn định.

Một quốc gia có văn hóa văn minh. Mọi người dân biết tôn trọng và bảo vệ và hy sinh cho đất nước. Một xã hội có nét đẹp văn hóa, có tình yêu thương đồng bào. Một xã hội ít lừa đảo và gian manh.

Một đất nước được quốc tế mến phục. Dân tộc và đất nước có ưu điểm mà nhiều người trên thế giới mến mộ, và muốn hợp tác, muốn đến thăm viếng. Một quốc gia có đóng góp vật chất hoặc tinh thần cho thế giới.

Đó là những điểm mà quốc tế duyệt xét, thẩm định cho sự hợp tác, cho sự tín nhiệm, và cho sự thành công lưỡng lợi. Đó cũng là ưu điểm quốc tế mà các quốc gia Hồ kinh tế có được trong quá khứ, và là một trong những yếu tố thành công của các quốc gia này.

Nói thế không có nghĩa các quốc gia Hồ kinh tế toàn hảo. Các nước này cũng có những khuyết điểm. Nhưng ưu điểm nhiều hơn và căn bản hơn. Đó cũng là những

yếu tố mà một số cơ quan điều nghiên đánh giá về mức độ phát triển có chất phẩm chất hay không và mức độ hạnh phúc của một dân tộc.

3. Tóm tắt sự cách biệt và khác biệt Việt Nam với Hồ kinh tế

Phần trình bày trên là tóm tắt các yếu tố thành công và những bài học từ các Hồ kinh tế.

Nhìn lại VN, mọi người đều thấy và nhận xét là sau 50 năm, kinh tế VN vẫn còn rất thấp và có quá nhiều trở lực từ gốc rễ, rất khó giải quyết, có nhiều bất bình thường so với tiến trình phát triển của Hồ Á châu. Đó là vấn đề lớn của chế độ XHCN.

Tóm tắt các khó khăn tồn tại và thử thách cho VN:

Chính quyền độc tài toàn trị.

Trong chế độ XHCN hay CS có một số nguyên tắc bất khả thay đổi, trừ khi có sự biến đổi chế độ mạnh mẽ. Đó là: “Quyền công hữu”, người dân không có quyền sở hữu đất đai, mà là thuộc về Nhà nước. “Quyền quản lý tài sản tài nguyên quốc gia”, Nhà nước nắm và sử dụng mọi ngoại tệ, viện trợ, tài chánh công, phần lớn tín dụng, tài nguyên thiên nhiên. Về đầu tư, Nhà nước hoạch định và thực hiện nhiều dự án lớn, âm thầm giao tài sản công cho nhóm “tư sản thân thuộc” một cách phi pháp mà dân không biết và không có quyền được tham dự, mặc dù đó là tiền của dân. Chính quyền các cấp cứ một mình mà làm, tự biên tự diễn, tự chiếm đoạt công quỹ.

Mô hình kinh tế và cơ cấu kinh tế mâu thuẫn.

Khi đổi mới kinh tế, CSVN áp dụng mô hình mới “Kinh tế thị trường XHCN”. Đó là mô hình nửa tư bản nửa XHXN, tự nó là mâu thuẫn. Nhưng Nhà nước cứ ép guồng máy kinh tế lạ đời đó cứ chạy, tới đâu không cần biết. Nền kinh tế đó chỉ tự động điều chỉnh đối với những người làm ăn nhỏ, và tự động cấu kết đối với tư sản đồ và viên chức qua những món “hợp tác” rất béo bở, và cũng chẳng cần biết loại ưu tiên hay không, mà chỉ chú trọng “ưu tiên trong số tiền chia chác”.

Việc VN không có nền “kinh tế thị trường thực sự”, đối với một số quốc gia đối tác, là một trong những trở ngại, thiệt hại cho kinh tế đối ngoại.

Một nguyên tắc khác của kinh tế XHCN là quốc doanh phải tồn tại và có tỷ phần lớn, là chủ đạo. Quốc doanh chiếm 30% tài sản kinh tế, và 2/3 bị lỗ triền miên, nhưng không được giải quyết dứt khoát, khó khăn và thiệt hại to lớn vẫn còn đó

Sức mạnh kinh tế thiếu căn bản và nhiều bất ổn

Mặc dù kinh tế có phát triển, thu nhập trung bình mỗi đầu người gia tăng từ khoảng \$120 MK năm 1985 lên \$4600 MK năm 2025. Nhưng thu nhập đó còn quá thấp so với các Hộ kinh tế. Có sự cách biệt quá lớn về thu nhập giữa nông thôn và thành thị, trung bình hơn 50 lần của 10% người nghèo nhất so với 10% người giàu nhất. 70% dân sống ở nông thôn, thu nhập rất kém thì mãi lực kém và tiền để dành rất ít. Đó là một trở ngại cho phát triển. Cuối cùng là nền kinh tế không bền vững, không tự lực tự cường được, nó còn phải quá lệ thuộc kinh tế bên ngoài, như là lệ thuộc TC.

Bộ máy quản lý kinh tế không hiệu năng, không minh bạch, thiếu lương thiện

Đó là hậu quả của chính sách nhân sự của đảng CS. Ưu tiên tuyển dụng và thăng thưởng là bè phái trong đảng chứ không phải do tài đức. Đa số viên chức không đạo đức được đào tạo và hoạt động trong một bộ máy một chiều, to lớn, nhưng xơ cứng. Tình trạng đó đưa tới tinh thần phục vụ của viên chức là người dân phải xin xỏ cầu cạnh, và tham nhũng quá khủng khiếp, dù có thanh trừng, nhưng không thể giải quyết được.

Các trở lực to lớn nêu trên thấy ít xảy ra ở các quốc gia Hộ kinh tế, và trên nhiều nước bình thường thế giới. Đó là những thử thách mà nhiều cơ quan quốc tế như WB, và nhiều nước có hợp tác với VN như Hiệp ước Thương mại CPTPP và Âu châu với VN, đã nêu lên và đề nghị cải sửa, nếu VN muốn có sự phát triển tốt hơn.

Vị thế quốc tế không vững vàng

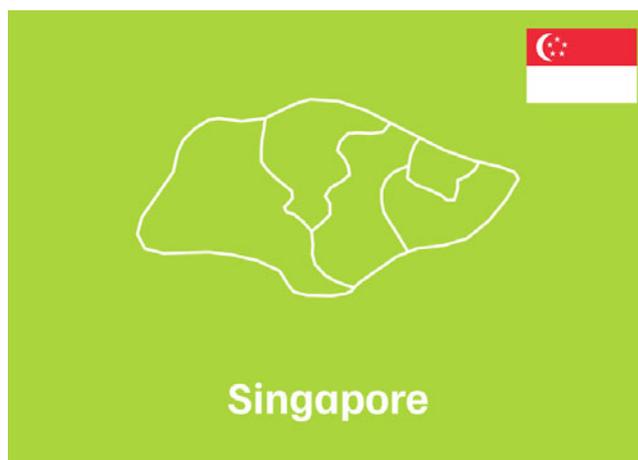
VN không có nhiều uy tín quốc tế như các quốc gia Hộ kinh tế, mặc dầu có chính sách ngoại giao mềm dẻo, bang giao trên 70 quốc gia. Cách hợp tác không có chiều sâu, trừ với TC. Đối với thế giới, VN không có sự tôn trọng tự do, dân chủ và nhân quyền, mà một số cơ quan quốc tế như Human Rights Watch từng có nhận xét VN là một trong nhóm các quốc gia có vi phạm nhân quyền cao nhất, hay VN là một trong 10 nước đứng đầu về tham nhũng. Khi không có uy tín, hay sự tin cậy nhau không cao, thì bang giao quốc tế lung lay. Nhất là trong tình hình thế giới có quá nhiều biến động lớn trong mấy năm gần đây. Với thế và lực quốc tế như hiện nay, VN khó thảo luận ngang ngửa và quang minh, và tự bảo vệ quyền lợi của mình với một cường quốc hay bất cứ một đối tác mạnh nào.

Qua phần Khái quát, chúng tôi đã tóm lược: Lý do mộng ước của VN trở thành “Hộ kinh tế”. Những nét chung về sức mạnh kinh tế của Hộ kinh tế. Và tóm tắt nhưng vẫn nạn và thử thách cho VN trong tương lai.

II. Bài Học Kinh Nghiệm Từ Mỗi Hồ Kinh Tế Á Châu

Để hiểu khả năng và điều kiện mà VN có thể phát triển ngang hàng “Hồ kinh tế”, chúng tôi xin tóm lược sự thành công của từng quốc gia Á châu này. Từ đó so chiếu với VN xem có thể rút ra những bài học nào. Nhất là có thể áp dụng một số điều tích cực từ các quốc gia này, hoặc VN cứ tiếp tục theo đường độc tài XHCN, trong khi trên lời nói và giấy tờ thì hô hào phải đổi mới nữa.

1. Trường hợp Singapore



a/ Tổng quan

Singapore là một quốc gia rất nhỏ, chỉ có 5,7 triệu dân (năm 2023). Khi còn thuộc Anh, Singapore là một phần đất của Malaysia. Khi đó Singapore chỉ là một hải cảng nhỏ và là một làng chài, nghèo nàn, chậm tiến.

Anh quốc trả lại độc lập cho Malaysia năm 1963. Sau đó Singapore được tách khỏi Malaysia thành quốc gia độc lập từ 1965, với đầy đủ chủ quyền của một thành viên Liên Hiệp Quốc.

Về định chế chánh trị Singapore theo chế độ Dân chủ lập hiến. Dân trực tiếp bầu Quốc Hội và Quốc hội bầu chọn Thủ Tướng, người lãnh đạo Hành pháp. Đảng Nhân dân Hành động (People Action Party, PAP) chiếm đa số tuyệt đối ở Quốc hội. Lãnh đạo đảng PAP được đắc cử với đa số tuyệt đối, và lãnh đạo Singapore mãi tới ngày nay, vì PAP đem lại sự thịnh vượng cho toàn dân. Ông Lý Quang Diệu là Thủ tướng đầu tiên và trải qua nhiều nhiệm kỳ, ông là một chánh trị gia được đánh giá là rất có tài. Singapore cũng có một số đảng đối lập, nhưng rất yếu thế, có các đảng Democratic Alliance, Reform Party, Singapore United Party, Worker Party. Trên 65.57% người dân cho biết họ chọn PAP, vì PAP đã đưa đất nước họ thành công lớn. Từ 2016 về sau, các đảng đối lập phát triển khá hơn, có đảng viên được bầu vào Quốc Hội, như đảng Công nhân (Worker Party). (Asia Society Policy Institute, 2024). Nhưng PAP vẫn chiếm đa số tuyệt đối.

Là một nước tự do dân chủ, nhưng Singapore có mô hình chính trị và kinh tế khá đặc biệt. Chính quyền can thiệp khá mạnh vào hoạt động của kinh tế. Vì vậy, có người gọi là thể chế “Tur bản độc tài” (Authoritarian Capitalism). Nó khác với chủ thuyết

Tư bản tự do hoàn toàn. Do đó mô hình kinh tế của Singapore là Kinh tế thị trường được điều hướng và kiểm soát bởi Nhà nước. Nó khác “Kinh tế thị trường định hướng bởi ý thức hệ”, hay bởi Chế độ chánh trị độc tài chuyên chính, có quyền tuyệt đối ở trên Nhà nước.

b/ Nền kinh tế tiến bộ vượt bậc.

Khởi đi từ một nước nghèo, không có tài nguyên thiên nhiên, với dân số nhỏ bé, Singapore gần như bắt buộc chọn con đường hướng ra thế giới. Chánh sách kinh tế đặt nặng vào xuất cảng và đầu tư ngoại quốc (FDI), và trung tâm tài chánh quốc tế. Chỉ trong vòng ba thập niên Singapore có nền kinh tế phát triển kinh tế rất cao và nhập vào những nước giàu nhất thế giới. Từ đó xã hội Singapore đã có mức cao về văn minh, tiến bộ về mọi mặt, một quốc gia được thế giới khâm phục từ bên trong và cả bên ngoài.

Vê tỷ suất phát triển. Trung bình Singapore có tỷ suất phát triển 8,2%/năm, trong giai đoạn 1965 - tới cuối thập niên 1990. Có năm tỷ suất lên 12%. Trong khoảng 20 năm trở lại đây tỷ suất phát triển giảm dần khi kinh tế đã rất cao, và trong hoàn cảnh thế giới có nhiều xáo trộn mạnh. Nhưng còn khá cao 4,4%, GDP: \$547,390 tỷ Mỹ kim (2024 World Bank). Thu nhập đầu người: \$64.000 MK (2024), hơn VN 14 lần, xếp hạng 8 thế giới (Hoa kỳ hạng 9).

Singapore có nền kinh tế hướng ngoại một cách tuyệt đối. Ba lãnh vực chính là xuất cảng, đầu tư ngoại quốc, và dịch vụ (ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, chuyển vận, chiếm 70% GDP) .

Xuất cảng: \$710 tỷ MK, nhập \$655 tỷ MK. Ngoại thương có tỷ lệ 320% GDP (Wikipedia 2025). Trung bình 10 năm qua, xuất cảng tăng 7.8%/năm. FDI vào Singapore năm 2024 là \$192 tỷ MK, tăng 5.6% so với năm trước.

Ngoài ra, Singapore đầu tư rất lớn tại Trung quốc và hầu hết các quốc gia Đông Nam Á. Tại VN, Singapore có vị trí đầu tư hạng nhất, nhì. Tổng số đầu tư của Singapore ra ngoại quốc năm 2024 là \$1636 tỷMK.

Tóm lại kinh tế Singapore gia tăng cao và bền vững cho tới nay.

c/ Bài học về sự thành công của Singapore

Chúng ta có thể rút ra các bài học thành công trên nhiều mặt trong việc đưa đất nước và dân tộc đảo quốc nhỏ bé lên vị trí rất cao trên thế giới.

Về thể chế và sách lược kinh tế.

Từ ngày được độc lập (1965), người dân Singapore đã chọn thể chế Dân chủ pháp trị, với chánh thể dân chủ lập hiến, mô hình chính trị kiểu Anh quốc. Dù gần như độc đảng, nhưng có các cuộc bầu cử tự do.

Theo Report của Global Barrameter có 86% dân chúng cho là có tự do bầu cử. Và theo nghiên cứu của cơ quan Heritage Organization, năm 2025, với 176 quốc gia thì Singapore có tỷ lệ cao về nền kinh tế thị trường, được cho điểm 84/100.

Về kinh tế với mô hình kinh tế thị trường hay kinh tế tự do. Nghĩa là mọi bình quân của kinh tế do thị trường quyết định.

Nhưng vì tình hình chính trị và kinh tế của Singapore lúc bấy giờ, quốc gia này phải chọn mô hình kinh tế chính trị đặc biệt, không theo Dân chủ Tự do hoàn toàn. Sự can thiệp mạnh của chính quyền là để tạo điều kiện thuận lợi cho tư doanh như thành lập khu kỹ nghệ, khu chế xuất với mức cho thuê thấp, với thuế rất thấp. Chính quyền cho vay với lãi suất thấp để cứu một công ty kinh doanh. Thành lập một số công ty quốc doanh, nhưng với điều kiện các công ty phải có lời, nếu lỗ bị dẹp ngay. Quốc doanh không có ưu tiên tuyệt đối và có sự cạnh tranh đàng hoàng với tư doanh. Khi khu vực tư doanh rất mạnh, thì quốc doanh bị giảm bớt. Thập niên 1960 quốc doanh có tỷ lệ 35.6% tổng số tài sản, nhưng đến thập niên 1970 còn 26.7% (Springer Nature Link)

Ngoài ra, chính quyền còn lập ra các Hội đồng (Board) để chỉ đạo phát triển. Trong các Board này gồm đại diện chánh quyền và đại diện khu vực tư, như Hội đoàn dân sự. Một số Hội đồng Phát triển kỹ nghệ, Hội đồng Khuếch trương xuất cảng, Hội đồng giáo dục...

Lãnh vực mà chính quyền can thiệp nhiều là trong lãnh vực phúc lợi công, trong đó có chương trình xây thật nhiều nhà cho dân chúng. Phúc lợi xã hội cho đa số người dân luôn là yếu tố tốt cho phát triển kinh tế. Thành phần trung lưu gia tăng nhanh, năm 1970 chỉ có 10,3%, đến 1999 tăng lên 40% tổng dân số (Tamura 2003).

Nói tóm lại Chánh quyền Singapore có can thiệp mạnh, nhưng sự can thiệp đó có chọn lọc, khôn ngoan, có hiệu quả, minh bạch và không cưỡng ép. Đó là mô hình “Kinh tế thị trường có Nhà nước hướng dẫn”.

Phẩm chất Bộ máy công quyền.

Cơ chế nhà nước giống chế độ Dân chủ lập hiến của Anh. Có sự phân biệt rõ ràng giữa Lập pháp, Hành pháp và Tư pháp. Luật pháp được xây dựng và thi hành cách đúng đắn, minh bạch.

Bộ máy Hành chính Singapore được đánh giá rất cao. Viên chức có khả năng, có kỹ luật nghiêm minh, có đạo đức hành chính cao. Việc huấn luyện có phẩm chất. Tuyển dụng công minh. Sự thăng thưởng dựa trên hiệu quả và lương thiện trong công vụ. Đây là điều cần thiết cho nguyên tắc chánh quyền can thiệp mạnh vào khu vực kinh tế tư.

Coi trọng giáo dục và nhân lực

Singapore rất coi trọng Giáo dục. Chánh quyền đầu tư vào giáo dục rất cao. Nhứt là trong định chế giáo dục kỹ thuật. Cho nên có sự thỏa mãn về nhân công, viên chức cho các kỹ nghệ chế biến và dịch vụ. Trong khu vực công cũng như tư có nhân sự vừa có hiệu năng cao, vừa có kỹ luật. Nhân lực có phẩm chất cao trong cả khu vực Nhà nước và khu vực tư. Singapore có vị trí thứ hai trên quốc tế về tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Có thể quốc tế cao

Một quốc gia đạt được uy tín quốc tế rất cao trong sự thu hút doanh nhân ngoại quốc cũng như có thị trường quốc tế rất lớn như đã trình bày ở trên, chứng tỏ Singapore phải có những yếu tố thành công như Chánh quyền hữu hiệu và có đạo đức. Chánh sách đúng và hậu quả lưỡng lợi cho quốc gia mình và cho quốc tế. Dân chúng có học thức và có tinh thần kỹ luật và trọng pháp.

2. Trường hợp Nam Hàn



a/ Tổng quan

Chiến tranh quốc cộng chấm dứt 1953, đất nước bị chia đôi. Bắc Hàn theo chế độ CS, và Nam Hàn có chế độ Tự do, theo Tổng Thống chế. Dân số Nam Hàn là 51 triệu, 2024.

Nam Hàn đã khởi đi từ một nước chậm phát triển, rất nghèo, và sau 30 năm, quốc gia này trở thành nước phát

triển ở trong nhóm các nước giàu trên thế giới. Dân chúng Nam Hàn có mức sống rất cao về các mặt kinh tế, chính trị và xã hội.

Trong gần 10 năm dưới TT Lý thừa Vãng (1953-1962), kinh tế không phát triển tốt, dù Hoa Kỳ trợ giúp rất nhiều. Nam Hàn thời đó có nền kinh tế nông nghiệp chậm tiến, nhiều khó khăn; 70% dân chúng sống ở nông thôn.

Từ khi Tướng Phát chánh Hy đảo chánh lật đổ Lý thừa Vãng, 1962, có sự thay đổi quan trọng, chế độ độc tài quân phiệt xuất hiện, nền Dân chủ non trẻ bị đe dọa. Trong thời gian ông làm Tổng Thống (1963-1979), có nhiều biện pháp mạnh xen vào nền kinh tế tự do. Nhưng với chánh sách chính quyền can thiệp vào nền kinh tế, thì kinh tế Nam Hàn lại có tiến bộ rất mạnh, rất tốt đẹp. Điều này đưa đến thắc mắc nhiều cho một số nhà kinh tế. Vì theo nguyên tắc khi chính phủ càng nhúng tay vào kinh tế, thì cơ cấu và tính tự động hóa của thị trường càng bị suy giảm, kinh tế sẽ không bình thường. Nhưng thực tế, với kiểu độc tài Nam Hàn, Phát chánh Hy vẫn giữ được nền kinh tế tự do. Nhứt là từ các Tổng Thống sau Phát chánh Hy hoàn toàn theo nền kinh tế thị trường thực sự. Có sự hợp tác giữa Chánh quyền và dân một cách minh bạch, và hiệu quả.

b/ Nền kinh tế tiến bộ thần kỳ

Nói chung Nam Hàn có nền kinh tế có đường lối và chánh sách kinh tế đúng, thích hợp với hoàn cảnh kinh tế quốc nội và quốc tế. Vì vậy Nam Hàn đã thành công một cách thần kỳ, và được thế giới nể phục. Năm 2020, nền kinh tế Nam Hàn đứng thứ 11 thế giới (Shahid H Raja, 2022)

Tỷ số phát triển: 1982-1969: 9,6%. 1973-1979: 11%/năm. Sau 1980, tỷ xuất giảm, nhưng vẫn cao, trung bình 8%/năm. Những năm gần đây giảm còn 5%.

Thu nhập đầu người (Mỹ kim):	1960	1985	2020
	\$923	\$3854	\$42.000

Nguồn: Shahid H.Raja

Xuất cảng là phần quan trọng nhất trong nền kinh tế. 1960 chỉ có \$55 triệu lên \$55 tỷ 1988. Trung bình xuất cảng tăng 35%/ năm trong thời gian 1962-1969. Nam Hàn đứng trong nhóm 10 quốc gia có xuất cảng cao nhất thế giới (Shahid H Raja 2022). Các loại hàng được ưa chuộng như hàng điện tử, xe hơi, sản phẩm gia dụng và thiết yếu.

Về uy tín và vị trí quốc tế. Nam Hàn trong lúc phát triển, luôn tạo và gìn giữ uy tín quốc tế. Bởi vì xuất cảng là phần quan trọng nhất của tỷ phần kinh tế (trên 40%), và phong trào toàn cầu hóa lúc đó rất mở rộng.

c/ Bài học kinh nghiệm từ Nam Hàn

Tóm tắt các bài học quan trọng:

Thế chế chính trị và chính sách kinh tế

Về chế độ độc tài và lại kinh tế phát triển tốt tại Nam Hàn, có thể được giải thích: Nam Hàn có chính quyền độc tài trong 16 năm của quá trình phát triển 60 năm. Các năm khác có Dân chủ thực sự, nhất là sau Phát chánh Hy. Ngày nay Nam Hàn là một trong các quốc gia có Tự do dân chủ ở mức cao trên thế giới.

Trên nguyên tắc về “Chính quyền can thiệp” có hình thái khác nhau, nên có những hậu quả khác nhau. Ví dụ ở Nam Hàn và các Hồ kinh tế khác, thì nhằm mục tiêu chính là lợi ích của toàn dân. Sự can thiệp từ Nhà nước với cơ chế thị trường. Còn loại can thiệp thứ hai là từ đảng cầm quyền mang tính nguyên tắc hay lý thuyết của một chế độ chính trị, vì quyền lợi trên hết là đảng và đảng viên. Loại thứ ba là Chính quyền làm lệch lạc kinh tế thị trường từ một cá nhân hay nhóm nhỏ có quyền, chỉ nhằm mục đích cho riêng tư.

Hơn nữa ý thức dân chủ của người dân khá cao, những tranh đấu cho Tự do Dân chủ và Nhân quyền của dân chúng luôn ở tình trạng tốt đẹp. Nam Hàn là một trong các quốc gia đứng đầu có nhiều Tổng Thống bị tù, vì tham nhũng.

Chính quyền can thiệp mạnh nhưng tôn trọng quyền lợi của dân

Về việc Chính quyền can thiệp mạnh vào kinh tế, kinh tế không bị thiệt hại lớn mà còn phát triển cao và bền vững như đã thấy, qua chính sách và cơ cấu kinh tế. Vấn đề không có nghịch lý, bởi vì vai trò chính quyền chỉ nhằm hướng dẫn, trong thị trường xuất cảng, kỹ thuật và giúp đỡ tài chánh. Quốc doanh chỉ chiếm số nhỏ và từ từ bị giải tư, ví dụ quốc doanh chỉ chiếm 7%-9% GDP. Khu vực tư nhân chiếm phần quan trọng nhất. Con đường đi của doanh nhân Nam Hàn hơi giống Nhật Bản. Khoa học kỹ thuật phải đi trước, và đủ mạnh để cạnh tranh quốc tế. Công kỹ nghệ do doanh nhân trong nước làm chủ có tầm cỡ cao không phải chỉ là gia công cho công ty nước ngoài. Như vậy dù có biến cố kinh tế bên ngoài, cũng không bị ảnh hưởng nhiều.

Chính quyền đi đầu, nhưng có sự phối hợp với tư nhân. Các kế hoạch ngũ niên, hay các chương trình khuyến khích xuất cảng, có sự hợp tác với người dân qua nhiều hình

thức: Quốc hội có nhiều đảng phái, các Hội đoàn dân sự, các Hội đồng chuyên môn (Hội đồng Xuất cảng, Hội đồng phát triển Công nghiệp, Công đoàn độc lập...)

Chính quyền giải thích luật lệ, chính sách một cách đầy đủ và minh bạch mọi sinh hoạt kinh tế qua báo chí.

Dân tộc có truyền thống văn hóa tốt và có kỹ luật cao.

Dân Nam Hàn có truyền thống văn hóa và văn minh lâu đời. Người dân chịu học hỏi, có lòng yêu nước và rất kỹ luật. Cho nên nếu có chánh quyền tốt, thì dân chúng dễ đồng lòng và chịu hy sinh. Một phần, nhờ học hỏi người Nhật trong thời gian bị Nhật đô hộ. Cho nên khi có chính quyền tốt thì được dân hưởng ứng nhiều. Ví dụ tiết kiệm của dân có tỷ lệ rất cao.

Vị thế quốc tế

Trong phong trào kinh tế toàn cầu hóa rộng rãi như trước hay toàn cầu hóa bị hạn chế ngày nay, một nước có kinh tế mạnh và bền vững phải mạnh cả kinh tế đối nội lẫn đối ngoại. Nam Hàn đã đạt tới được tình trạng này.

Nam Hàn đứng hạng 4 về mức độ làm ăn dễ với công ty nước ngoài (World Bank 2018). Nam Hàn đóng góp nhiều các nghiên cứu, phát minh thế giới, nhiều hơn Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức và Trung Cộng.

Trong gần nửa thế kỷ qua, nhiều đại công ty Nam Hàn đi đầu tư ra nước ngoài rất nhiều, và ở mức rất cao, như công ty Nam Hàn ở Trung Cộng và ở Việt Nam. Riêng ở Việt Nam, FDI Nam Hàn chiếm vị thế hạng nhì, hạng ba.

Giáo dục và khoa học kỹ thuật Nam Hàn có mức chuẩn quốc tế, nên các công ty ngoại quốc thuê mướn nhân viên hay cộng tác với công ty Nam Hàn không gặp khó khăn. Chính quyền lập các Trung tâm nghiên cứu khoa học kỹ thuật, khuyến khích nhiều phát minh.

Trên đây là một số bài học kinh nghiệm từ sự phát triển của Nam Hàn. Nói tóm lại, chính sách can thiệp của Chính quyền tại Nam Hàn, chẳng những không gây khó khăn mà còn giúp kinh tế xã hội đạt kết quả tốt hơn. Sự can thiệp đó với các yếu tố cần có: chọn lọc lãnh vực, thực dụng, lượng giá kết quả, bộ máy chính quyền có hiệu năng và viên chức có đạo đức. Mặt khác, đa số dân chúng, đặc biệt là truyền thông báo chí, có ý thức chính trị, những lạm quyền của viên chức chính quyền bị phát hiện.

3.Trường hợp Đài Loan



a/ Tổng quan

“Hố Đài Loan” có sức mạnh kinh tế vượt bậc trong vòng 60 năm nay. Đài Loan là đảo nhỏ có 23 triệu dân (2020). Có chiều dài lịch sử hàng ngàn năm. Từng bị đô hộ bởi Hòa Lan (1622) và Nhật Bản (1937-1945). Khi chiến tranh thế giới thứ II chấm dứt,

Đài Loan được trả cho Cộng Hòa Trung Hoa vào năm 1945, lúc đó Tổng thống là Tưởng giới Thạch (TGT). Đến 1949, Cộng Sản chiếm Trung Hoa, và TGT cùng độ hai triệu người gồm quân nhân, viên chức, trí thức và tư sản chạy ra Đài Loan, và vẫn giữ chế độ Cộng Hòa Trung Hoa. Và từ đó, Quốc Dân Đảng nắm chính quyền tại Đài Loan cho tới 1971, khi Liên Hiệp Quốc công nhận Trung Cộng, và Đài Loan bị mất tư cách là thành viên. Nhưng Đài Loan vẫn được Hoa kỳ và một số quốc gia ủng hộ rất mạnh về chính trị quân sự và kinh tế. TGT và con là Tưởng kinh Quốc cai trị Đài Loan gần 30 năm. TGT điều hành đất nước bằng thiết quân luật. Đảng phái đối lập ở cấp quốc gia không có vị thế mạnh. Mãi cho đến những năm sau 1987. Nhưng chính quyền TGT thúc đẩy sinh hoạt dân chủ ở cấp địa phương. Chính điều này đã tạo được tinh thần dân chủ tốt đẹp sau này. Đài Loan hậu TGT có nền Dân chủ rất tốt đẹp. Đó là một điều cần thiết trong việc chống độc tài Cộng Sản.

Về kinh tế, Đài Loan có nền kinh tế tự do. Mặc dù có nhiều nhận định về chính quyền độc tài thời TGT, khi đó chính quyền là độc đảng. Trong hơn 20 năm đầu chính quyền do Quốc Dân Đảng can thiệp mạnh vào sinh hoạt kinh tế. Nhưng cũng giống như Singapore, Nam Hàn, sự can thiệp ở Đài Loan chỉ nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển nhanh hơn. Thực tế kết quả kinh tế xã hội xác nhận tính hữu hiệu và cần thiết trong hoàn cảnh nào đó, của vai trò chính quyền về chính sách kinh tế.

Dù TC luôn đe dọa chiếm lấy, nhưng kinh tế Đài Loan vẫn vững mạnh, ý chí kiên cường bảo vệ nền độc lập.

b/ Nền kinh tế vươn cao và bền vững

Tiến trình phát triển kinh tế Đài Loan trải qua ba giai đoạn: Từ 1950-1960 : Cũng cố và phát triển nông nghiệp. Chính quyền giúp tín dụng, bảo đảm giá nông sản, tổ chức Nông hội hữu hiệu. Chính phủ thực hiện chương trình Cải cách điền địa. Từ thập niên 1960 tới thập niên 1980, kinh tế phát triển mạnh qua chánh sách công nghiệp hóa và khuếch trương xuất cảng. Trong công nghiệp, Đài Loan phát triển loại xí nghiệp vừa và nhỏ trước khi xây dựng đại kỹ nghệ. Lúc đó sản phẩm đồ gia dụng, chế biến nông sản. Về xuất cảng, chính quyền hỗ trợ tư doanh hết mình cho xuất cảng. Mô hình Khu chế xuất là mẫu mực cho nhiều quốc gia đang phát triển. Giai đoạn ba, từ thập niên 1980 tới nay, sau khi thành công về xuất cảng, Đài Loan tiến tới ngành công nghiệp cho thị trường quốc tế, trong đó sản phẩm điện tử là quan trọng nhất, có một số linh kiện hàng đầu trong chuỗi cung ứng thế giới.

Mô hình kinh tế của Đài Loan là kinh tế tự do. Khu vực tư nhân có vị thế quan trọng. Khu vực nhà nước yếu kém và bị giải thể từ từ. Một vài kết quả kinh tế:

Tỷ suất phát triển trung bình 10% trong hai thập niên 1960-1970 (Kelly Olds,2020). GDP \$805 tỷ Mỹ kim (2024). Thu nhập đầu người (2022): \$34.426 Mk (Wikipedia). Năm 2025, mặc dù kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn, nhưng Đài loan vẫn có tỷ suất phát triển 8,5%, con số rất cao đối với nước đã phát triển.

c/ Bài học từ Đài Loan

Truyền thống văn hóa

Dân chúng Đài Loan gồm hai thành phần chính: Người bản xứ chiếm 2/3 dân số, 1/3 là người Hán. Nói chung có truyền thống văn hóa lâu đời. Một trong các ưu điểm là trọng sự học. Trong một đất nước hiếm hoi tài nguyên thiên nhiên, thì muốn thay đổi cuộc đời chỉ trông cậy vào việc học, như là khoa học kỹ thuật. Tinh thần cao, nhờ chịu ảnh hưởng phần nào trong những năm bị Nhật đô hộ. Dân chúng Đài Loan có niềm tin ở chính quyền, và họ hợp tác với chính quyền. Đó là yếu tố quan trọng. Qua điều tra trong 1980, có tới 80% thành viên của các Hội Công thương trả lời họ ủng hộ TGT, vì ông đem nhiều mối lợi cho khu vực tư (Mobeath 1998).

Dân Đài Loan quý trọng Tự do Dân chủ, vì phải đối đầu và tranh đấu chống chủ nghĩa Cộng Sản.

Các bước phát triển kinh tế vững chắc

Nói chung, trong hơn 60 năm, Đài Loan có sách lược kinh tế đúng và thực tế. Vì vậy kinh tế khá bền vững, dù có bị ảnh hưởng của chiến tranh mậu dịch Mỹ Trung.

Có bộ máy công quyền tốt

Đài Loan có bộ máy hành chính có hiệu năng và rất có kỷ luật, một phần do rút kinh nghiệm đau thương khi TGT còn nắm quyền cai trị ở lục địa, một phần học hỏi từ Nhật. Sự thành công của chính quyền can thiệp nhiều thứ của Đài Loan, có một phần nhờ bộ máy công quyền tốt.

Thuận lợi và khó khăn trên quốc tế

Đài Loan ở trong tình trạng đặc biệt về chính trị và kinh tế. Trên quốc tế được sự nể phục về kinh tế. Nhưng về chính trị Đài Loan có vị thế khó khăn trong bang giao quốc tế.

Về mặt kinh tế, với sự phát triển mạnh mẽ và bền vững, và kinh nghiệm quý báu về kinh tế, Đài Loan đóng góp nhiều cho sự phát triển và ổn định kinh tế quốc tế trong gần 60 năm qua. Đài Loan sản xuất nhiều hàng điện tử với giá rẻ và bán khắp mọi nơi.

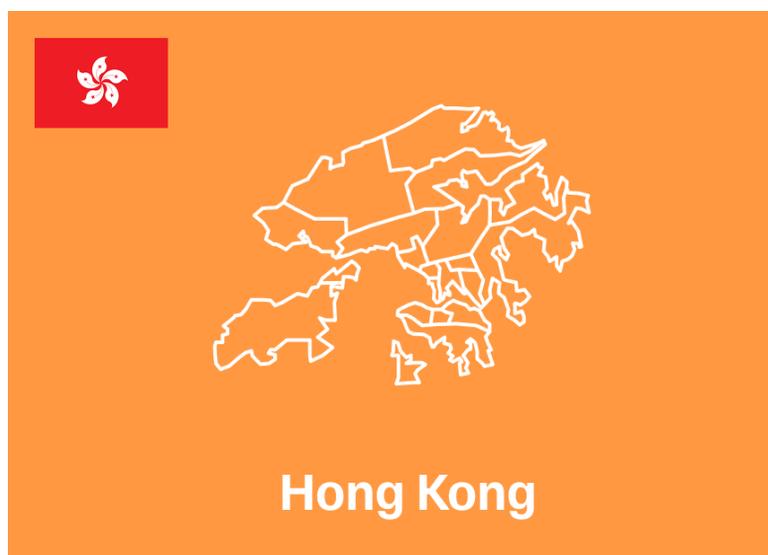
Đối với các nước đang phát triển có thể học hỏi ở Đài loan về chính sách kinh tế nông nghiệp trong giai đoạn đầu, với sự thành công của Hiệp hội nông dân được chánh quyền nâng đỡ, như bảo đảm giá tối thiểu cho nông sản, và bảo đảm chăm sóc bệnh dịch, và thị trường cho nhà chăn nuôi an tâm. Vấn đề thứ hai là khu sự yểm trợ cho các doanh nghiệp được thành lập trong khu chế xuất do chánh phủ quản lý, là mẫu mực thành công.

Uy tín quốc tế của Đài Loan càng ngày càng gia tăng nhờ hàng điện tử rất đầy đủ trên thị trường quốc tế.

Ngoài ra với vốn dồi dào và có kỹ thuật công nghệ cao, doanh nhân Đài Loan đầu tư ra ngoại quốc khá lớn, trong đó nhiều nhất là tại TC.

Về mặt chính trị và ngoại giao, Đài Loan ở trong thế có nhiều bất lợi và nguy hiểm, vì bị TC đe dọa chiếm lấy. Một mặt bị đồng minh TC cắt giao thương, và không hợp tác kinh tế. Một mặt Đài Loan phải luôn o bế đồng minh để được hỗ trợ về quốc phòng. Thực tế, Đài Loan có thể an tâm, nhờ sự hậu thuẫn của Hoa kỳ và đồng minh Hoa kỳ.

4.Trường hợp Hong Kong



a/ Tổng quan

Hong Kong là một trong 4 Hồ kinh tế Á châu. Hong Kong có qui chế đặc biệt, từ nhượng địa của Anh. Từ 1997 khi hết hạn 99 năm, Anh trả lại cho TC, Hong Kong trở thành lãnh thổ tự trị của Cộng Hòa Nhân dân Trung hoa (TC), với qui chế “một quốc gia, hai hệ thống (one country, two

systems). Hong Kong có dân số 7,5 triệu người (2025).

Nguồn gốc chính của dân Hong Kong là những dân cũ ở đây từ lâu đời và tăng nhanh dần với những nhà trí thức, nhà tư sản trốn chạy CS, khi TC chiếm và cai trị lục địa từ 1949. Và sau đó, có nhiều người tiếp tục đào thoát tìm tự do và tìm sinh kế.

Chịu ảnh hưởng sâu đậm của nguyên tắc chính trị và kinh tế của Anh quốc, Hong Kong có mô hình “kinh tế tự do hoàn toàn”. Kinh tế tư nhân chiếm đa số tuyệt đối. Sinh hoạt chính trị và kinh tế theo kiểu dân chủ lập hiến của Anh quốc.

Trong 99 năm thuộc Anh, Hồng Kong có nền kinh tế phát triển rất mạnh, ngang ngửa với Singapore. Hong Kong là trung tâm mậu dịch, đầu tư và tài chánh lớn, có tầm cỡ quốc tế.

b/ Mức độ phát triển kinh tế rất cao

Hong Kong có mô hình kinh tế thị trường tự do (Free- market economy). Và nền kinh tế được vận hành theo nguyên tắc “Chính quyền không can thiệp” (non-interventionism). Theo World Index, 2022, xét định mức tự do kinh tế Hong Kong cho là “freest economy” với điểm 8.58. Vài con số cho thấy mức độ kinh tế rất cao:

Thu nhập đầu người (Per/capita): \$56.844 MK

GDP: \$428 tỷ (2025, Wikipedia)

Nhiều công ty đa quốc gia lớn có mặt tại Hong kong, hoạt động trong các lãnh vực xuất cảng, tài chánh, chứng khoán, bảo hiểm.

c/ Bài học từ Hong Kong

Sách lược kinh tế và chính trị

Thực trạng phát triển rất tốt của Hong Kong, thể hiện rõ sự liên kết và tác dụng hỗ trợ tương kinh tế tự do và chế độ dân chủ. Tức là tự do chính trị và tự do kinh tế phát triển cùng chiều.

Kinh tế Hong Kong bắt đầu phát triển từ đầu thập niên 1960, với tốc độ rất nhanh, từ 1961-1997 GDP tăng 180 lần (Wikipedia). HK nhận FDI cao hàng thứ ba trên thế giới (2013).

Hong Kong có hải cảng lớn thứ 7 thế giới, có thị trường chứng khoán lớn thứ 6 thế giới. Thuế khóa rất thấp, nên giá hàng hóa thấp.

Hong Kong vẫn thu hút đầu tư mạnh mẽ. Năm 2024 có tới 10.000 công ty từ ngoại quốc và từ lục địa TC đến thành lập ở Hong Kong.

Bộ máy vận hành và quản lý kinh tế

Như chúng ta biết, quản lý kinh tế vĩ mô là phần rất quan trọng cho hiệu quả kinh tế. Nghĩa là do bộ máy công quyền có hiệu năng và đạo đức hay không. Theo cơ quan World Economic Forum Network Index, chính quyền Hồng Kông được xếp hạng 4 trong các quốc gia Á châu (2011). Và Global Innovation Index, 2024, xếp Hồng Kông hạng 3 về quản lý tài chính trên toàn cầu. Cơ quan lượng giá Economic Freedom of the World cho Hong Kong đứng đầu về tự do kinh tế trong vùng.

Guồng máy công quyền Hong Kong được ảnh hưởng nhiều về hành chính công và khoa học kỹ thuật tốt của Anh, nên viên chức đã tỏ ra hữu hiệu và tương đối có đạo đức.

Chữ tín trong văn hóa cổ truyền.

Niềm tin là yếu tố quan trọng cho mọi hợp tác kinh doanh. Người Hong Kong giữ được chữ tín theo truyền thống văn hóa. Cho nên doanh nhân Hong Kong khi hợp tác với doanh nhân nước ngoài hoặc đi ra ngoài đầu tư không gặp khó khăn nhiều. Chúng đã thấy có rất nhiều công ty Hong Kong đầu tư ở ngoại quốc, trong đó rất nhiều ở Việt Nam.

Khó khăn khi trong tay Cộng Sản Trung quốc

Từ khi được trả lại cho TC (1997), Hong Kong gặp nhiều khó khăn về kinh tế và chính trị. Tình trạng này làm cho kinh tế Hong Kong giảm sút, và đời sống chính trị

của người dân Hong Kong bị va chạm. Mặc dù còn trong chế độ tự trị, nhưng chính quyền TC kiểm soát Hong Kong càng ngày càng nhiều. Trong tinh thần kiểm soát theo luật Basic Law for Hong Kong, chính quyền TC chen vào cơ quan lập pháp và hành pháp Hong Kong. Có nhiều cuộc biểu tình yêu cầu tự do.

Đối với TC, Hong Kong rất quan trọng, là cửa ngõ chính liên lạc với các nước tư bản, và là nguồn lợi kinh tế, về xuất cảng và FDI có lợi cho TC, đặc biệt là trong tình trạng có thương chiến với Hoa Kỳ. Một số công ty Hong Kong bị Hoa Kỳ chế tài. Nhiều công ty của Mỹ và một số nước tư bản khác rút khỏi Hong Kong.

Từ 1997, có nhiều nhà tư sản bỏ Hong Kong ra ngoài quốc sống. Vì tình trạng khó khăn và vì sau 49 năm Hong Kong hết qui chế tự trị, có thể trở thành đất của Trung Hoa lục địa.

Qua tóm lược về bài học phát triển của Hồ Á châu, là những điều quý báu cần suy nghĩ và tìm xem có điều gì có thể áp dụng được hay thích ứng cho quốc gia mình. Dĩ nhiên các quốc gia này không phải tốt hoàn toàn, không phải tấm gương toàn diện. Các quốc gia này cũng có những khuyết điểm, những sai sót và những yếu tố tiêu cực. Sự phát triển nào cũng có cái giá phải trả.

Vấn đề được nêu ra ở đây là liệu VN học được điều gì ở Hồ kinh tế, VN có đủ khả năng phát triển mạnh và toàn diện kinh tế như đã mơ ước và gần như khẳng định, hầu đem lại nhiều phúc lợi cho đất nước và cho toàn xã hội? Đó là vấn đề của phần III sẽ được trình bày trong số báo tiếp sau.

III. Việt Nam: Mơ Ước Hồ Kinh Tế Khó Thành *

*(Còn tiếp)

Nguyễn Bá Lộc

California, ngày 10 tháng 2 năm 2026

Tài liệu Tham khảo

1. Kokila Doshi, Wikipedia. “The Rush to Privatize in Asia- Pacific Regional Economies”
2. Human Progress, 2021, “The Asian Tigers Are a Model for the Global South”

3. World Bank Report, 2018, “Factor accumulation and macroeconomic management”
4. Carlos Nuno Castel Branco, 1996, “What are the Major Lessons From East Asian Development Experiences”
5. Emerson Chapin, 2017, “Success Story in South Korea”
6. Berkeley Economic Review, “Analysis of Taiwanese Economic History and Policies”
7. Kolila Dishi, “The Rush to Privatize in Asia-Pacific Region”.
8. World Bank, 2025, “Freedom of Economy”
9. Bryan Caplan, Mason University, “Singapore’s Political Economy: Two Paradoxs”
10. Sagin Park, “Government Role in Korea’s Economic Development”
11. Havard Political Review, 2012, “Vietnam : The hidden Asian Tiger”
12. American Press, 2025 “Vietnam on Track to become Asian’s next Tiger Economy”
13. Oleksands Zholud, 2017 “Korea: Cause of Tremendous Growth”
14. Ana Maria Santacreu, Heting Zhu, 2018, “How did South Korea Develop so Quicly”
15. IndexMundi, 2017, “South Korea Economy Overview”
16. Vietnam Briefing, 2025, “Vietnam’s economic outlook going forward”
17. Trung tâm luật pháp Vietnam, Nghị Quyết 68/TW, ngày 4 tháng 5 2025 của Bộ chính trị.
18. Foundation for Economic Education, 2024, “How Vietnam went from The Poorest Economy in The World to a Prosperous Exporter.”
19. Wikipedia, 2024, “Economy of Singapore”
20. Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Bối Cảnh Cuộc Bầu Cử Giữa Nhiệm Kỳ (Midterm Election) 2026 và Triển Vọng Kiểm Soát Quốc Hội

Nguyễn Quang Dũng



Tổng thống Donald J. Trump đọc Thông điệp Liên bang trước lưỡng viện Quốc hội vào Thứ Ba, ngày 4 tháng 3 năm 2025, tại Phòng họp Hạ viện thuộc Tòa nhà Quốc hội Hoa Kỳ ở Washington, D.C. (Official White House Photo by Andrea Hanks)

Tóm Tắt

Cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ Hoa Kỳ 2026 sẽ diễn ra vào ngày 3 tháng 11 năm 2026, với 435 ghế Hạ viện và 35 ghế Thượng viện được tranh cử. Báo cáo này phân tích tình hình chính trị hiện tại dựa trên dữ liệu thăm dò mới nhất, xu hướng lịch sử và đánh giá các bang mấu chốt từ góc độ trung lập và khách quan.

I. Bối Cảnh Chính Trị

Cấu trúc Quốc hội Hiện tại

Sau cuộc bầu cử tháng 11 năm 2024, Đảng Cộng hòa nắm quyền kiểm soát cả hai viện với 220 ghế Hạ viện (so với 215 ghế của Đảng Dân chủ) và 53 ghế Thượng viện (so với 47 ghế của Đảng Dân chủ). Tổng thống Donald Trump đã nhậm chức nhiệm kỳ thứ hai vào ngày 20 tháng 1 năm 2025.

Xu hướng Lịch sử

Lịch sử chính trị Hoa Kỳ cho thấy đảng của tổng thống đương nhiệm thường gặp bất lợi trong các cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ. Kể từ sau Thế chiến II, đảng của tổng thống đương nhiệm đã mất ghế Hạ viện trong 18 trong số 20 cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ, với mức tổn thất trung bình khoảng 25 ghế. Tuy nhiên, kết quả cụ thể phụ thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm tỷ lệ ủng hộ tổng thống, tình hình kinh tế và phẩm chất ứng cử viên.

II. Tỷ Lệ Ủng Hộ Và Dự Luận

Tỷ lệ Ủng hộ Tổng thống Trump

Tính đến cuối tháng 1 năm 2026, các cuộc thăm dò cho thấy:

- Tỷ lệ ủng hộ chung của Tổng thống Trump dao động từ 37-44%, với tỷ lệ không tán thành từ 54-59% theo các cuộc thăm dò từ Pew Research (37% ủng hộ), Reuters/Ipsos (38% ủng hộ), CNN (39% ủng hộ), Morning Consult (45% ủng hộ) và Fox News (44% ủng hộ).
- Tỷ lệ ủng hộ ròng trung bình khoảng -12 đến -19 điểm (chênh lệch giữa tỷ lệ ủng hộ và không ủng hộ), theo Silver Bulletin và các cuộc thăm dò khác.
- Tỷ lệ ủng hộ về kinh tế thấp hơn mức ủng hộ chung, phản ánh mối quan ngại của cử tri về giá cả và lạm phát.

Thăm dò Bầu cử Chung (Generic Congressional Ballot)

“Thăm dò bầu cử chung (generic ballot – hỏi chọn đảng phái, không nêu tên ứng viên) đo lường xu hướng bỏ phiếu cho Quốc hội:

- Theo cuộc thăm dò Fox News (tháng 1/2026): Đảng Dân chủ dẫn trước 52% so với 46% của Đảng Cộng hòa, mức chênh lệch 6 điểm.
- Các cuộc thăm dò khác cho thấy Đảng Dân chủ có lợi thế từ 3-6 điểm, một xu hướng thuận lợi cho đảng đối lập.

Mối quan tâm của Cử tri

Theo các cuộc thăm dò:

- Kinh tế, giá cả và chăm sóc sức khỏe là ba vấn đề quan trọng nhất đối với cử tri.
- Đảng Dân chủ được xem là có lợi thế về các vấn đề chăm sóc sức khỏe (+21 điểm), hỗ trợ tầng lớp trung lưu (+14 điểm) và khả năng chi trả (+14 điểm).
- Đảng Cộng hòa được xem là mạnh hơn về an ninh biên giới (+15 điểm), an ninh quốc gia (+12 điểm) và vấn đề nhập cư (+5 điểm).

III. Cuộc Tranh Cử Hạ Viện

Bối cảnh Chung

Đảng Dân chủ cần lật 3 ghế để giành lại quyền kiểm soát Hạ viện. Theo các tổ chức phân tích chính trị uy tín như Cook Political Report, Inside Elections và Sabato's Crystal Ball, có khoảng 20-30 ghế được xếp vào hạng mục “cạnh tranh” (Toss-up hoặc Lean), trong đó phần lớn đang do Đảng Cộng hòa nắm giữ.

Các Khu vực Mấu chốt

Các bang và khu vực quan trọng:

- California: Nhiều khu vực bầu cử cạnh tranh, đặc biệt ở các quận ngoại ô.
- New York: Một số ghế Cộng hòa ở khu vực ngoại ô New York City có thể bị đe dọa.
- Pennsylvania, Michigan, Wisconsin: Các bang dao động với nhiều khu vực bầu cử cạnh tranh.
- Arizona, Nevada, Texas: Các bang có xu hướng chuyển dần sang cạnh tranh hơn.

IV. Cuộc Tranh Cử Thượng Viện

Bối cảnh Chung

Đảng Dân chủ cần lật 4 ghế để giành lại quyền kiểm soát Thượng viện (giả định Phó Tổng thống JD Vance sẽ bỏ phiếu quyết định trong trường hợp hòa 50-50). Đảng Cộng hòa phải bảo vệ 22 trong số 35 ghế đang tranh cử, nhưng hầu hết các ghế này ở các bang nghiêng mạnh về đảng Cộng hòa.

Các Bang Mấu chốt

Maine

Thượng nghị sĩ Susan Collins (Cộng hòa) đang tranh cử tại bang duy nhất do Cộng hòa nắm giữ mà Kamala Harris thắng năm 2024. Tuy nhiên, Collins có danh tiếng cá

nhân mạnh và đã giành chiến thắng trong các chu kỳ thuận lợi cho Đảng Dân chủ trước đây. Thống đốc Janet Mills (Dân chủ) được kỳ vọng có thể ra tranh cử.

North Carolina

Ghế mở sau khi Thượng nghị sĩ Thom Tillis nghỉ hưu. Cựu Thống đốc Roy Cooper (Dân chủ) đang tranh cử, được coi là ứng cử viên mạnh. Về phía Cộng hòa, Michael Whatley đang tranh cử với sự ủng hộ của TT Trump. Trump thắng North Carolina với biên độ hơn 3 điểm năm 2024.

Michigan

Ghế mở sau khi Thượng nghị sĩ Gary Peters nghỉ hưu. Đại diện Haley Stevens dẫn đầu trong cuộc đua sơ bộ Dân chủ. Cựu Dân biểu Mike Rogers là ứng cử viên hàng đầu bên Cộng hòa. Michigan có xu hướng cạnh tranh cao và Trump thắng bang này với biên độ rất nhỏ năm 2024.

Georgia

Thượng nghị sĩ Jon Ossoff (Dân chủ) đang tranh cử tại bang mà Trump thắng năm 2024. Đây được xem là ghế dễ bị tổn thương nhất của Đảng Dân chủ. Sau khi Thống đốc Brian Kemp từ chối tranh cử, cuộc đua sơ bộ Cộng hòa diễn ra giữa các Đại diện Buddy Carter, Mike Collins và cựu huấn luyện viên bóng đá Derek Dooley.

Ohio

Cuộc bầu cử đặc biệt để lấp chỗ trống của JD Vance. Cựu Thượng nghị sĩ Sherrod Brown (Dân chủ) đang tranh cử lại ghế mà ông mất năm 2024. Ông đối đầu với Thượng nghị sĩ được bổ nhiệm Jon Husted (Cộng hòa). Ohio nghiêng Cộng hòa mạnh, nhưng Brown có lịch sử thắng cử tại bang này.

V. Các Kịch Bản Khả Năng

Kịch bản Cơ sở

Dựa trên xu hướng hiện tại, kịch bản có khả năng nhất là Đảng Dân chủ giành lại Hạ viện với đa số nhỏ (khoảng 220-228 ghế), trong khi Đảng Cộng hòa giữ được Thượng viện với đa số thu hẹp (51-52 ghế). Điều này sẽ tạo ra một chính quyền bị phân cực.

Kịch bản Thuận lợi cho Đảng Cộng hòa

Nếu tình hình kinh tế cải thiện đáng kể, tỷ lệ ủng hộ Trump tăng lên và Đảng Cộng hòa thành công trong việc huy động cử tri, họ có thể giữ được Hạ viện và thậm chí

mở rộng đa số Thượng viện. Tuy nhiên, kịch bản này ít khả năng xảy ra dựa trên xu hướng hiện tại.

Kịch bản Thuận lợi cho Đảng Dân chủ

Nếu tình hình kinh tế xấu đi, tỷ lệ ủng hộ Trump tiếp tục giảm và Đảng Dân chủ huy động cử tri hiệu quả, họ có thể giành được một chiến thắng lớn tương tự như năm 2018, giành lại cả Hạ viện với đa số lớn (235-240 ghế) và có khả năng cả Thượng viện.

VI. Phân Tích Và Nhận Định

Các Yếu tố Quyết định

Kết quả cuộc bầu cử sẽ phụ thuộc vào:

- Tình hình kinh tế: Đây là yếu tố quan trọng nhất. Nếu kinh tế cải thiện trong 6-9 tháng tới, điều này có thể giúp Đảng Cộng hòa.
- Tỷ lệ ủng hộ tổng thống: Tỷ lệ ủng hộ hiện tại của TT Trump thấp hơn so với các tổng thống khác ở cùng thời điểm trong nhiệm kỳ thứ hai.
- Phẩm chất ứng cử viên: Các cuộc bầu cử sơ bộ sẽ quyết định phẩm chất ứng cử viên của mỗi đảng.
- Tỷ lệ đi bỏ phiếu: Đảng nào huy động cử tri hiệu quả hơn sẽ có lợi thế.
- Các sự kiện không lường trước: Khủng hoảng quốc tế, thảm họa tự nhiên hoặc các sự kiện chính trị lớn có thể thay đổi bối cảnh bầu cử.

Đánh giá Khách quan

Dựa trên dữ liệu hiện có, môi trường chính trị hiện tại thuận lợi cho Đảng Dân chủ do: (1) xu hướng lịch sử đứng về phía đảng đối lập trong bầu cử giữa nhiệm kỳ, (2) tỷ lệ ủng hộ thấp của tổng thống đương nhiệm, (3) lợi thế trong xu hướng bầu cử chung (generic ballot), và (4) mối quan ngại của cử tri về kinh tế. ***Tuy nhiên, còn gần 10 tháng đến ngày bầu cử và tình hình có thể thay đổi đáng kể. Đảng Cộng hòa có lợi thế về cấu trúc bản đồ Thượng viện và có thể tận dụng được các thành tựu chính sách nếu tình hình kinh tế cải thiện tích cực.***

VII. Kết Luận

Cuộc bầu cử giữa nhiệm kỳ 2026 đang định hình như một cuộc chiến chính trị quan trọng. Dựa trên phân tích khách quan các yếu tố hiện tại, Đảng Dân chủ có cơ hội tốt để giành lại quyền kiểm soát Hạ viện, trong khi Đảng Cộng hòa có khả năng giữ được Thượng viện với đa số thu hẹp.

Tuy nhiên, kết quả cuối cùng sẽ phụ thuộc vào nhiều yếu tố có thể thay đổi trong những tháng tới, bao gồm tình hình kinh tế, phẩm chất ứng cử viên, hiệu quả vận động tranh cử và các sự kiện không lường trước. Cả hai đảng đều có cơ hội và thách thức riêng, và cuộc bầu cử này sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với tương lai chính trị Hoa Kỳ trong những năm còn lại của thập kỷ.

NGUỒN THAM KHẢO

- Fox News Poll. (January 2026). “An early look at the 2026 midterms.” Truy cập ngày 29 tháng 1, 2026.
- Pew Research Center. (January 2026). “Confidence in Trump Dips.” Truy cập ngày 29 tháng 1, 2026.
- Silver Bulletin. (January 2026). “Trump Approval Rating: Latest Polls.” Truy cập ngày 18 tháng 1, 2026.
- Morning Consult. (January 2026). “Tracking Public Opinion of Trump’s Washington.” Truy cập ngày 12 tháng 1, 2026.
- Reuters/Ipsos Poll. (January 2026). Truy cập ngày 26 tháng 1, 2026.
- CNN Poll (conducted by SSRS). (January 2026). Truy cập ngày 9-12 tháng 1, 2026.
- Civiqs. (January 2026). “Donald Trump: Job Approval, Second Term.” Truy cập ngày 15 tháng 1, 2026.
- Cook Political Report. (2026). “2026 House Race Ratings.” Truy cập ngày 31 tháng 1, 2026.
- Inside Elections. (January 2026). “2026 House Election Forecast.” Truy cập ngày 15 tháng 1, 2026.
- 270toWin. (2026). “2026 House Election Interactive Map.” Truy cập ngày 15 tháng 1, 2026.
- Race to the WH. (2026). “Predictions for the Senate - 2026 Midterms.” Truy cập ngày 31 tháng 1, 2026.
- NBC News. (December 2025). “The 10 Senate races that will decide the balance of power in 2026.” Truy cập ngày 28 tháng 12, 2025.
- TIME Magazine. (January 2026). “Democrats See Path to Senate Control in 2026.” Truy cập ngày 26 tháng 1, 2026.
- Real Clear Politics. (2026). “Latest Polls 2026.” Truy cập ngày 31 tháng 1, 2026.
- Emerson College Polling. (January 2026). “January 2026 National Poll.” Truy cập ngày 31 tháng 1, 2026.



Vai Trò Của Cử Tri Người Mỹ Gốc Việt Trong Bầu Cử Giữa Nhiệm Kỳ 2026

Phó Thường Dân



Hàng ngàn người Mỹ Gốc Việt từ các tiểu bang tập trung về Eden Center, Fairfax County, Virginia tham gia cuộc vận động ủng hộ Liên Danh ứng cử viên Tổng Thống Trump-Pence năm 2020. Ảnh: NQD

Tóm Tắt

Cử tri người Mỹ gốc Việt là một nhóm cử tri đáng chú ý trong bối cảnh chính trị Hoa Kỳ, với khoảng 1,3 triệu cử tri đủ điều kiện trên toàn quốc⁽¹⁾. Khác với các nhóm người Mỹ gốc Á khác, cộng đồng người Mỹ gốc Việt có lịch sử chính trị phức tạp, với những đặc điểm độc đáo về thế hệ, địa lý và khuynh hướng chính trị.

Chỉ Số	Kết Quả
Cử tri đủ điều kiện	1,3 triệu; nhóm người Mỹ gốc Á lớn thứ 4
Tỷ lệ đi bầu (2024)	51% - thấp so với trung bình người Mỹ gốc Á
Liên kết đảng (2024)	42% Dân Chủ, 37% Cộng Hòa, 19% Độc lập
Tập trung địa lý	CA (38%), TX (14%), WA (5%), FL (3-4%), VA (3-4%)
Vai trò trong bầu cử	11% cử tri AAPI tại các tiểu bang chiến trường

Phát hiện quan trọng: Mặc dù có ý định tham gia chính trị cao (91% dự định bỏ phiếu), người Mỹ gốc Việt có một trong những tỷ lệ đi bầu thực tế thấp nhất (51%) trong các nhóm người Mỹ gốc Á⁽²⁾. Khoảng cách 40 điểm phần trăm này chỉ ra những rào cản cấu trúc và thông tin đáng kể.

Hồ Sơ Dân Số

Quy Mô và Đặc Điểm Dân Số

Theo dữ liệu điều tra dân số năm 2023, có hơn 2,3 triệu người Mỹ gốc Việt sinh sống tại Hoa Kỳ, chiếm vị trí thứ tư trong các nhóm dân tộc người Mỹ gốc Á sau người Trung Quốc, Ấn Độ và Philippines⁽³⁾. Trong số này, khoảng 1,3 triệu là cử tri đủ điều kiện (công dân từ 18 tuổi trở lên).

Đặc điểm nhân khẩu học chính:

- 60% là người nhập cư sinh ra ở nước ngoài, 40% sinh ra tại Mỹ⁽⁴⁾
- Tỷ lệ nhập tịch 78% - cao nhất trong các nhóm nhập cư⁽⁵⁾
- Tuổi trung bình: 38,0 tuổi (cao hơn tuổi trung bình của người Mỹ gốc Á là 34,7)⁽⁶⁾
- Trình độ học vấn: 36% có bằng cử nhân hoặc cao hơn (so với 56% của người Mỹ gốc Á)⁽⁷⁾

Phân Bố Địa Lý

Cộng đồng người Mỹ gốc Việt tập trung chủ yếu ở một số tiểu bang⁽⁸⁾:

Tiểu Bang	Dân Số	% Tổng Số	Cử Tri Đủ Điều Kiện
California	770,000	38%	~481,000
Texas	310,000	14%	~182,000
Washington	105,000	5%	~65,000
Florida	100,000	3-4%	~62,000
Virginia	~77,000	3-4%	~48,000
Georgia	70,000	3-4%	~43,000

Các khu vực đô thị có dân số người Mỹ gốc Việt lớn:

- Orange County, CA (Little Saigon): 135,548 người
- Santa Clara County, CA: 99,986 người
- Los Angeles County, CA: 78,102 người
- Harris County, TX (Houston): 55,489 người
- King County, WA (Seattle): 27,484 người
- Fairfax County, VA (vùng DC): 23,044 người

Xu Hướng Chính Trị và Bỏ Phiếu

Xu Hướng Liên Kết Đảng

Người Mỹ gốc Việt có hồ sơ chính trị khác biệt so với các nhóm người Mỹ gốc Á khác. Trong lịch sử, cộng đồng này có xu hướng ủng hộ Đảng Cộng Hòa, nhưng gần đây đã có những thay đổi đáng kể⁽⁹⁾.

Nhận diện đảng năm 2024:

- 42% nhận diện hoặc thiên về Đảng Dân Chủ (tăng từ 33% năm 2020)⁽¹⁰⁾
- 37% nhận diện hoặc thiên về Đảng Cộng Hòa (giảm từ 48% năm 2020)⁽¹¹⁾
- 19% tự nhận là độc lập⁽¹²⁾

Bối cảnh lịch sử: Vào năm 2020, 51% cử tri người Mỹ gốc Việt nhận diện hoặc thiên về Đảng Cộng Hòa, khiến họ trở thành nhóm người Mỹ gốc Á chính duy nhất nghiêng về GOP⁽¹³⁾. Sự thay đổi 11 điểm phần trăm hướng về Đảng Dân Chủ trong khoảng thời gian 2020-2024 phản ánh một sự tái sắp xếp đáng kể trong bối cảnh chính trị của cộng đồng.

Tỷ Lệ Cử Tri Đi Bầu

Một trong những phát hiện đáng chú ý nhất là khoảng cách lớn giữa ý định bỏ phiếu và tỷ lệ đi bầu thực tế ⁽¹⁴⁾:

Chỉ Số	2020	2024
Dự định bỏ phiếu	92%	91%
Tỷ lệ đi bầu thực tế	55%	51%
Khoảng cách	37 điểm	40 điểm

Người Mỹ gốc Việt có tỷ lệ đi bầu thực tế thuộc nhóm thấp nhất trong các nhóm người Mỹ gốc Á, mặc dù có ý định bỏ phiếu cao ⁽¹⁵⁾. Khoảng cách 40 điểm này cho thấy có những rào cản cấu trúc hoặc thông tin đáng kể ngăn cản việc chuyển đổi ý định thành hành động.

Xếp Hạng Ưu Tiên Về Các Vấn Đề Chính Sách

Theo dữ liệu khảo sát, cử tri người Mỹ gốc Việt xếp hạng mức độ quan trọng của các vấn đề chính sách như sau ⁽¹⁶⁾:

Vấn Đề	% Xếp Hạng Quan Trọng
Việc làm và kinh tế	86-89%
Lạm phát	85%
Chăm sóc sức khỏe	85%
Tội phạm và an toàn công cộng	80%
Di trú	76%
Kiểm soát súng	70%
Biến đổi khí hậu	62%
Quyền sinh sản	60%

Vai Trò Cử Tri Người Mỹ Gốc Việt Tại Các Tiểu Bang “Chiến Trường”

Người Mỹ gốc Việt chiếm 11% cử tri người Mỹ gốc Á (AAPI - Asian American and Pacific Islander) đủ điều kiện tại các tiểu bang chiến trường ⁽¹⁷⁾. Trong cuộc bầu cử năm 2020, tỷ lệ cử tri người Mỹ gốc Á đã vượt quá khoảng cách thắng lợi tại một số tiểu bang quan trọng như Arizona, Georgia, Nevada, North Carolina và Pennsylvania ⁽¹⁸⁾.

California

California có cộng đồng người Mỹ gốc Việt lớn nhất quốc gia với khoảng 481,000 cử tri đủ điều kiện. Khu vực Orange County, đặc biệt là Little Saigon, có 135,548 người Mỹ gốc Việt⁽¹⁹⁾.

Các địa hạt bầu cử quốc hội quan trọng:

- CA-40: Dân biểu Young Kim (R) - Đông Orange County⁽²⁰⁾
- CA-45: Dân biểu Derek Tran (D) - Little Saigon; người Mỹ gốc Việt đầu tiên đại diện cho khu vực này, thắng với biên độ hẹp năm 2024⁽²¹⁾
- CA-47: Dân biểu Dave Min (D) - Ven biển Orange County⁽²²⁾

Texas

Texas có khoảng 182,000 cử tri người Mỹ gốc Việt đủ điều kiện, chủ yếu tập trung tại khu vực Houston (Harris County)⁽²³⁾. Dân biểu tiểu bang Hubert Vo (D) là người Mỹ gốc Việt duy nhất trong cơ quan lập pháp Texas, phục vụ hơn 20 năm⁽²⁴⁾.

Thách thức: Cộng đồng người Việt ở Houston có mức độ tham gia cử tri thấp hơn so với các khu vực khác, mặc dù có quy mô dân số tương đương⁽²⁵⁾.

Georgia

Georgia là tiểu bang dao động với khoảng 43,000 cử tri người Mỹ gốc Việt đủ điều kiện. Thượng nghị sĩ Jon Ossoff (D) sẽ tìm kiếm tái cử vào năm 2026⁽²⁶⁾.

Các chiến dịch gần đây đã sử dụng tiếp cận đa ngôn ngữ bằng tiếng Việt và đã đạt được kết quả tích cực trong việc tăng tỷ lệ ghi danh và tham gia bầu cử⁽²⁷⁾.

Pennsylvania

Pennsylvania có khoảng 30,000 cử tri người Mỹ gốc Việt, chủ yếu ở khu vực Philadelphia. Các tổ chức như API PA đã khai triển các chương trình tiếp cận cộng đồng⁽²⁸⁾.

Trở Ngại Đối Với Sự Tham Gia Bầu Cử

Rào Cản Ngôn Ngữ

Khoảng 60% người Mỹ gốc Việt sinh ra ở nước ngoài, và nhiều người trong số họ có khả năng tiếng Anh hạn chế⁽²⁹⁾. Mặc dù Đạo luật Quyền Bỏ phiếu yêu cầu hỗ trợ

ngôn ngữ, việc thực thi không đồng đều, và nhiều tài liệu bầu cử chưa được dịch đầy đủ hoặc chính xác ⁽³⁰⁾.

Thông Tin Sai Lệch

Các nghiên cứu đã ghi nhận vấn đề thông tin sai lệch lan truyền trong các phương tiện truyền thông tiếng Việt, đặc biệt là trên các nền tảng mạng xã hội và đài phát thanh/truyền hình tiếng Việt ⁽³¹⁾. Điều này tạo ra những thách thức trong việc cử tri tiếp cận thông tin chính xác về các ứng cử viên và vấn đề chính sách ⁽³²⁾.

Rào Cản Cấu Trúc

Các rào cản cấu trúc bao gồm:

- Quy trình đăng ký cử tri phức tạp và thiếu thông tin rõ ràng bằng tiếng Việt ⁽³³⁾
- Giờ làm việc kéo dài (nhiều người làm việc nhiều giờ hoặc nhiều công việc), khiến việc đi bỏ phiếu khó khăn ⁽³⁴⁾
- Thiếu địa điểm bỏ phiếu thuận tiện trong các khu vực có cộng đồng người Việt ⁽³⁵⁾
- Nhầm lẫn về phương thức bỏ phiếu (bỏ phiếu sớm, bỏ phiếu qua thư, v.v.) ⁽³⁶⁾

Yếu Tố Lịch Sử và Tâm Lý

Kinh nghiệm di cư và lịch sử của cộng đồng người Mỹ gốc Việt đã ảnh hưởng đến cách họ tiếp cận chính trị. Nhiều thế hệ đầu tiên có ký ức về chiến tranh Việt Nam và chế độ cộng sản, điều này đã hình thành quan điểm chính trị của họ ⁽³⁷⁾. Tuy nhiên, các thế hệ trẻ hơn có quan điểm và ưu tiên khác biệt đáng kể ⁽³⁸⁾.

Sự Khác Biệt Giữa Các Thế Hệ

Có sự khác biệt rõ rệt về khuynh hướng chính trị giữa các thế hệ người Mỹ gốc Việt ⁽³⁹⁾:

Thế hệ di dân (sinh trước 1975):

- Xu hướng ủng hộ Đảng Cộng Hòa mạnh mẽ hơn
- Ưu tiên các vấn đề như chống chủ nghĩa cộng sản, an ninh quốc gia
- Tiếp cận thông tin chủ yếu qua các phương tiện truyền thông tiếng Việt truyền thống

Thế hệ 1.5 và thế hệ thứ hai (sinh sau 1975 hoặc sinh tại Mỹ):

- Đa dạng hơn về khuynh hướng chính trị, nhiều người ủng hộ Đảng Dân Chủ hoặc độc lập
- Ưu tiên các vấn đề như bình đẳng chủng tộc, môi trường, giáo dục, chăm sóc sức khỏe
- Tiếp cận thông tin qua nhiều nguồn, bao gồm cả tiếng Anh và tiếng Việt

Sự chuyển đổi thế hệ này đang thay đổi bối cảnh chính trị của cộng đồng và tạo ra cơ hội cho cả hai đảng trong việc tiếp cận cử tri ⁽⁴⁰⁾.

Các Mô Hình Huy Động Cử Tri Thành Công

Nghiên cứu đã xác định một số phương pháp hiệu quả trong việc tăng tỷ lệ tham gia của cử tri người Mỹ gốc Việt ⁽⁴¹⁾:

Tiếp Cận Đa Ngôn Ngữ

Các chương trình cung cấp tài liệu bằng tiếng Việt và tiếng Anh, cùng với nhân viên song ngữ, đã được chứng minh là có hiệu quả cao ⁽⁴²⁾. Điều quan trọng là dịch thuật phải chính xác và phù hợp văn hóa, không chỉ dịch theo nghĩa đen.

Người Truyền Đạt Đáng Tin Cậy

Thông tin từ các nhà lãnh đạo cộng đồng, tổ chức phi lợi nhuận, nhà cung cấp dịch vụ y tế và các tổ chức văn hóa được tin tưởng hơn so với thông điệp chính trị trực tiếp ⁽⁴³⁾. Các nghiên cứu cho thấy tiếp cận qua mạng lưới cá nhân và cộng đồng tăng khả năng bỏ phiếu lên 66% ⁽⁴⁴⁾.

Tham Gia Quanh Năm

Thay vì chỉ tiếp cận trong mùa bầu cử, các tổ chức thành công duy trì sự hiện diện trong cộng đồng quanh năm, xây dựng mối quan hệ lâu dài ⁽⁴⁵⁾.

Đề Nghị Cho Các Tổ Chức Dân Sự

Dựa trên các nghiên cứu và thực tiễn tốt nhất, các đề nghị sau đây có thể giúp cải thiện tỷ lệ tham gia của cử tri người Mỹ gốc Việt:

Hành Động Ngắn Hạn (Ngay Lập Tức)

Các tổ chức dân sự nên:

- Thiết lập quan hệ đối tác với các tổ chức cộng đồng người Việt hiện có

- Xác định và đào tạo các nhà lãnh đạo cộng đồng có thể làm người truyền đạt đáng tin cậy
- Tiến hành đánh giá nhu cầu để hiểu các rào cản cụ thể tại từng khu vực
- Phát triển kế hoạch truyền thông đa ngôn ngữ

Hành Động Trung Hạn (3-6 Tháng)

Khai triển các chương trình:

- Giáo dục cử tri qua các diễn đàn cộng đồng và hội thảo
- Hỗ trợ đăng ký cử tri tại các địa điểm cộng đồng (chợ, nhà thờ, trung tâm văn hóa)
- Cung cấp thông tin so sánh ứng cử viên khách quan và không đảng phái
- Mua quảng cáo trong các phương tiện truyền thông tiếng Việt với thông tin cử tri

Hành Động Dài Hạn (Đến Ngày Bầu Cử)

Duy trì và mở rộng:

- Sự hiện diện quanh năm trong cộng đồng
- Các hoạt động gõ cửa và gọi điện thoại trong 60 ngày cuối
- Hỗ trợ cử tri đa ngôn ngữ vào ngày bầu cử
- Dịch vụ hỗ trợ cử tri (chở đến địa điểm bỏ phiếu, giải đáp thắc mắc)

Chỉ Số Đo Lường Thành Công

Để đánh giá hiệu quả, cần theo dõi:

- Tăng trưởng ghi danh cử tri trong cộng đồng người Mỹ gốc Việt
- Cải thiện tỷ lệ đi bầu (mục tiêu: thu hẹp khoảng cách 40 điểm giữa ý định và thực tế)
- Số lượng cử tri được tiếp cận (gõ cửa, cuộc gọi, tin nhắn)
- Tham dự tại các sự kiện giáo dục cử tri
- Cải thiện kiến thức về quy trình bầu cử (qua khảo sát trước/sau)

Kết Luận

Cử tri người Mỹ gốc Việt đại diện cho một nhóm cử tri quan trọng và phức tạp trong bầu cử giữa nhiệm kỳ 2026. Với 1,3 triệu cử tri đủ điều kiện tập trung ở các tiểu bang chiến trường, cộng đồng Người Mỹ Gốc Việt có tiềm năng ảnh hưởng đáng kể đến kết quả bầu cử.

Các phát hiện chính:

Thách thức: Khoảng cách 40 điểm giữa ý định bỏ phiếu (91%) và tỷ lệ đi bầu thực tế (51%) là một trong những tỷ lệ thấp nhất trong các nhóm người Mỹ gốc Á. Khoảng

cách này phản ánh các rào cản về ngôn ngữ, thông tin sai lệch, trở ngại cấu trúc và yếu tố lịch sử.

Cơ hội: Ý định bỏ phiếu cao cho thấy sự quan tâm dân sự mạnh mẽ có thể được chuyển đổi thành tham gia thực tế thông qua giáo dục cộng đồng có mục tiêu. Các mô hình thành công đã chứng minh rằng tiếp cận qua người truyền đạt đáng tin cậy, hỗ trợ đa ngôn ngữ và tham gia quanh năm có thể tăng khả năng bỏ phiếu lên 66%.

Thay đổi chính trị: Cộng đồng đang trải qua sự tái sắp xếp chính trị với sự thay đổi 11 điểm hướng về Đảng Dân Chủ từ 2020 đến 2024. Tuy nhiên, 19% vẫn tự nhận là độc lập, cho thấy cộng đồng không còn là khối cử tri với xu hướng chính trị một màu.

Các yếu tố quan trọng nhất cho sự thành công trong việc tăng tỷ lệ tham gia bao gồm: tiếp cận ngôn ngữ, người truyền đạt đáng tin cậy, tham gia quanh năm, chống thông tin sai lệch, và hỗ trợ thực tế với quy trình bầu cử.

Bầu cử giữa nhiệm kỳ 2026 mang đến cơ hội để thu hẹp khoảng cách tham gia và bảo đảm tiếng nói của cử tri người Mỹ gốc Việt được lắng nghe trong các cuộc đua quan trọng. Điều này đòi hỏi đầu tư chiến lược từ các tổ chức dân sự, tiếp cận phù hợp văn hóa, và gắn kết dài hạn với cộng đồng.

Các nỗ lực giáo dục cộng đồng cần bắt đầu từ bây giờ để xây dựng cơ sở hạ tầng, mối quan hệ và hệ sinh thái thông tin cần thiết cho năm 2026.

Phó Thường Dân

Tháng 1/2026

Chú Thích và Tài Liệu Tham Khảo

¹ U.S. Census Bureau, American Community Survey 2023; APIAVote, 2024 AAPI Voter Demographics

² AAPI Data & APIAVote, 2024 Asian American Voter Survey

³ U.S. Census Bureau, American Community Survey 2023

⁴ Migration Policy Institute, 2023, Vietnamese Immigrants in the United States

⁵ U.S. Census Bureau, American Community Survey 2023

⁶ U.S. Census Bureau, American Community Survey 2023

⁷ U.S. Census Bureau, American Community Survey 2023

- ⁸ APIAVote, 2024 AAPI Voter Demographics - State Fact Sheets
- ⁹ AAPI Data & APIAVote, 2024 Asian American Voter Survey
- ¹⁰ AAPI Data, 2024 Guide to AAPI Public Opinion
- ¹¹ AAPI Data, 2024 Guide to AAPI Public Opinion
- ¹² AAPI Data & APIAVote, September 2024 AAPI Voter Survey
- ¹³ Pew Research Center, 2024, Key Facts about Asian American Voters in 2024
- ¹⁴ AAPI Data & APIAVote, 2024 Asian American Voter Survey
- ¹⁵ Asian Americans Advancing Justice - AAJC et al., 2024 Asian American Voter Survey
- ¹⁶ AAPI Data & APIAVote, 2024 Asian American Voter Survey
- ¹⁷ APIAVote, 2024 AAPI Voter Demographics
- ¹⁸ Ramakrishnan et al., 2024, Asian American Political Participation: Emerging Constituents and Their Political Identities
- ¹⁹ U.S. Census Bureau, American Community Survey 2023; APIAVote State Fact Sheets 2024
- ²⁰ Cook Political Report, 2024 House Race Ratings - California Districts
- ²¹ Cook Political Report, 2024 House Race Ratings - California Districts
- ²² Cook Political Report, 2024 House Race Ratings - California Districts
- ²³ U.S. Census Bureau, American Community Survey 2023; Viet Vote, 2024
- ²⁴ Viet Vote, Texas Vietnamese American Community Mobilization 2024
- ²⁵ Viet Vote, 2024, Texas Vietnamese American Community Mobilization
- ²⁶ Asian American Advocacy Fund, 2025 Georgia Asian American Voter Engagement Report
- ²⁷ Asian American Advocacy Fund, 2025 Georgia Asian American Voter Engagement Report
- ²⁸ API PA, 2025, Pennsylvania Asian American Voter Mobilization Results

- ²⁹ Migration Policy Institute, 2023, Vietnamese Immigrants in the United States
- ³⁰ Asian Americans Advancing Justice, 2024, Language Access in Elections: Best Practices Guide
- ³¹ UCLA Asian American Studies Center, 2023, Vietnamese American Media Landscape and Political Information Ecosystems
- ³² Brennan Center for Justice, 2024, Disinformation Campaigns Targeting Asian American Communities
- ³³ Asian Americans Advancing Justice, 2024, Language Access in Elections: Best Practices Guide
- ³⁴ AAPI Data & APIAVote, 2024 Asian American Voter Survey
- ³⁵ Asian Americans Advancing Justice, 2024, Language Access in Elections: Best Practices Guide
- ³⁶ AAPI Data & APIAVote, 2024 Asian American Voter Survey
- ³⁷ Lieu, N. T., 2021, The American Dream in Vietnamese, Temple University Press
- ³⁸ PIVOT, 2024, Young Vietnamese American Civic Engagement Report
- ³⁹ PIVOT, 2024, Young Vietnamese American Civic Engagement Report; AAPI Data, 2024 Guide to AAPI Public Opinion
- ⁴⁰ Ramakrishnan et al., 2024, Asian American Political Participation
- ⁴¹ VietAmVote, 2024, Vietnamese American Voter Engagement Strategies
- ⁴² Asian Americans Advancing Justice, 2024, Language Access in Elections: Best Practices Guide
- ⁴³ VietAmVote, 2024, Vietnamese American Voter Engagement Strategies
- ⁴⁴ Asian American Advocacy Fund, 2025, Georgia Asian American Voter Engagement Report
- ⁴⁵ VietAmVote, 2024, Vietnamese American Voter Engagement Strategies; PIVOT, 2024

Tết Việt ở Hải Ngoại – Sự Dung Hòa Giữa Các Thế Hệ

Mai Thanh Tuyết



Năm Ngọ năm 2026 có phải là năm may mắn không? Hãy tận dụng tối đa năm Ngọ, một năm tốt lành mang đến sự chuyển đổi, phát triển và thịnh vượng.

Tết Nguyên Đán năm 2026 đánh dấu sự khởi đầu của năm Ngọ Lửa, kéo dài từ ngày 17 tháng 2 năm 2026 đến ngày 5 tháng 2 năm 2027. Đại diện cho năng lượng, sự phiêu lưu và tham vọng, năm Ngọ Lửa được dự đoán sẽ mang đến những thay đổi nhanh chóng, mang tính đột phá và táo bạo, báo hiệu một thời kỳ cần hành động chủ động, dũng cảm và theo đuổi mục tiêu một cách quyết liệt.

Những khía cạnh chính của năm Ngọ Lửa 2026

Nguyên tố Lửa: Năm 2026 kết hợp bản chất năng động, độc lập của con Ngựa với nguyên tố Lửa, làm tăng cường năng lượng của nó, có thể đại diện cho một thời kỳ đầy đam mê nhưng cũng tiềm ẩn những thay đổi nhanh chóng và hỗn loạn.

Ý nghĩa: Con Ngựa là biểu tượng của sự chăm chỉ, dũng cảm, kiên cường và nhanh nhẹn trong tử vi Trung Quốc.

Các năm trước: Các năm Ngọ gần đây bao gồm 1930, 1942, 1954, 1966, 1978, 1990, 2002, 2014 và 2026.

Ý nghĩa văn hóa: Là con giáp thứ bảy trong chu kỳ 12 năm, con ngựa được coi là biểu tượng của tài năng và sự cao quý, và năm nay được kỳ vọng sẽ khuyến khích sự táo bạo, kết nối mạng lưới và hành động xã hội.

Dự đoán: Năm nay được dự đoán sẽ mang lại "sự tiến lên phía trước", khuyến khích mọi người đưa ra những lựa chọn nhanh chóng, quyết đoán và đón nhận sự thay đổi trong cả cuộc sống cá nhân và bối cảnh toàn cầu rộng lớn hơn.

Năm nay hứa hẹn sẽ năng động và nhanh chóng, thúc giục các cá nhân tận dụng những phẩm chất của con Ngựa, đặc biệt là Ngựa Lửa, để phát triển cá nhân và nghề nghiệp.

Tết Nguyên Đán là dịp lễ được người Việt trân trọng nhất. Tuy nhiên, đối với những người Việt sống ở hải ngoại, Tết không còn đơn thuần là một ngày lễ; nó trở thành một thử thách về bản sắc văn hóa, sự gắn kết gia đình và kết nối cộng đồng. Việc trải nghiệm Tết ở nước ngoài đòi hỏi phải cân bằng giữa ký ức và kỳ vọng của nhiều thế hệ, đồng thời thích nghi với thực tế xã hội và văn hóa của nơi cư trú.

1- Nhận thức về sự khác biệt giữa Tết Nguyên Đán ở Bắc Trung Nam

Tết Nguyên Đán là dịp lễ quan trọng nhất trong năm của người Việt, không chỉ là thời gian sum họp gia đình mà còn là khoảnh khắc để mỗi người hoài niệm về truyền thống, gửi gắm lời cầu chúc an lành và thể hiện tinh thần văn hóa dân tộc. Mặc dù chung một tên gọi, Tết ở ba miền Bắc, Trung, Nam lại mang những sắc thái khác nhau, phản ánh qua sự khác biệt về khí hậu, lịch sử và thói quen sinh hoạt của từng vùng.

Ở **miền Bắc**, không khí Tết thường trang nghiêm, âm áp nhưng cũng có chút se lạnh của mùa Đông. Người Bắc chú trọng đến các nghi thức truyền thống như dọn dẹp nhà cửa, lau chùi bàn thờ tổ tiên, chuẩn bị mâm cỗ đầy đủ với bánh chưng vuông, giò chả, dưa hành và nem rán. Hoa đào, quất và câu đối đỏ trở thành những biểu tượng không thể thiếu, góp phần tạo nên vẻ đẹp vừa trang nhã vừa rực rỡ cho ngày đầu năm. Lì xì cho trẻ em là một nét đẹp quen thuộc, trong khi các trò chơi dân gian như cờ tướng, đánh đu, ô ăn quan vẫn được giữ gìn để trẻ em vui chơi, gắn kết gia đình.

Miền Trung mang một sắc thái khác, Tết ở đây thường thanh tịnh, trang nghiêm và đôi khi trầm lắng, phản ánh khí hậu lạnh hoặc mưa phùn hết sức đặc biệt. Người miền Trung cũng dọn dẹp nhà cửa, chuẩn bị mâm cỗ thờ cúng tổ tiên, nhưng thường gói bánh tét nhỏ, kết hợp xôi, thịt kho và canh măng. Mâm cỗ miền Trung thường giản dị nhưng cân đối, ít món cầu kỳ so với miền Nam nhưng vẫn đầy đủ vị ngọt, mặn, chua. Lì xì ít phổ biến, nhưng lời chúc và câu ca dao tục ngữ vẫn được trao gửi để thể hiện tình cảm và đạo lý. Một phong tục quan trọng khác là đi lễ chùa cầu may, đặc biệt vào những ngày đầu năm. Tết miền Trung ít ồn ào, mọi hoạt động đều mang màu sắc trầm lắng, nhấn mạnh giá trị gia đình và tâm linh. Giống miền Bắc, người miền Trung cũng coi trọng việc chọn người xông nhà đầu năm (người đầu tiên bước vào nhà sau giao thừa), nhưng thường chọn người có tuổi hợp với gia chủ và được cho là tốt lành, thành đạt. Tóm lại, Tết miền Trung vừa giữ gìn nghi thức cúng bái cổ truyền,



Mâm cỗ Tết 3 miền Bắc Trung Nam

vừa giản dị và đậm chất địa phương, tạo nên một không khí vừa trang trọng vừa ấm cúng, khác biệt so với miền Bắc (trọng nghi lễ) và miền Nam (trọng vui chơi, sum họp).

Ngược lại, **miền Nam** đón Tết trong không khí vui tươi, sôi nổi và ấm áp. Trời xuân phương Nam hiếm khi lạnh, vì vậy các hoạt động ngoài trời, như chợ hoa, hội xuân hay du xuân, diễn ra rất nhộn nhịp. Người Nam gói bánh tét tròn hoặc dài, trang trí nhà bằng mai vàng, cây kiểng và câu đối đỏ. Lì xì được trao rộng rãi, không chỉ cho trẻ em mà còn cho người lớn, như một cách thể hiện sự thân thiện, cởi mở. Ngoài ra, đi chùa cầu an, tham dự lễ hội Xuân, gặp gỡ bạn bè, họ hàng trở thành những phong tục quan trọng, góp phần tạo nên không khí Tết đầy sinh khí.

So sánh Tết ba miền, ta thấy mỗi vùng đều có nét riêng nhưng vẫn giữ được những giá trị chung là **sum họp gia đình, thờ cúng tổ tiên, gửi gắm lời chúc tốt đẹp và gìn giữ truyền thống văn hóa.**

Miền Bắc trang nghiêm và ấm áp; **miền Trung** thanh tịnh và trầm lắng; **miền Nam** vui tươi và náo nhiệt. Chính sự đa dạng này tạo nên bức tranh Tết Việt Nam phong phú, vừa khác biệt vừa thống nhất, phản ánh tính đa chiều của văn hóa dân tộc.

Dẫu phong tục có khác nhau, Tết vẫn là dịp để mọi người, từ Bắc chí Nam, cùng hướng về cội nguồn, trân trọng tình thân và niềm tin vào một năm mới an khang, thịnh vượng. Sự dung hợp của ba miền không chỉ là việc chia sẻ món ăn, câu chúc

hay trò chơi, mà còn là cách duy trì tình cảm, truyền thống và tinh thần Việt Nam trong mỗi gia đình và cộng đồng.

2- Nguyên tắc “dung hóa” Tết ba miền

Nói về việc tôn trọng những nét đặc trưng của mỗi miền, thiết nghĩ không bắt người Bắc phải “vui như miền Nam”, hay người Nam phải “cúng như kiểu miền Bắc”, hay, tất cả phải trang nghiêm, thanh tịnh và trầm mặc” như miền Trung. Tại sao chúng ta giữ nguyên các nghi thức, món ăn, phong tục đặc trưng, coi đó là biểu tượng đa dạng của văn hóa Việt của từng miền, để rồi từ đó tìm các điểm chung để kết nối như:

- Chia sẻ ý nghĩa nguyên sinh của Tết là sum họp gia đình, tưởng nhớ tổ tiên, chúc nhau khởi đầu tốt đẹp;
- Dùng hoạt động chung như bữa cơm Tết, chúc Tết, lì xì, hoa mai/đào, trò chơi dân gian... để kết nối Bắc Trung Nam, dù cách thực hiện khác nhau;
- Sáng tạo các hình thức “trộn nhưng không lẫn”. Ví dụ: trong một bữa tiệc Tết chung cộng đồng, có cả bánh chưng miền Bắc, bánh tét bé bé, nhun màu đỏ cẩm của miền Trung, và bánh tét “bự tổ chàng” của miền Nam, nhưng... mỗi loại giữ cách gói và trình bày riêng. Trẻ em và người lớn có thể tham gia cả hai cách gói, cả hai món ăn, giúp trải nghiệm đa dạng và hiểu sự khác biệt mà vẫn gắn kết;
- Kể chuyện, giải thích, giáo dục văn hóa; Giải thích cho con cháu hoặc khách tham dự tại sao miền Bắc làm như vậy, miền Nam làm khác, giúp họ thấy tính đa dạng là sức mạnh của dân tộc;
- Có thể làm “góc trải nghiệm” trong nhà hoặc cộng đồng như trình bày bánh chưng, bánh tét, mứt Tết, viết chữ thư pháp, câu đối... Từ đó, thúc đẩy tinh thần “hòa hợp trong đa dạng” như xem sự khác biệt là bổ sung, không xung đột.

3- Tết với các thế hệ Việt ở hải ngoại

Thế hệ đầu tiên, những người di cư khi đã trưởng thành mang theo ký ức trọn vẹn về Tết ở Việt Nam. Đối với họ, Tết không chỉ là nghi lễ mà còn là kho tàng văn hóa, là cách gìn giữ liên kết tổ tiên và truyền lại giá trị cho thế hệ sau. Việc tổ chức Tết ở nước ngoài giúp họ tái tạo ký ức này, tạo nên sự liên tục và ổn định trong một môi trường xa lạ.

Thế hệ thứ hai, lớn lên trong xã hội bản địa nhưng dưới ảnh hưởng truyền thống của cha mẹ, trải nghiệm Tết như một cuộc thương lượng giữa ký ức và thực tiễn. Họ giữ lại các giá trị nguyên thủy, như sum họp gia đình và tưởng nhớ tổ tiên, nhưng điều chỉnh hình thức nghi lễ cho phù hợp với đời sống thực tế hiện đại. **Thế hệ này đóng**

vai trò là cầu nối, chuyển hóa các nghi thức truyền thống thành trải nghiệm có ý nghĩa cho cả người già và trẻ.



Cộng đồng Người Việt vùng Hoa Thịnh Đốn trong Lễ Thượng Kỳ Mừng Một Tết Mừng Xuân Ảnh NQD

Thế hệ thứ ba, sinh ra và lớn lên hoàn toàn ở hải ngoại, nhìn Tết như một biểu tượng và trải nghiệm văn hóa. Nghi lễ thường ít quan trọng hơn bầu không khí trong những ngày lễ, các hoạt động chung, và ý nghĩa gắn kết bản sắc mà nó mang lại. Sự tham gia của họ thường mang tính sáng tạo và vui chơi, tập trung vào trải nghiệm hơn là tuân thủ nghi thức. Thế hệ này không muốn bị áp đặt trong khuôn khổ mang từ Việt Nam ra hải ngoại.

4- Sự khác biệt về Tết theo vùng miền trong nước

Ngoài sự khác biệt về thế hệ, Tết còn khác nhau theo vùng miền trong nước và được người Việt mang theo ra hải ngoại. Truyền thống miền Bắc nhấn mạnh nghi lễ, cúng gia tiên và các món ăn tượng trưng như bánh chưng, hoa đào và câu đối đỏ. Trong khi đó, Tết miền Nam thường vui tươi, rộn ràng với bánh tét, hoa mai, dưa món, trò chơi dân gian và lời chúc thân mật. Còn miền Trung, thanh tịnh, trang nghiêm, đôi khi khắc nghiệt do thời tiết lạnh hoặc mưa phùn.

Giữ gìn cả ba truyền thống đồng thời tạo cơ hội cho việc trải nghiệm chung giúp cộng đồng người Việt tôn trọng sự đa dạng mà vẫn giữ được sự thống nhất. Cách tiếp cận “trộn nhưng không lẫn” giống như “một salad bowl” ở Mỹ, giữ nguyên đặc trưng từng miền, đồng thời nhấn mạnh các giá trị chung như sum họp gia đình, tưởng nhớ tổ tiên, và chúc nhau năm mới tốt đẹp. Từ đó, suy nghĩ và hành động trên giúp sự đa dạng trở thành sức mạnh của cộng đồng, thay vì tạo ra chia rẽ.

Tết hải ngoại cũng là cơ hội để kết nối cộng đồng và xây dựng thiện cảm với người bản xứ. Mời bạn bè, hàng xóm, đồng nghiệp tham gia các hoạt động Tết như thưởng thức các món ăn truyền thống, tham gia trò chơi, nghe kể chuyện, và cung cấp cơ hội trải nghiệm văn hóa Việt.

Việc ghi nhận sự đóng góp của mọi thế hệ chắc chắn sẽ bảo đảm Tết Việt ở hải ngoại trở thành không gian văn hóa chung, củng cố cảm giác thuộc về cộng đồng, đồng thời làm tăng thiện cảm với cộng đồng người bản xứ.

5- Tại sao việc dung hòa là cần thiết



Làm thế nào để cho việc tổ chức tổ chức Tết ở hải ngoại vừa có ý nghĩa truyền thống, vừa thực tế, và tạo cho người bản xứ hiểu được một nét văn hóa đặc thù của dân tộc Việt, chúng ta có thể áp dụng những bước căn bản trong suốt các giai đoạn Tết như:

- Đầu tiên, xác định ý nghĩa nguyên thủy của Tết như sum họp gia đình, tưởng nhớ tổ tiên, và là một khởi đầu mới;
- Thứ hai, phân cách vai vế của từng thế hệ: thế hệ I là người giữ kỷ ức, thế hệ II là người cảm nhận và phiên dịch văn hóa, thế hệ III là người trải nghiệm;
- Thứ ba, cùng chia sẻ với người bản xứ như mời họ tham gia, giải thích ý nghĩa và các tập tục trong ngày Tết Âm lịch như thế nào;
- Thứ tư, tạo sự trải nghiệm tương tác như cùng tham dự bữa cơm sum họp, trò chơi dân gian như chơi bầu cua cá cọp, đồ xí ngầu lác, hay đua ngựa v.v..., hoặc người lớn kể chuyện Tết ngày xưa ở thôn quê...
- Và thứ năm, cùng ghi nhận và truyền giữ kỷ niệm như chụp ảnh, quay video, khuyến khích trẻ em kể chuyện, giúp mọi người thấy mình là chủ thể cùng tham gia và sinh hoạt chung trong những ngày Tết.

Làm thế nào để cho các thế hệ cảm được tinh thần “hòa hợp trong đa dạng”, coi khác biệt trong tập tục cá biệt là những bổ túc văn hóa lẫn nhau, vì vậy không thể nào xảy ra xung đột văn hóa được.

Việc dung hòa Tết giữa các thế hệ thành công không dựa trên sự áp đặt đồng nhất, mà là cho phép mỗi thế hệ tham gia theo vai trò phù hợp giữ gìn kỷ ức, “phiên dịch” văn hóa, hay sáng tạo trải nghiệm. Nhờ đó, Tết ở hải ngoại trở thành một không gian văn hóa sống động, nơi kỷ ức, trải nghiệm và sáng tạo tồn tại song song trong sự tương kính lẫn nhau.

Dung hóa là tạo không gian chung mà vẫn giữ bản sắc riêng, để cả ba miền Bắc Trung Nam đều cảm thấy Tết là của mình, của dân tộc Việt, không bị pha loãng hay lẫn át, ngõ hầu nhắm tới lợi ích của cái Tết chung của cả hai miền.

- Giữ gìn tình cảm dân tộc: Các thế hệ trẻ thấy văn hóa đa dạng nhưng thống nhất trong giá trị.
- Tăng trải nghiệm văn hóa: Trẻ em và người lớn đều học hỏi, gắn kết qua trò chơi, Tết ẩm thực, câu chuyện.
- Gắn kết cộng đồng: Khi Bắc Trung Nam hiểu nhau hơn, Tết trở thành cầu nối văn hóa và tình cảm, đặc biệt trong hải ngoại hoặc giữa các vùng miền khác nhau trong nước.

Dung hóa Tết Bắc Trung Nam không phải là xóa bỏ khác biệt, mà là tôn trọng và kết nối sự khác biệt. Khi mỗi miền được giữ nguyên bản sắc của vùng miền, nhưng cùng tham gia trải nghiệm chung, từ đó, Tết trở thành biểu tượng sống động của tình cảm dân tộc Việt, gắn kết các thế hệ và miền đất, từ Bắc chí Nam, trong và ngoài nước.

Tóm lại, Tết hải ngoại không phải là bản sao của Tết Việt Nam mà là một truyền thống sống, thích nghi và kết nối các thế hệ. ***Khi dung hóa nghi thức Bắc Trung Nam, gắn kết các thế hệ và mở cửa cho cộng đồng bản xứ bước vào, Tết Việt trở thành không gian chung của ký ức, trải nghiệm và sáng tạo.*** Khi được tổ chức với tinh thần cởi mở, linh hoạt nhưng vẫn giữ giá trị cốt lõi, Tết ở hải ngoại sẽ giúp mọi người cảm nhận Tết là của chính họ, đồng thời tăng sự hiểu biết và thiện cảm với người ngoài cộng đồng. Nhờ đó, Tết hải ngoại vẫn là biểu tượng sống động của bản sắc văn hóa và tình cảm dân tộc, kết nối quá khứ, hiện tại và tương lai của dân tộc Việt.

“Không giữ Tết để níu quá khứ, mà giữ Tết để các thế hệ tìm thấy một điểm chung, nơi họ nhận ra mình thuộc về nhau.”

Người Việt nên coi Tết hải ngoại vừa là thời điểm kết nối nội bộ, vừa là cơ hội giao tiếp văn hóa với người bản xứ, tạo thiện cảm và nâng cao hiểu biết lẫn nhau.

Dung hóa ở đây là khả năng mỗi thế hệ nhận ra giá trị của Tết và tham gia theo cách của mình, tạo ra một “Tết chung” từ nơi ký ức, trải nghiệm, và sáng tạo gặp nhau, thay vì bắt buộc một thế hệ phải tuân theo thế hệ kia.

Điều quan trọng là Tết hải ngoại không phải là Tết Việt nguyên gốc, nhưng có thể trở thành một phiên bản sống động, thích nghi, giúp các thế hệ gắn kết với nhau và vẫn duy trì căn tính văn hóa Việt.

Mai Thanh Tuyết

Tết Bình Ngộ – 2026

ĐỌC & GIỚI THIỆU SÁCH

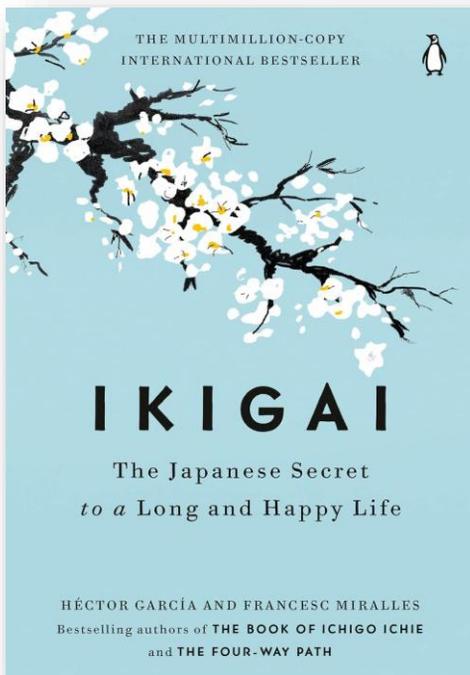


IKIGAI:

The Japanese Secret to a Long and Happy Life

Hector Garcia and Francesc Miralles | Penguin Books.2017 | 192 trang

Ikigai: “bí quyết” hay một nghệ thuật sống giản dị?



Trong rừng sách self-help về hạnh phúc và tuổi thọ, *Ikigai: The Japanese Secret to a Long and Happy Life* (Héctor García & Francesc Miralles) có một lợi thế hiếm: nó không rao bán “bẻ lái cuộc đời” bằng vài thói quen thần kỳ, mà gợi ra một triết lý mềm dẻo và thực tế hơn. “Ikigai” được tác giả diễn giải như “lý do để thức dậy mỗi sáng” — không nhất thiết là một sứ mệnh lớn lao, mà có thể là một mạch ý nghĩa nho nhỏ được nuôi bằng công việc, sự gắn bó, thói quen và niềm vui hằng ngày.

Điểm cuốn hút của sách nằm ở cách kể về Okinawa - nơi thường được nhắc đến như một vùng đất “trường thọ” của Nhật. Từ những câu chuyện đời thường, tác giả

rút ra các yếu tố lặp đi lặp lại: Người già vẫn vận động nhẹ đều đặn, ăn điều độ, giữ nhịp sống tương đối ổn định, và đặc biệt là có mạng lưới xã hội bền chặt (bạn bè, nhóm tương trợ, gia đình, hàng xóm).

Song song, tập sách lồng thêm các ý tưởng quen thuộc từ tâm lý học phổ thông như truyền tâm cảm (trạng thái nhập tâm khi làm việc mình yêu), giá trị của mục tiêu vừa sức, và sức mạnh của những cải thiện nhỏ mỗi ngày.

Ở cấp độ “đọc để làm ngay”, *Ikigai* mạnh ở sự đơn giản: Bạn không cần tái thiết đời mình, chỉ cần thiết kế lại vài nhịp sống. *Một “ikigai” khả tín thường xuất hiện khi ta có việc để làm (dù nhỏ), có người để thương, và có cảm giác mình còn hữu dụng.* Với nhiều độc giả, đặc biệt là người trưởng thành đang bận rộn, đây là một lời nhắc dịu dàng nhưng hiệu quả: Hạnh phúc bền chắc không nằm ở cao trào, mà ở nhịp đều đặn.

Tuy vậy, mặt hạn chế của sách cũng nằm ngay trong sức hấp dẫn ấy.

Cách đóng gói “bí quyết Nhật Bản” đôi khi tạo cảm giác lý tưởng hóa: Như thể chỉ cần tinh thần “ikigai” là đủ để chạm đến tuổi thọ và an lạc. Thực tế, sức khỏe và tuổi thọ chịu tác động mạnh từ y tế, kinh tế, môi trường, điều kiện lao động, và bất bình đẳng xã hội -những biến số mà sách chạm đến khá nhẹ.

Sách cũng dựa nhiều vào câu chuyện minh họa; người đọc muốn bằng chứng khoa học chặt chẽ hoặc tranh luận học thuật sẽ thấy phần “nghiên cứu” mang nhiều tính gợi ý hơn là thuyết phục.

Ngoài ra, “ikigai” trong sách được diễn giải rất rộng, đôi lúc trở nên mơ hồ: nó là đam mê, là trách nhiệm, là thói quen, là cộng đồng... tất cả cùng lúc. Vì vậy, cuốn sách phù hợp hơn như một “bản đồ cảm hứng” chứ không phải một phương pháp đo lường hay quy trình tìm ra mục đích sống.

Với những ai đang chịu áp lực mưu sinh, chăm sóc gia đình, hoặc sống trong cô đơn đô thị, lời khuyên “sống chậm, gắn kết, vận động đều” nghe đúng nhưng không dễ thực hành - và sách chưa thật sự đi sâu vào các rào cản ấy.

Dẫu vậy, *Ikigai* vẫn đáng đọc vì nó trả lại cho độc giả một câu hỏi nền tảng mà xã hội hiện đại hay quên: “Điều gì khiến ngày mai của tôi đáng để bắt đầu?”

Cuốn sách không hứa hẹn phép màu. Nó gợi một hướng nhìn: Hãy xây “ikigai” như xây một đời sống - bằng việc nhỏ, sự gắn bó thật, và niềm vui vừa tay. Nếu xem đây là một lời nhắc để chỉnh nhịp, chứ không phải “bí kíp Nhật” để sao chép, bạn sẽ nhận được nhiều hơn mong đợi.

Ban Biên Tập Điểm Sách 1975 Magazine

Thúy Kiều

Truyện ngắn Phạm Thành Châu



Photo credit: Dung Tran @ Pixabay.com

Khu Tân Định có đường Trần Tấn Phát, đó là con hẻm nối hai đường Hiền Vương và Phan Thanh Giản. Giữa hai dãy nhà dân cư thấp, vọt nổi lên một building cao gần chục tầng, chứa đầy dân kinh tế mới. Họ là những người bị cưỡng bách hoặc do sự vận động của chính quyền cộng sản lên cao nguyên hoặc vùng rừng núi khai phá trồng trọt sinh sống, nhưng vì không biết nghề làm rẫy, vì đất đai thiếu nước, khô cằn, vì không được hướng dẫn, giúp đỡ, họ hoàn toàn thất bại nên lại kéo nhau về thành phố.

Building này trước là của một tay tư bản xây cho người Đại Hàn, Mỹ, Phi Luật Tân mượn trong thời còn chiến tranh. Sau bảy năm y bỏ chạy ra nước ngoài, dân kinh tế mới kéo vào chiếm ngụ. Phòng nào cũng trống rỗng, cửa nẻo bị gỡ đem bán hoặc làm củi nấu, cả đến cái bàn ngồi cầu tiêu cũng bị gỡ đem ra chợ trời, chỉ mấy sợi dây điện lượn trong tường bê tông là còn. Dù sao đối với họ, có chỗ ngủ mà không bị mưa nắng là quá tốt rồi. Nhưng rồi một hôm, công an quận ba xuống lừa tất cả ra khỏi

building, để sửa sang lại cho ngoại kiều, Việt kiều mướn. Thế là họ phải ra ngủ lê đường.

Trước ngày tôi đẩy xe bánh mì thịt nguội ra bán ở góc đường Phan Thanh Giản, Duy Tân, cái xã hội đầu đường xó chợ đó đã thành hình từ lâu. Một buổi sáng, tôi đang lui cui xắt thịt, chả, bán cho khách thì có một đứa đến đứng bên cạnh, nó mặc áo lính cũ, quần đùi, tóc cắt ngắn. Vì bận khách, tôi không để ý, tưởng nó chờ đến lượt mình, đến khi có hai chị đàn bà, vẻ mặt coi bộ bất lương, nghênh ngang bảo.

- Cho hai ổ bánh mì ba tê chả.

Tôi cảm thấy áo sau lưng bị giật mạnh, rồi giật tiếp vài cái nữa. Tôi sinh nghi bèn nói.

- Hai ổ năm nghìn đồng (thời giá năm 2000), tiền đâu?

- Bộ ông tưởng tôi không có tiền à?

- Tiền trao cháo múc chị ơi, ai cũng phải trả tiền trước tôi mới bán.

Chị đàn bà trở mặt.

- Đ.m. khi người hả, tao đéo thèm mua nữa!

Thế là hai người bỏ đi. Khi hết khách, tôi quay lại thấy nó đứng lơ đãng nhìn lên trời, tay vòng trước ngực.

- Mày mua bánh mì?

- Tiền đâu mua!

- Khởi tiền. Mày báo động lúc nãy, tao khởi mất hai ổ bánh, bây giờ cho mày một ổ.

- Còn lâu ông mới khởi mất hai ổ. Nhiều hơn nữa đó cha nội. Ông tưởng nó ôm bánh của ông nó chạy có? Nó đòi thêm tiền nữa. Lúc đứng chờ mua nó đã dòm vô hộc tiền, nó đã thấy mấy tờ năm nghìn của ông. Bán cho nó xong, nó bảo đã đưa tờ năm nghìn cho ông rồi, ông phải thôi cho nó bốn nghìn, có con em nó đứng bên cạnh làm chứng, ông không đưa tiền, chị em nó xúm lại dợt cho ông một tảng, xe bánh mì của tiêu tưng mà ông còn bị phù mỡ nữa đó. Nghề của tụi nó mà!

- Được rồi, cảm ơn, bây giờ tao hỏi mày hai câu. Mày muốn mấy ổ đây? Và mày là con gái hay con trai?

- Con gái, ông hỏi chi dzậy? Định thả dê hả?

- Không đâu, thấy mày giống con trai tao hỏi chơi thôi.

- Xạo hoài. Bộ ông không thấy ngực tôi bự sao?

Nó đờ tay lên áo, phía dưới ngực nên phần trên nổi rõ lên.

- Thấy rồi, hiểu rồi. Vậy chứ bây giờ mày muốn mấy ổ đây?

Nó cười đưa cái răng khểnh ra.

- Một ổ đủ rồi.

Chỉ khi nó cười mới thấy một chút duyên con gái, còn thì mặt mũi nó tầm thường, lại có vẻ dữ tợn nữa. Da ngăm đen, mắt xếch, lông mày rậm. Tôi làm cho nó một ổ bánh mì, nó ngồi xuống ghế ăn ngon lành, có vẻ đói bụng. Ăn được nửa ổ, nó đòi ít ớt, rồi gói lại cầm trên tay.

- Sao không ăn hết đi? Coi bộ mày đói lắm mà!

- Để cho mẹ tôi.

- Mày có hiểu dữ. Cứ ăn hết, tao cho ổ khác.

- Thiệt không đó? Ông cho chứ tôi không mắc nợ ông à!

Rồi nó lên giọng đạo đức.

- Ăn nhiều, ông lỗ vốn tội nghiệp.

Thế rồi cứ vài hôm nó lại ra xin bánh mì ăn. Tôi thường giữ lại những ổ bánh ế ngày hôm trước, chờ nó ra, tôi nướng lại thật giòn, thêm chút thịt thà vào, nó chỉ cần thế để được no bụng. Sự quen biết giữa tôi với nó có thân mật hơn và tôi biết nó cố ăn nói cho đàng hoàng nhưng đôi lúc vẫn bộc lộ bản chất tự nhiên trong xã hội của nó. Có lần tôi hỏi.

- Mày tên gì?

- Tư Xập Xả.

- Trời đất! Tên gì kì cục vậy? Tao chưa hề nghe tên đó bao giờ.

- Mấy thằng cô hồn chọc tôi không được, chúng nói tôi đánh xập xả với mấy con kia.

- Mày cặp một thằng bò thì chúng hết gọi ngay.

- Thôi đi ông ơi, bọn con trai bây giờ lưu manh lắm, nó chơi cho nát nước còn đi nói tùm lum tà la. Mẹ tôi dặn đứa nào ưa phải cưới hỏi đàng hoàng. Bậy bạ, mẹ tôi buồn tội nghiệp.

- Nghe mày nói, tao tưởng mày còn dzin lắm.

- Chứ sao!

- Tao khó tin quá, kiểu nằm ngoài đường, mày ngủ say là coi như ngon ăn với tụi nó.

Nó vênh mặt lên.

- Bộ ông tưởng tôi xạo chắc. Ông dám mò tôi không? Mẹ tôi chém cho bay đầu. Mấy đứa lãnh sẹo rồi đó. Mẹ tôi tỉnh ngủ lắm.

- Giữ làm gì cho mệt mày ơi! Kiểu đó xưa rồi. Chữ trình bây giờ không đáng giá ngàn vàng nữa đâu.

- Ngàn vàng là gì? Mấy chỉ đó cha nội. Bộ ông muốn dụ dỗ tôi phải không?

- Xin lỗi, tao không có ý đó đâu. Mẹ mày làm gì?
- Bán vé số. Mất bả yếu quá, cứ thối lộn tiền hoài, có bữa thâm vón. Lối rày bệnh nặng thêm, nghỉ bán rồi.
- Còn mày làm gì mà cả ngày cứ thấy đi lờ xờ hoài?
- Dắt mối.
- Tức là giới thiệu em út cho người ta chứ gì? Chỗ nào? Chỉ cho tao với.
- Ông muốn chơi bởi hả? Tối nay ra ngã ba Sung Sướng là có tôi. Nhưng bệnh hoạn ông ráng chịu nghe! Tụi nó coi mặt mũi ngon lành chứ ghê lắm...
- Tao giỡn chơi thôi. Mà ngã ba Sung Sướng là chỗ nào?
- Ngay thơ hoài! Góc Lê Văn Duyệt, Hồng Thập Tự đó. Tối nào em út cũng đứng đây... Có tụi ngoài đó, ông lo gì.

Nhờ những buổi nói chuyện lảm cẩm như thế, tôi hầu như hiểu rõ xã hội bị hát hủi đó, biết được những gia đình với những nhân vật có những tên kỳ quái, những cuộc đời thăng trầm và những cách thức sinh sống không ngờ được.

Bằng một thời gian, độ mấy tháng tôi không gặp con nhỏ đó nữa. Một buổi sáng lại thấy nó lò dò ra ngồi, tóc tai rũ rượi.

- Cho một ổ bánh ăn đi, đói bụng quá rồi.
- Bánh chùa hay trả tiền?
- Bộ không thấy tôi như cái mền rách sao còn đòi tiền cha nội!
- Hỏi chơi thôi. Mấy lâu nay mày đi đâu mà tao không gặp?
- Đi nghỉ mát Đa Lạt với mấy con bạn. Ông có nhớ tôi không? Tôi thì mỗi khi đói bụng lại nhớ ông.
- Người ta để tình yêu ở quả tim còn mày thì để ở bao tử! Nói mẹ ra là nhớ bánh mì của tao cho rồi. Đi chơi có vui không, phí tổn ai chịu?
- Nhà nước lo, ngủ khách sạn, ăn thịt cộp.
- Giỡn chơi mày? Thịt cộp đâu trên Đa Lạt mà ăn?
- Ông này ngu thấy mẹ. Là ở (tù) khách sạn Đại Lợi ngã ba Ông Tạ đó cha nội. Ăn muối đâm cộp cộp...
- Nhưng tại sao mày bị bắt?

Nó nhìn tôi vừa thương hại vừa giận dữ.

- Chiến dịch thì nó bắt, chạy không kịp nó bắt. Khi nào nó bắt ông, ông sẽ biết. Cho ông ném mùi Đalat trắng mờ. Tôi trốn trại được chứ không cũng mút chỉ trong đó.
- Ừ tao cũng từng ở tù nhưng không giác ngộ cách mạng bằng mày. Bây giờ mày

định làm gì? Tiếp tục sự nghiệp dất mồi của mây chắc?

- Nó đang chiến dịch. Râu thấy mẹ. Thò mặt ra là nó hốt liền.

- Buôn bán gì sinh sống đi mây ơi. Làm nghề đó không ổn đâu.

- Vốn đâu?

- Thì nghề ít vốn như bán vé số, thuốc lá hay trái cây gì đó. Chút chút thì tao có thể phụ với mây được.

- Thiệt không? Cho tôi mượn khó đòi lắm đó. Hay ông muốn cảm tình với tôi để lợi dụng gì đây? Tôi nói trước, ông muốn làm gì tôi cũng cho, rờ rẫm cũng được, nhưng ngủ với tôi không được đâu. Có thương ông bao nhiêu tôi cũng không cho ông. Tôi để dành...

-Tao biết! Tao biết! Để chờ ngày lên xe hoa chứ gì? Cỡ mây hay tao thì đừng nên nghĩ đến ba thứ xa xỉ đó. Mà tao nói vậy vì thấy mây cũng khổ như tao, nên muốn giúp mây vậy thôi chứ âm mưu gì. Ba vụ đó tao tu rồi. Mây sao đa nghi quá!

Thế là nó mua một cái xe đẩy, giống như cái thùng hình khối chữ nhật, có bánh xe hai bên, phía sau thêm một bánh xe nhỏ nữa. Trên xe để các loại trái cây đã làm sạch vỏ. Những múi mít vàng ửng thơm lừng, những múi bưởi mọng nước bên cạnh tô muối ớt đỏ rực, những trái sa bô chê, đào, mận, ổi dầm... nhìn thấy phát thèm. Nó đẩy xe vòng vòng các chợ, trường học, xóm lao động, các khu dân cư. Mỗi buổi sáng, nó đẩy xe ngang chỗ tôi bán, ghé vào tặng tôi trái ổi hay múi mít. Khi nào tôi vắng khách thì nó nán nà trò chuyện, xong đập vai tôi một cái rồi đi.

Người ta thường nói hạnh phúc hay không là tự mình. Tôi nghiệm thấy rõ rệt ở con nhỏ này. Thoát được nghề dất mồi bấp bênh và đầy bất trắc nó đã sung sướng lắm rồi. Mẹ nó đêm qua ngủ yên giấc hoặc hôm nào bán dất hàng, mua được chút quà cho mẹ, thế là nó tươi cười, ra khoe với tôi. Những lúc đó nó có vẻ tự tin và thương yêu tất cả mọi người, yêu cả những kẻ đã đẩy gia đình nó xuống tận cùng của khốn khổ. Nó ước ao.

- Tôi sẽ cố giành giùm để mua chiếc xe ba gác đạp. Đẩy xe này hoài muốn sụm giò. Tết này có xe là tôi đạp đi bỏ mồi dưa hấu.

- Mây để giành được bao nhiêu rồi?

Nó nhe răng ra cười.

- Được xu teng nào đâu. Không đủ tiền thuốc cho bà già, hễ bà rên rỉ, lăn lộn là phải tốn tiền cho ông y tá chích cho mũi thuốc.

- Bà bệnh gì vậy?

- Tôi đâu biết! Nghe ông y tá nói có cục sạn trong gan, trong thận gì đó, phải mổ mới lành. Mấy năm nay rồi mà đâu có tiền. Không mổ, cục sạn lớn là chết. Hễ bà già rên là tôi chịu không được. Mà có cách nào cho tôi đau thế cho bà được đâu!

- Phải tìm cách đưa bà già vô bệnh viện, bác sĩ mổ là hết bệnh ngay.

Chỉ còn độ một tháng nữa là đến Tết, công an lại mở chiến dịch dẹp lòng lề đường. Bàn vé số, tủ thuốc lá, xe bánh mì, thùng đồ nghề sửa xe đạp... công an đến, nếu không chạy kịp sẽ bị hốt về phường. Tôi chán quá, cũng dẹp luôn, chả buôn bán gì. Kể ra độc thân cũng khỏe, ở nhờ nhà người bạn, ăn uống sơ sài không tốn kém bao nhiêu, ngày ngày ra quán cà phê nhìn thiên hạ qua lại, nghĩ cách làm ăn khác. Cho đến một buổi tối, con nhỏ bỗng lại nhà tìm tôi. Nó kéo tôi ra chỗ vắng.

- Ông đến mẹ tôi nói gì với ông đó.

Tôi lấy xe đạp đèo nó phía sau.

- Có chuyện gì vậy? Tao đâu biết mẹ mày là ai mà gọi tao giờ này?

- Tôi không biết, mẹ tôi biểu tìm ông.

- Hay là mày nói gì về tao, bà ấy tưởng tao chọc gheo gì mày... A! Vụ này không được đâu, có khi mày cặp với đứa nào, có bầu, mày đổ cho tao, bà kêu tao tới lãnh chứ gì.

Nó đập vào lưng tôi thật mạnh.

- Ông này cà chớn! Tôi không giỡn đâu nghe!

- Vậy chứ chuyện gì? Tự nhiên bắt tao chở mày đi khơi khơi, mệt thấy mẹ. Mà mày phải ôm eo tao. Mày làm như con nhà lành, mắc cỡ, ngồi xa tao phía sau, xe nó đảo, đi sao đặng!

- Tôi vật lộn với mấy thằng con trai hoài, đâu thấy gì. Không biết sao, gặp ông tôi run quá. Đứng xuống, để tôi chở ông cho. Thấy ông đập tôi phát mệt.

Chúng tôi đổi chỗ cho nhau. Lần này đến lượt tôi không biết vịn hai tay chỗ nào để giữ cho người được vững mà không chạm vào người nó. Gió thổi ngược, mùi tóc và mùi thơm con gái phả vào mũi tôi hương vị nồng và ngọt ngào khiến tôi ngây ngất, nhưng thực sự, tự lương tâm tôi, không có một ý nghĩ vẩn đục gì với nó. Đời tôi gian nan và đau khổ quá nhiều. Tôi đã chiêm nghiệm và rút ra được một cách sống là vượt qua tất cả, vượt qua cả những ham muốn dù nhỏ bé nhất. Đối với nó tôi có được niềm vui và chút hãnh diện đã giúp đỡ nó có một cuộc sống khá hơn. Lòng biết ơn và cả sự tin cậy, an tâm của nó đối với tôi chính là hạnh phúc của tôi, tôi không muốn đánh mất.

Lúc đến nơi, nó dặn tôi.

- Mẹ tôi có nói gì đó giữa ông và tôi thì ông đừng chịu nghe! Ông mà bằng lòng tôi giận ông lắm đó.

Chỗ ở của hai mẹ con chỉ là cái mùng vải che muỗi giăng trước hiên nhà người ta. Lúc đó đã hơn mười giờ, người mẹ nghe con gái gọi, vội ngồi dậy vén mùng. Trong ánh đèn đường yếu ớt, tôi chỉ thấy lờ mờ một người đàn bà ốm yếu nhưng gương mặt

còn phảng phất những nét thanh tú, hiền hậu. Tôi ngồi ghé bên mép chiếu. Bà lấy cái quạt giấy, quạt cho tôi, không phải để cho mát mà để đuổi muỗi. Muỗi vo ve khắp nơi, chích vào mặt vào chân, tay muốn nhảy nhồm. Vừa đau vừa ngứa.

Sau vài câu xã giao, bà ta ngỏ ý xin lỗi nếu có tò mò hỏi về đời tư của tôi. Tôi vui vẻ trả lời.

- Không sao đâu dì ơi! Tôi kê khai gia phả tôi cũng vài chục lần với công an rồi, nên tôi thuộc như cháo.

Trò chuyện một lát, bà bảo con gái.

- Con ra mua cho anh con ly nước mía và điều thuốc. Đi lâu lâu cho mẹ nói chuyện.

Khi đưa con gái đi rồi, bà ta than thở về bệnh hoạn và hoàn cảnh của mình.

- Ngồi đây cậu thấy tiệm phở có hình con gà đặng kia, sát bên cạnh là nhà của tôi, cái nhà hai tầng đó, bây giờ cán bộ đang ở tầng trên và cho người ta thuê mở tiệm cà phê ở tầng trệt. Năm bảy lăm (1975), cách mạng vô tịch thu hết, mà gia đình tôi đâu có làm gì nên tội, bán chạp phở mà cũng bị đánh tư sản! Họ bắt tụi tôi đi kinh tế mới, chỉ được đem theo vài bộ áo quần. Họ đưa vô nông trường Long Giao nhưng tuốt trong rừng sâu, hơn một ngày đường đi bộ mới ra tới lộ. Được hơn một năm ba nó bị sốt rét chết. Chẳng biết khi nào chúng tôi mới lên lại đó thăm mộ ba nó!

Bà ta cố nén xúc động bằng cách loay hoay tìm cái khăn.

- Vợ chồng tôi chỉ sinh được có con Ngọc, tính tình nó giống con trai nhưng tôi cũng được chút an ủi là nó rất thương mẹ... Tôi bây giờ chẳng thiết sống nữa, chỉ lo cho nó không nơi nương tựa.

Bà lấy khăn sụt mũi, có lẽ định nói gì đó nhưng còn đang lựa lời.

- Tôi nói có điều gì không vừa lòng xin cậu bỏ quá cho. Sinh nó ra tôi đâu có ngờ đời nó khổ sở như thế này. Hơn mười tuổi đầu đã phải bưng chải kiếm sống. Mấy năm nay tôi lại bị bệnh, nó càng khổ thêm. Tháng trước đến bệnh viện, họ bảo sạn mật đã lớn lắm rồi, phải mổ ngay, nhưng tiền đâu?! Vậy mà nó đòi đi lấy mấy chỉ vàng về cho tôi chữa bệnh.

Tôi ngạc nhiên.

- Ai cho mượn mà tử tế quá vậy?

- Ai mà cho mượn, nó đòi đi bán trinh đó cậu ơi!

- Trời đất! Vậy dì tính sao?

- Tôi nói với nó "Con đem tiền về chữa cho mẹ khỏi bệnh, nhưng mẹ sống mà thấy con như vậy thà mẹ chết còn hơn vì rủi bệnh hoạn con còn chết sớm hơn mẹ nữa, chỉ bằng bây giờ con nói thật với mẹ con thương ai, nếu là người tử tế thì con về sống với người ta, trinh tiết của con là của hồi môn quý giá nhất, chồng con sẽ thương yêu con và con sẽ được hạnh phúc" Nó nói "Con chỉ thương mẹ thôi, vì chẳng ai chịu cứu

mang mẹ con mình đâu, con sẽ sống với mẹ cho đến khi mẹ chết con mới tính sau”. Tôi biết tính nó ngay thật lắm, tuy không nói ra, nhưng thường ngày nó nhắc đến cậu luôn. Hơn tuần nay cậu nghỉ bán, nó chạy hỏi quanh, lại thêm hôm kia bị hốt xe trái cây, nó về cứ ngồi khóc hoài. Tôi hỏi thiệt, cậu có thương nó không, thương hại cũng được, miễn sao sau khi tôi nhắm mắt, cậu săn sóc, che chở cho nó. Mới mười mấy tuổi đời, nó còn quá nhỏ để sống nổi với xã hội này” Bà nghẹn lời, ôm mặt khóc. Giọt nước mắt thương yêu, lo lắng cho đứa con bơ vơ, không nơi nương tựa. Tôi cũng có bà con thân thuộc, nhưng kể từ ngày tôi sa cơ thất thế, chẳng ai thèm hỏi thăm một tiếng, thấy tôi là họ tránh mặt. Đời đen bạc lắm cậu ơi! Hay là cậu cứ hứa đi, rồi cậu tính sau.

Tôi ngồi lặng thinh. Thật khó giải quyết! Thân tôi lo chưa xong, bây giờ lại đèo thêm con nhỏ này, nhà cửa đâu, tiền bạc đâu? Vừa lúc đó nó vào.

- Ông nói gì cho mẹ tôi khóc đó?

Bà ta dịu dàng với con gái.

- Anh con đâu nói gì, chỉ có mẹ nói thôi, mẹ nói về chuyện của con.

- Chuyện của con là chuyện gì?

- Thì chuyện bệnh hoạn của mẹ.

- Mẹ nói cả chuyện con lên Chợ Lớn nữa à? Bộ mẹ điên rồi hả? Đem chuyện nhà cho người ta nghe!

Tôi muốn nói chen vào nhưng không lẽ trước mặt người đàn bà này lại xung mảy tao với nó. Sau cùng tôi quyết định.

- Mẹ cô muốn cô lập gia đình nhưng không biết cô thương ai?

- Bộ ông tưởng tôi thương ông có? Mẹ tôi có chết tôi cũng không lấy ông đâu, ông đừng hòng mà bàn ra cho mẹ tôi không chịu đi chữa bệnh.

Người đàn bà vẫn dịu dàng.

- Sao con lại nặng lời với anh con!

- Mẹ ơi, con đã nói với mẹ nhiều lần rồi, mẹ phải chữa cho lành bệnh. Con không thương ai hết, chỉ thương mẹ thôi. Con đã quyết định từ lâu rồi, con giữ gìn thân con bao năm nay là để dành cho mẹ. Bây giờ mẹ không nghe, mẹ chịu chết, con cũng phải bán thân con để làm đám ma cho mẹ mà. Dù bó chiếc chiếu cũng phải tốn cho bao nhiêu thứ khác, từ cây nhang cho đến cái huyết mả... Con không lấy chồng, không thương ai hết.

Nó nấc lên rồi vùng bỏ chạy vào bóng tối. Tôi nghe tiếng sục sục, có lẽ bà ta cũng khóc nhưng cố nén lại.

- Nó nói cũng phải đó dì. Dì phải chữa bệnh để sống với nó. Bệnh của dì chỉ mủ là hết ngay. Được một đứa con hiếu thảo như nó hạnh phúc hơn bao nhiêu người khác, giàu

có mà con cái chẳng ra gì. Tôi không dám hứa chắc với dì, nhưng sau này nếu nó lè loi, tôi sẽ lo lắng cho nó như đứa em gái. Bây giờ dì uống ly nước mía rồi nằm nghỉ, để tôi ra hỏi xem nó nghĩ gì.

Tôi đứng dậy dắt xe ra đường Duy Tân. Đường quá tối nhưng tôi cũng nhận ra được nó ngồi trên hiên nhà, hai tay ôm lấy đầu. Tôi dựng xe, ngồi xuống bên cạnh.

- Tôi đã nói với bà già, chịu đi chữa bệnh rồi vì tôi có hứa sẽ săn sóc cho cô bé, nhưng sau này kia, chứ bây giờ tôi dự định lên rừng đốn củi, làm rẫy với tụi bạn, chưa ổn định gì cả.

Con nhỏ yên lặng một lúc lâu, rồi thở dài.

- Nhưng,... thành con gái hư rồi! Chẳng ai thêm thương nữa!

Rồi thắm ý, nó khóc rầm rức.

- Đừng lo cô bé. Chỉ cần tấm lòng chân thật, chung thủy mới đáng quý, chứ trinh tiết, như cô bé thấy đó, mấy chỉ vàng là cùng.

- Nhưng thấy mấy con nhỏ kia bị bệnh... sợ quá! Nghe nói có bệnh gì không thuốc chữa, lúc đó chắc... tự tử chứ không dám gặp ai.

- Một lần, hi vọng không sao. Dù sao cũng cầu Trời khấn Phật rồi phó thác cho may rủi. Bây giờ tôi về, vô “nhà” kéo mẹ trông.

Tôi dợm đứng lên, nó kéo áo tôi lại.

- Khi nào đi! Có ghé nữa không?

- Có chứ, sáng mai tôi lại đây, bàn giao xe bánh mì cho cô bé, khi nào hết chiến dịch thì đẩy ra bán. Độ tuần sau tôi đi rồi.

Tôi lại dợm đứng lên, nó lại kéo áo tôi ngồi xuống. Yên lặng một lúc thật lâu nó mới ngập ngừng, thì thào như nói cho chính nó nghe.

- Có thương em thiệt không?

Phạm Thành Châu

Độc sự Hành Chánh Phạm Thành Châu sinh ngày 23 tháng 7 năm 1942 tại Hội An, tỉnh Quảng Nam. Tốt nghiệp Học Viện Quốc Gia Hành Chánh Việt Nam Cộng Hòa. Tù Cộng Sản (1975-1981) qua Mỹ 1991, hiện sống tại Springfield, Virginia, Hoa Kỳ

Tác phẩm đã xuất bản: - *Nhớ Huế - Bức Họa Khỏa Thân – Lý Lễ của Trái Tim – Lời Tỏ Tình – Vô Tình – Tuyển Tập Các Truyện Ngắn PTC*



Tết

A Vietnamese Tradition

Phạm Quỳnh: TÂM LÝ NGÀY TẾT
TẾT, A VIETNAMESE TRADITION

Summary Translation by Phung Thi Hanh



One main characteristic of Vietnamese philosophy is to establish a relationship between Nature and Human Existence because they are interrelated, and the result of this relationship is the very fragile notion of Happiness. Thus, man has to act and live in harmony with Nature, follow its ordinary course, so that nothing will obstruct the peaceful flow of life and happiness.

The continuous succession of seasons is a normal phenomenon of Nature and an essential fact to the Vietnamese people who are predominantly farmers. According to ancient beliefs, the end of Winter, followed by Spring, marks a new beginning, the re-birth of Nature and all living creatures. Consequently, to be in harmony with Nature, one should re-create oneself completely, rejuvenate the old tired self and get rid of sad and evil thoughts. One should pay all debts to start all fresh. One should have only excellent and compassionate feelings, use kind words even to the worst

enemies. That way, one can contribute to the harmony of Nature and promote one's happiness and the happiness of others. Unkind words, acts of aggression or hurtful gestures are not only disrespectful but also in contradiction with the law of Nature and will result in bad luck for the heartless individual.

This common superstition leads to the belief that what you do during the first days of Tet will affect, in a mysterious way, the future of the coming new year. Consequently, the first visitor to home will bring good fortune or bad luck to the family depending on how lucky or unlucky, happy or unhappy, healthy or not the individual may be. In order not to be subject to uncertainty, people select a "good" individual and invite him to visit, hoping that this individual will bring good fortune and luck to the family for the whole year.

So, What Tết Means To The Vietnamese People?

TẾT is the passionate cry of all Vietnamese -- during the re-birth of Nature -- reasserting its belief in Life and the ultimate longing for Happiness



Buddha & Ancestors' Altar

TẾT is also the glorification of the Family and the Cult of the Ancestors. During Tết, the whole family -- grandparents, uncles, aunts, parents and children, family members working far away, all gather under the same roof and share meals under the watching eyes of the ancestors from the altar. The ancestors' altar displayed with pictures of dead family members, is decorated with flowers, fruits, and bountiful foods. Incense, candles are lighted all day, filling the house with delicate aromas.

TẾT is not only a celebration of the livings, but also a commemoration of the dead. For three days, the ancestors spiritually participate in the daily life of the family. The day before Tết, a family meal is offered to the ancestors to invite them to come home. For the next two days, meals are provided twice. On the third day, a big meal is prepared to bid farewell to the ancestors who return to the other world.

In conclusion, Tết is a time during which Vietnamese all over the world, rich and poor, young and old, from all walks of life, rejuvenate themselves, leaving behind sorrow and worries to share a familiar feeling of love for the Family and Hope for a better future. The most beautiful thing is that this event will happen each year, and this way, every year, all Vietnamese can live this beautiful and happy tradition again.



Phạm Quỳnh: TÂM LÝ NGÀY TẾT
TẾT, A VIETNAMESE TRADITION

Summary Translation by Phung Thi Hanh, M.Ed

Vietnamese Tet – The Integration Between Generations.

Mai Thanh Truyết



Tết Nguyên Đán, or the Lunar New Year, is the most cherished celebration for Vietnamese people. However, for Vietnamese communities living overseas, Tết is no longer simply a holiday; it becomes a test of cultural identity, family cohesion, and community connection. Experiencing Tết abroad requires balancing memories and expectations across generations while adapting to the social and cultural realities of the host country.

1. Awareness of Regional Differences in Tết Across Northern, Central, and Southern Vietnam

Tết Nguyên Đán is the most important festival of the year for Vietnamese people. It is not only a time for family reunions but also a moment for reflection on tradition, for offering wishes of peace and prosperity, and for expressing national cultural values. Although it shares the same name nationwide, Tết in the North, Central, and South carries distinct characteristics shaped by differences in climate, history, and daily life.

In **Northern Vietnam**, Tết is typically solemn and warm in spirit, yet accompanied by the chill of winter. Northerners place great emphasis on traditional rituals such as cleaning the house, tending ancestral altars, and preparing elaborate ceremonial meals featuring square *bánh chưng*, pork rolls, pickled onions, and fried spring rolls. Peach blossoms, kumquat trees, and red calligraphy banners are indispensable symbols,



creating an atmosphere that is both elegant and festive. Giving *lì xì* (lucky money) to children is a cherished custom, while traditional folk games such as Chinese chess or *ô ăn quan*—help strengthen family bonds.



Central Vietnam presents a different tone. Tết here is often tranquil, solemn, and sometimes introspective, reflecting the region's cold weather or persistent drizzles. Families still clean their homes and prepare offerings for ancestors, but meals are generally simpler, featuring smaller *bánh tét*, sticky rice, braised pork, and bamboo shoot soup. The Central Vietnamese Tết feast is modest yet balanced in flavor, sweet, salty, and sour, less elaborate



than in the South but rich in meaning. Giving lucky money is less emphasized; instead, well-wishes and traditional verses convey affection and moral values.

Visiting pagodas to pray for good fortune is an important custom, especially during the first days of the year. Like the North, the Central region values the tradition of selecting the first visitor of the year (*xông đất*), often choosing someone believed to bring good luck and prosperity. Overall, Tết in Central Vietnam preserves ancestral rituals while remaining simple and deeply local, creating an atmosphere that is both dignified and intimate distinct from the North's formality and the South's exuberance.

By contrast, **Southern Vietnam** celebrates Tết in a joyful, lively, and warm atmosphere. The southern spring is rarely cold, encouraging outdoor activities such as flower markets, spring festivals, and leisure travel. Southerners prepare round or long *bánh tét*, decorate homes with yellow apricot blossoms, ornamental plants, and red banners. Lucky money is generously given not only to children but also to adults as a gesture of friendliness and openness. Visiting pagodas, attending spring festivals, and gathering with friends and relatives are central activities that create a vibrant and energetic holiday spirit.

Comparing Tết across the three regions reveals that each has its own unique character, yet all share core values: family reunion, ancestor worship, well-wishing, and the preservation of cultural traditions. The North is solemn and warm; the Central region is serene and reflective; the South is cheerful and dynamic. This diversity forms a rich and unified picture of Vietnamese Tết, reflecting the multidimensional nature of national culture.

Despite regional differences, Tết remains a time for people from North to South to turn toward their roots, cherish family bonds, and renew their hope for a peaceful and prosperous new year. Harmonizing these regional traditions is not merely about sharing food or greetings, but about sustaining emotional ties, cultural continuity, and the Vietnamese spirit within families and communities.

2. Principles of “Harmonizing” Tết Across the Three Regions

Respecting regional characteristics does not mean forcing Northerners to celebrate as joyfully as Southerners, or Southerners to observe rituals in the Northern style, nor imposing the solemnity of Central Vietnam on everyone. Instead, each region's rituals, foods, and customs should be preserved as symbols of Vietnam's cultural diversity, while common ground is cultivated through shared values such as:

- Emphasizing the original meaning of Tết: family reunion, ancestor remembrance, and a hopeful new beginning;

- Using shared activities—Tết meals, New Year greetings, lucky money, peach or apricot blossoms, folk games—to connect North, Central, and South, even if practiced differently;
- Creating “blended but not merged” experiences. For example, at a community Tết gathering, one may serve Northern *bánh chưng*, small Central-style *bánh tét* with red-hued fillings, and large Southern *bánh tét*, each prepared and presented in its own way. Children and adults can learn to wrap and taste all varieties, experiencing diversity while remaining connected;
- Storytelling, explanation, and cultural education—helping younger generations or guests understand why regions differ, reinforcing the idea that diversity is a source of strength;
- Establishing cultural “experience corners” at home or in community spaces, featuring traditional cakes, Tết sweets, calligraphy, and couplets, thereby promoting the spirit of “unity in diversity,” where differences complement rather than conflict.

3. Tết Across Generations in the Vietnamese Diaspora



Overseas Vietnamese -American Community celebrates Tết in Eden Center, Virginia - Photo by NQD

The **first generation**, who migrated as adults, carries vivid memories of Tết in Vietnam. For them, Tết is not merely a ritual but a cultural repository, a way to maintain ancestral connections and pass values to younger generations. Celebrating Tết abroad helps recreate these memories and provides continuity and stability in a foreign environment.

The **second generation**, raised in the host society but influenced by their parents’ traditions, experiences Tết as a negotiation between memory and reality. They retain core values such as family reunion and ancestor remembrance, while adapting rituals

to modern life. This generation acts as a bridge, translating traditional practices into meaningful experiences for both elders and children.

The **third generation**, born and raised entirely overseas, tends to view Tết as a cultural symbol and experiential event. Rituals are less central than atmosphere, shared activities, and identity-building. Their participation is often creative and playful, focused on experience rather than strict adherence to tradition. They generally resist rigid frameworks imported directly from Vietnam.

4. Regional Traditions Carried Overseas

Beyond generational differences, regional variations in Tết are also carried abroad. Northern traditions emphasize ritual, ancestral worship, and symbolic foods like *bánh chưng* and peach blossoms. Southern Tết is lively and festive, with *bánh tét*, apricot blossoms, preserved vegetables, folk games, and warm greetings. Central Vietnam's Tết remains solemn and restrained, shaped by harsher weather conditions.

Preserving all three traditions while creating shared experiences allows overseas Vietnamese communities to respect diversity without losing unity. The “blended but not merged” approach, similar to the American “salad bowl”, maintains each region’s identity while highlighting shared values such as family reunion, ancestor remembrance, and New Year blessings. In this way, diversity becomes a source of strength rather than division.

Overseas Tết also offers an opportunity to connect with the host society by inviting friends, neighbors, and colleagues to participate in traditional foods, games, storytelling, and cultural experiences. Recognizing the contributions of all generations ensures that overseas Tết becomes a shared cultural space, strengthening community belonging while fostering goodwill with the broader society.

5. Why Harmonization Is Necessary?

To ensure that overseas Tết remains meaningful, practical, and accessible to non-Vietnamese, several fundamental steps may be applied throughout the celebration:

- First, clarify the core meaning of Tết: family reunion, ancestor remembrance, and renewal.
- Second, define generational roles: the first generation preserves memory, the second interprets and translates culture, and the third experiences and innovates.

- Third, share Tết with the host community by inviting participation and explaining customs;
- Fourth, create interactive experiences such as communal meals, folk games, storytelling, and shared memories of rural Tết in the past;
- Fifth, document and transmit memories through photos, videos, and storytelling, enabling everyone to feel like active participants.



When generations embrace the spirit of “unity in diversity,” differences in customs become cultural complements rather than sources of conflict. Successful harmonization does not impose uniformity, but allows each generation to participate according to its role, preserving memory, interpreting culture, or creating new experiences.

Harmonization creates a shared space that preserves distinct identities, ensuring that all three regions, North, Central, and South, feel that Tết belongs to them and to the Vietnamese nation as a whole. Its benefits include:

- Preserving national sentiment, as younger generations see diversity united by shared values;
- Enriching cultural experience through food, games, and storytelling;
- Strengthening community bonds, especially in overseas settings or among different regions within Vietnam.

Harmonizing Tết does not erase differences; it respects and connects them. When each region retains its identity while participating in shared experiences, Tết becomes a living symbol of Vietnamese

cultural affection, uniting generations and regions from North to South, at home and abroad.

In summary, overseas Tết is not a replica of Tết in Vietnam but a living, adaptive tradition that connects generations. By harmonizing regional rituals, bridging generations, and welcoming the host community, Vietnamese Tết becomes a shared space of memory, experience, and creativity. When celebrated with openness and flexibility while preserving core values, overseas Tết allows everyone to feel that it truly belongs to them, while fostering understanding and goodwill beyond the community.



“We do not preserve Tết to cling to the past, but to help generations find common ground, where they recognize that they belong to one another.”

Vietnamese people should view overseas Tết as both an internal bond and a cultural dialogue with the host society. Harmonization means enabling each generation to recognize Tết’s value and participate in its own way, creating a shared Tết where memory, experience, and creativity meet without forcing one generation to conform to another.

What matters most is that overseas Tết, though not identical to its original form in Vietnam, can become a vibrant and adaptive version that unites generations while preserving Vietnamese cultural identity.

Mai Thanh Tuyết

February 2026

The Lunar Calendar And The Twelve Zodiacs

Lưu Nguyễn Đạt



The difference between the lunar calendar and the solar calendar is the celestial body used to measure the passage of time. The lunar calendar uses the phases of the moon to measure time, usually measuring the time from the new moon to the new moon as one month. The time required for the Earth to rotate around the Sun is one solar year. The solar calendar typically measures the time between vernal equinoxes.

Throughout history, people have used different types of calendars to help them know when to plant crops, choose the best hunting times, plan meetings, and observe religious holidays. All calendars work by making it possible for you to organize time units by following astronomical cycles. Months are based on the moon's orbit around the Earth. Years are based on Earth's orbit around the sun, and days measure the time as the Earth revolves once around its axis.

Symbolic Meaning Of The Twelve Zodiacs

In Vietnam, the calendar is made according to the regular cycle change of the Moon. Based on the lunar calendar, the exact date of a lunar new year varies from year to year of the solar calendar. Tết starts with “The First Day Celebration” of the Lunar Year. Tết arrives this year in February 17th in 2026, still in the heart of the winter, without flowers, nor green leaves in cold areas.

Each lunar year is "maintained" by one of the twelve zodiacs or symbolic animals.

According to the Vietnamese zodiacs, the first is the Rat (Tý), then the Buffalo/Ox (Sửu), followed by the Tiger (Dần), Cat (Mão), Dragon (Thìn), Snake (Ty), Horse (Mã), Goat (Mùi), Monkey (Thân), Rooster (Dậu), Dog (Tuất) and finally Pig (Hợi). Among these zodiacs, the Dragon is a mythical animal. The Rat, Tiger, Snake, and Monkey are wild animals and often avoid meeting people. The remaining seven are domestic pets. Every cycle of 12 years, the same zodiac or symbolic animal reappears.

Also, Vietnamese people calculate the cycle of 60 years, combining the return of the twelve zodiacs and the ten astronomic movements of the sky. The Asian lunar calendar of the 60 years is equivalent to the Western solar calendar of a one-century (100 years) cycle.

Each year influences people according to whether their symbols are converging or diverging [The more the individual fits his/her natural sign, the better it is].

BE AWARE: People born in January and early February of each year still belong to the previous year zodiac [e.g., usually people born after March 1969 are under the sign of the Rooster; but if born in January 1969 or early February 1969, they still belong to the previous year [1968] of the Monkey].





RAT

[1912, 1924, 1936, 1948, 1960, 1972, 1984, 1996, 2008, 2020]

People born in the year of the Rat are very charming and attractive to the opposite sex. However, they are terrified of light and noise. People of this zodiac age are very positive and active, but they also often encounter trifles. The year of the Rat is a smart, agile, and knowledgeable way to control and deal with problems quite reasonably. When young, they have many opportunities to develop; and old, they enjoy a peaceful life. People born in the year of the Rat are also wealthy: when the rat appears, there must be a sign of prosperity or an abundance of grain, supply, or material goods.



BUFFALO

[1925,1937,1949,1961,1973,1985,1997,2009]

Buffaloes represent diligence and patience. This year has made steady but slow progress and sustained strength. People born in the Year of the Buffalo/Ox often have the appropriate personality to become scientists, builders. Buffaloes also symbolize Spring and agriculture because they are associated with plowing and like to cool off in the mud. People of this age are usually calm and very determined but very stubborn.



TIGER

[1926,1938,1950,1962,1974,1986,1998,2010]

Tiger-bearing people often get angry quickly, lack stance, but they can be very soft and turn their personality to adapt to the situation. The tiger is the lord of the jungle, often nocturnal, and evokes signs of darkness and thunderstorm. Tiger time starts from 3 to 5 o'clock when the tiger returns to the cave after prowling in the night.



CAT

[1927,1939,1951,1963,1975,1987,1999,2011]

Cats represent people who speak softly, are talented, ambitious, and will succeed on the path of education. They have the spirit of flexibility, patience, and the ability to wait for an opportunity before acting.



DRAGON

[1928,1940,1952,1964,1976,1988,2000,2012]

The dragon in the legend of the East is the Yang of the universe, the symbol of royal authority. Accordingly, dragons are present everywhere, underwater, on the ground, and in the air. The dragon is a symbol of water and a favorable sign for agriculture. People of the Dragon age are sincere, energetic, but very hot-tempered and stubborn. They are symbols of idealism, power, wealth, and prosperity.



SNAKE

[1929,1941,1953,1965,1977,1989,2001,2013]

People of the snake age say little but very knowledgeable. They are suitable for wet areas. The snake symbolizes the continuous evolution of maturity and succession, the decay, and the continuity of the generations of humankind. People of the snake age are very calm, gentle, sincere, and sympathetic but sometimes angry. They are very determined and persistent.



HORSE

[1930,1942,1954,1966,1978,1990,2002,2014]

People born in the year of the Horse usually speak gently, comfortably, and generously. Therefore, they are easy to be liked by many people, but they rarely hear the advice. People of this age often have a boiling temper. The speed of horses makes people think of the sun shining on the earth every day. In mythology, the sun is related to raging horses. This age is often said to be pure, noble, and wise. People of this year zodiac are intelligent, reliable, and cordial.

Binh Ngo people are talented leaders who know the combination of kindness and strictness to manage his subordinates without causing dissatisfaction. They are respected and loved by their subordinates, having a close and good relationship. Confidence and enthusiasm help Binh Ngo people to achieve many advancements on the career path.



GOAT

[1931,1943,1955,1967,1979,1991,2003,2015]

People born in the year of the Goat are usually calm but shy, very modest, but do not take a stance. They talk awkwardly, so they cannot be good sellers, but they are very compassionate and often help people. They often have an advantage because of their natural kindness and shyness.



MONKEY

[1932,1944,1956,1968,1980,1992,2004,2016]

People of the Monkey age are often capricious. They are very talented and skillful in money transactions. People of this year zodiac are usually happy, smart, curious, creative, and lovable.



ROOSTER

[1933,1945,1957,1969,1981,1993,2005,2017]

Year of the Rooster represents a period of diligent labor activity because the rooster or the hen must be busy founding foods from morning to evening. Its crest is a sign of extreme intelligence and learned intelligence. People born in the year of the Rooster are thoughtful. At the same time, chickens are considered protection against fire. People born in the year of the Rooster often earn a living from small businesses, working diligently like "a chicken digging in the ground."



DOG

[1934,1946,1958,1970,1982,1994,2006,2018]

Dog year indicates a prosperous future. Around the world, dogs are used to keep homes against intruders. The stone dog pair is usually placed on either side of the village gate to protect. The Year of the Dog is very safe.

The dog age People live very frugally, being not wasteful people. They are frank and sincere, also very resolute. On the career path, they also show themselves as wealthy people with determination and willpower, resolving difficulties in their career, and learning many life experiences.



PIG

[1935,1947,1959,1971,1983,1995,2007,2019]

Pigs symbolize wealth because wild boars often burrow in forests. People born in the Year of the Pig are very generous, gallant, kind and brave but often short-tempered, but diligent and willing to listen.

The pig age people only know how to use sincere feelings to get the person they love. With a high sense of responsibility, they correctly complete the assigned work. The spirit of abundant work, sometimes becoming overly enthusiastic. However, they are excellent people, so they brought many satisfactions to the entourage.

Lưu Nguyễn Đạt

TẾT, THE SPIRIT OF RENEWAL

There are moments in a people's fate
when time gathers itself,
when history pauses its long stride
to let the soul's inner truth appear.

Tết belongs to such rare hours:
a solemn threshold
where the Vietnamese spirit
collects itself, is cleansed, is renewed.

It is no ordinary feast.
It is a liturgy of hope,
a discipline of inward clarity,
where each of us, humbly,
lays down the shadows of the passing year
to welcome, with dignity,
the rising light.

Even the preparations
bear the mark of moral order:
we cleanse the dwelling
as we clear the mind;
we settle debts
as we soothe remorse;
we restore loosened ties
out of respect for the invisible harmony
that binds all beings.

At the hour of passage,
when night brushes the edge of dawn,
a grave silence descends upon the land.
One feels a subtle trembling in the air,
as if vanished generations
returned for a breath
to bless the march of time.
It is a moment of sovereign humility:
No one knows the design of the coming year,
yet each stands ready,
open to the unknown,
with a trust both fragile and noble.

On the first morning,
the light seems transfigured.
The greetings exchanged
are more than courteous words:
they are acts of benevolence,
moral offerings,
seeds of peace placed gently
in another's heart.
For a New Year's wish
It is less a phrase than a gesture of the soul.

The dishes were set upon the table
are the tender archives of memory:
They speak of family fidelity,
of gratitude toward ancestors,
of the quiet continuity
of a civilization handed down
through taste, fragrance, and sharing.

Thus, Tết is not merely
a return to origins;
It is a way of holding together
past, present, and future
in a discreet harmony
where tradition does not hinder renewal
but nourishes it.

And perhaps therein lies
the deepest secret of Tết:
It teaches that renewal
is not rupture,
but consent to a higher light,
a simpler truth,
a more just humanity.

Tết is a mirror:
We look into it
and find ourselves more true.
It is a threshold:
We cross it
and feel more alive.
It is a promise:
to begin again,
without betraying ourselves,
with a little more clarity
in our hands.

LUU NGUYỄN ĐẠT



Văn Phòng Luật Sư

FREDERICK J. DAY

5641 Columbia Pike, Falls Church, VA 22041

Email: bichday@aol.com & Web: bichduyenday.com



Tel: 703-845-1999 / 8723 ** Fax: 703-845-8195 ** Toll free: 1-800-528-1631

Văn Phòng Luật Sư FREDERICK J. DAY trên 30 năm qua đã phục vụ cộng đồng người Việt Ty Nạn Vùng DC, VA & MD và đem lại nhiều kết quả tốt đẹp cho thân chủ.



Luật Sư Frederick J. Day
George Washington University (1981)
License: Washington DC, VA.

Văn phòng luật sư với kinh nghiệm chuyên nghiệp

TAI NẠN XE CỘ

Với sự tận tâm của các Luật sư
nhiều năm kinh nghiệm, văn phòng chúng tôi
đã đòi bồi thường cao nhất
cho thân chủ trong nhiều năm qua



Nguyen Bich Duyen Day
Marketing Director
703-599-6043

Luật sư có mặt tại văn phòng
sẵn sàng đại diện cho thân chủ
trước tòa án và sẵn sàng
giải đáp mọi thắc mắc.
Có luật sư tại Việt Nam
giúp đỡ quý vị khi cần

LUẬT SƯ RA TÒA:

- * Lái xe say rượu
- * Lái xe không bằng lái
- * Chạy quá tốc độ
- * Shoplifting

THAM KHẢO MIỄN PHÍ

Chỉ nhận thù lao
sau khi được
bồi thường

LUẬT DI TRÚ

Văn phòng chúng tôi đã đem đến
sự đoàn tụ cho nhiều gia đình & du lịch:

- * Từ Việt Nam sang thăm thân nhân
- * Du lịch muốn ở lại Hoa Kỳ để
chuyển sang diện du học, có thể đem theo con,
con sẽ được đi học miễn phí.
- * Bảo lãnh cha mẹ, anh em, hôn thê,
hôn phu, vợ chồng con ngoại hôn.
- * Xin VISA re-entry permit, lập công hàm độc thân.
- * Bệnh vực khi bị trục xuất,
kháng cáo khi hồ sơ bị bác tại Việt Nam

LUẬT GIA ĐÌNH

- * Lập di chúc, làm tờ ủy thác (TRUST),
đổi họ và tên, ly thân, ly dị
- * Hợp đồng thỏa thuận trước khi kết hôn.

LUẬT THƯƠNG MẠI

- * Thành lập công ty, thiết lập hội đồng,
thành lập hội từ thiện, sang nhượng cửa tiệm.
- * Quit - Claim (lấy tên ra khỏi hợp đồng)
- * Giải quyết những khó khăn liên quan tại
Virginia Board of Barbers and Cosmetology.

KINH NGHIỆM - TẬN TÂM - UY TÍN



Chúc Mừng
Năm Mới 

focusdigitalpublishing

focusdigitalpublishing@gmail.com 703.336.2344

